

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN CHUYỂN TIỀN NƯỚC NGOÀI

1. GIỚI THIỆU

1.1. TỔNG QUAN

- Mục tiêu của tài liệu này là mô tả tổng quan chương trình Chuyển Tiền Quốc Tế và hướng dẫn sử dụng các chức năng được hệ thống Intellect hỗ trợ, bao gồm các màn hình dưới dạng hình ảnh minh họa trong từng bước thực hiện giao dịch.
- Phân hệ Chuyển Tiền Quốc Tế được hệ thống Intellect hỗ trợ với các chức năng chính sau:
 - Chuyển tiền ra nước ngoài
 - Nhận tiền đến từ nước ngoài
 - Truy vấn báo cáo trực tuyến: theo các tiêu chí chính sau đây
 - Ngày giá trị
 - Loại điện
 - Đơn vị tiền/số tiền
 - Trạng thái giao dịch
 - Tìm kiếm giao dịch: theo các tiêu chí chính sau đây
 - Ngày giá trị
 - Loại điện
 - Đơn vị tiền/số tiền
 - Trạng thái giao dịch

1.2. KHỞI ĐỘNG

Để truy cập vào chương trình Intellect, người sử dụng cần có Tên sử dụng và Mật khẩu. Tên sử dụng và Mật khẩu do người quản lý chương trình cấp.

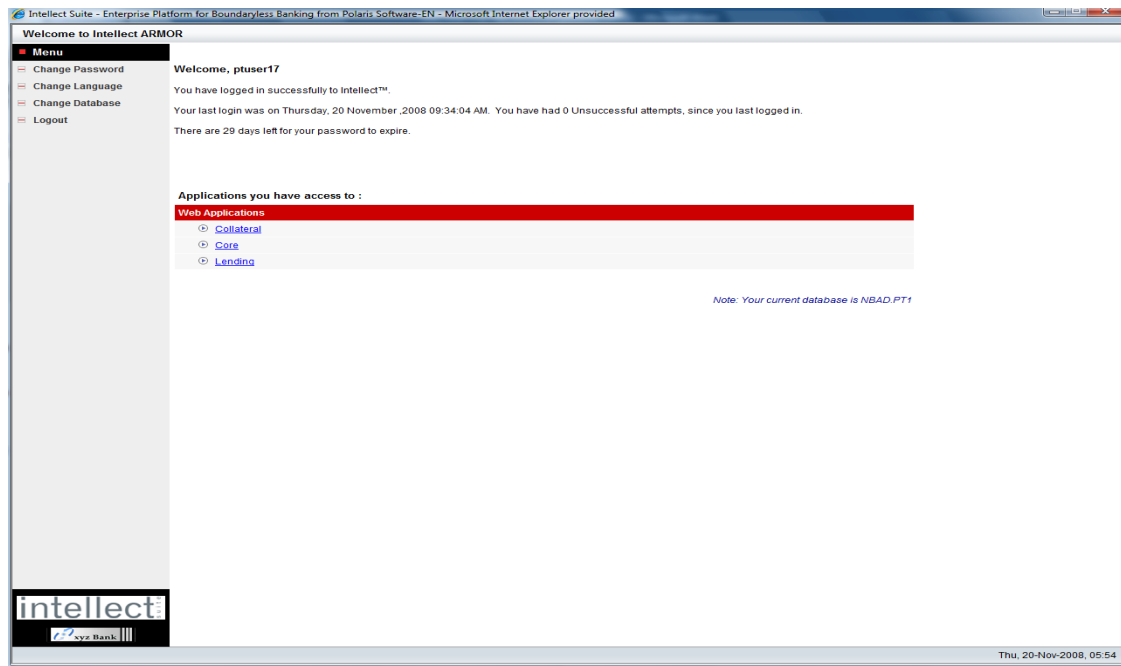
Nhập đường dẫn vào chương trình Intellect tại thanh địa chỉ truy cập Internet. Đường dẫn do Quản lý hệ thống cung cấp. Màn hình đăng nhập sẽ hiển thị như sau:

Màn hình bắt đầu

1.2.1. BẮT ĐẦU

Bắt đầu vào chương trình Intellect,

- Nhập Mã người sử dụng và Mật khẩu vào màn hình đăng nhập.
- Nhấp chọn , màn hình Chào sẽ hiển thị như dưới đây:



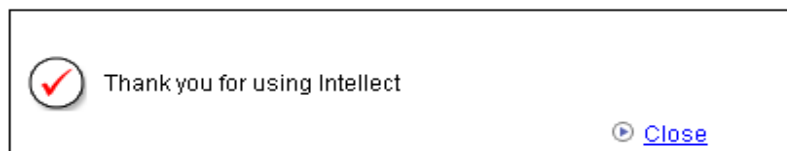
Màn hình Chào

- Trên màn hình Chào sẽ hiển thị tất cả các ứng dụng có sẵn trong hệ thống để người sử dụng lựa chọn đúng ứng dụng cần dùng.
- Nhấp chọn đường dẫn **Core**, trang mặc định của Intellect Core sẽ hiển thị

1.2.2 KẾT THÚC

Thoát ra khỏi chương trình Intellect,

1. Chọn **Logout** (Thoát) từ menu bên trái của màn hình Chào. Khi người sử dụng chọn Thoát thành công thì màn hình sẽ hiển thị như sau:



Màn hình Thông báo Thoát thành công

Chọn **Close** (đóng) để đóng màn hình thông báo thoát thành công.

2. CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ (FUNDS TRANSFER CROSS BORDER)

Phần này mô tả các thông tin chi tiết liên quan đến việc sử dụng các chức năng trong hệ thống Intellect cho chuyển tiền đi nước ngoài. Có hai loại chuyển tiền đi:

Customer Plain Booking: sẽ qua 4 giai đoạn như sau:

- Customer Plain Booking
- Authorize
- Customer Plain Booking Enrichment
- Authorize

Khi giao dịch đã được phê duyệt ở giai đoạn Customer Plain Booking, giao dịch sẽ đồng thời được chuyển đến nằm chờ tại 2 phần khác nhau:

- Customer Plain Booking Enrichment: giao dịch sẽ được bổ sung thông tin về ngân hàng Nostro và sẽ được duyệt để vào hệ thống Swift
- Customer Plain Booking Reversal: tại phần này, nếu được yêu cầu, giao dịch sẽ được hủy và các bút toán sẽ được hạch toán trả lại tài khoản của khách hàng.

Customer Full Booking: sẽ chỉ có 2 giai đoạn:

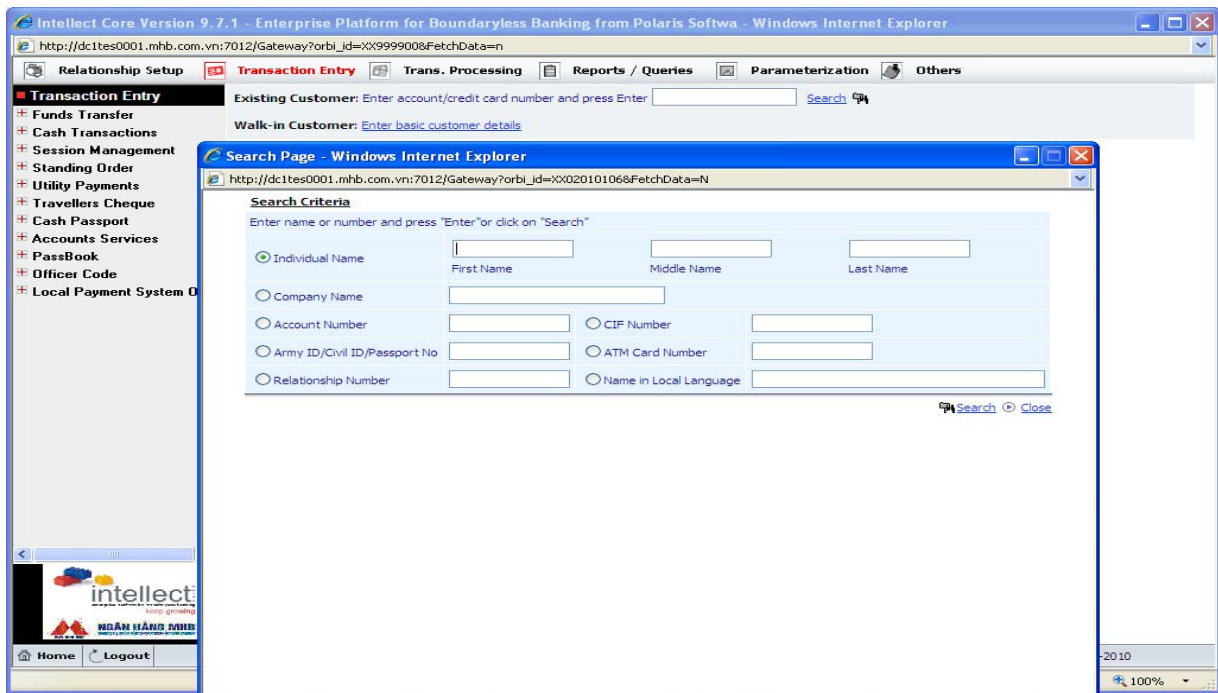
- Customer Full booking
- Authorize

Tại Customer Full Booking: màn hình giao dịch và cách nhập thông tin tương tự như Customer Plain Booking. Tuy nhiên tại Customer Full Booking, người sử dụng sẽ phải chọn thêm ngân hàng Nostro để thực hiện lệnh chuyển tiền.

2.1. CUSTOMER PLAIN BOOKING

A/ Bước nhập liệu

1. **Tìm kiếm thông tin khách hàng** : Chỉ có thể thực hiện giao dịch với khách hàng hiện hữu, không áp dụng cho khách hàng vắng lai
 - a. Nhập số tài khoản và nhấn phím Enter trên bàn phím hoặc nhấp chuột vào  SearchMàn hình tìm kiếm thông tin khách hàng chuyển tiền sẽ hiện ra

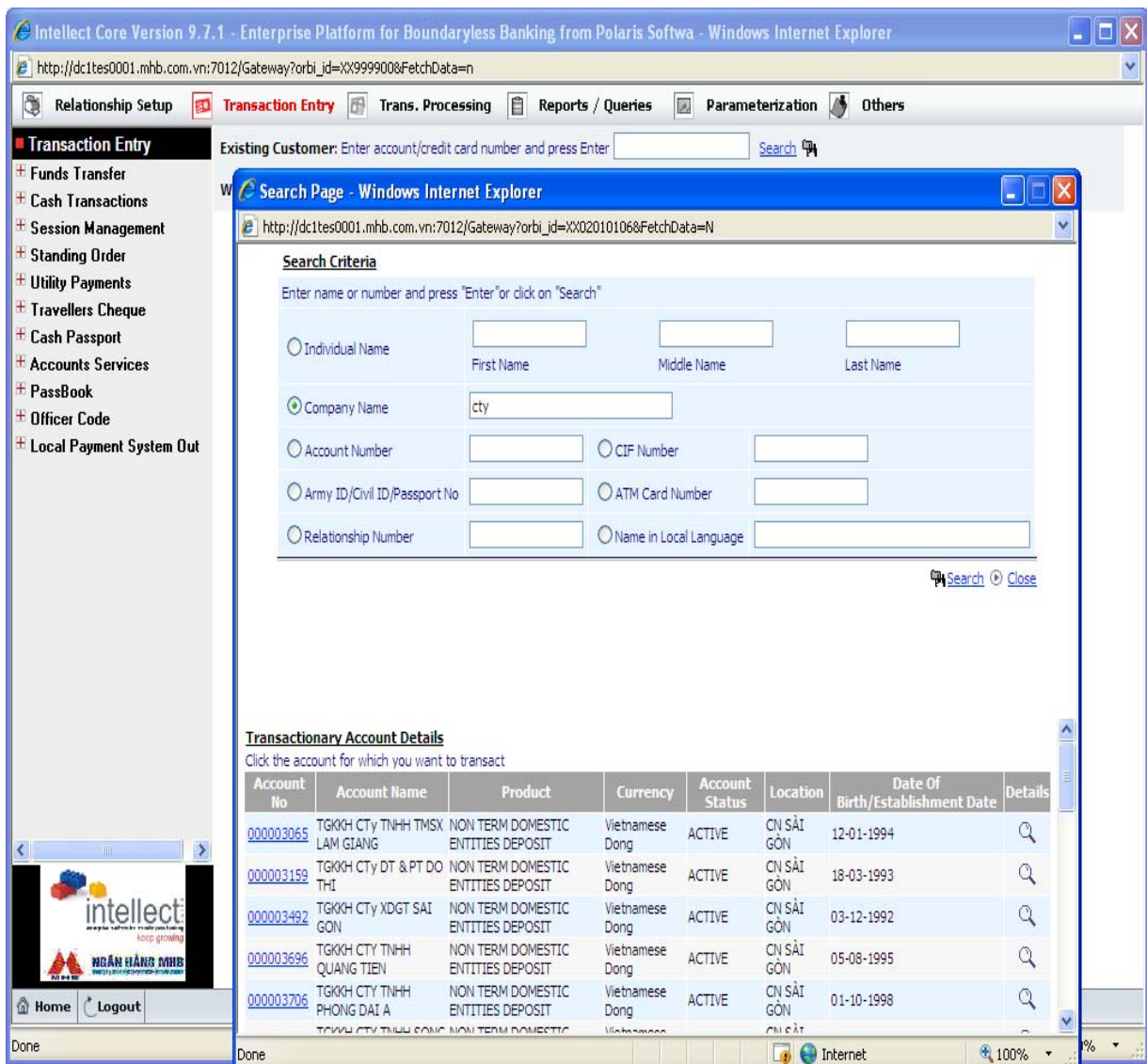


Màn hình nhập thông tin tìm kiếm khách hàng

Có các tiêu chí tìm kiếm như:

- Tên cá nhân
- Tên công ty
- Số tài khoản
- Số CIF
- Số CMND/Passport
- Số thẻ ATM
- Số liên hệ

- b. Nhập thông tin vào một trong các tiêu chí trên và nhấp chuột vào [Search](#) . Kết quả tìm kiếm sẽ được thể hiện ở phía dưới của màn hình.



The screenshot displays the Intellect Core Version 9.7.1 interface within a Windows Internet Explorer browser. The main menu on the left includes options like Transaction Entry, Funds Transfer, Cash Transactions, Session Management, Standing Order, Utility Payments, Travellers Cheque, Cash Passport, Accounts Services, PassBook, Officer Code, and Local Payment System Out. The central area shows a search criteria form with fields for Individual Name (First, Middle, Last), Company Name (filled with 'cty'), Account Number, CIF Number, Army ID/Civil ID/Passport No, ATM Card Number, Relationship Number, and Name in Local Language. Below the search form is a table titled 'Transactionary Account Details' listing various accounts with their details.

Account No	Account Name	Product	Currency	Account Status	Location	Date Of Birth/Establishment Date	Details
000003065	TGKH CTY TNHH TMSX LAM GIANG	NON TERM DOMESTIC ENTITIES DEPOSIT	Vietnamese Dong	ACTIVE	CN SÀI GÒN	12-01-1994	
000003159	TGKH CTY DT & PT DO THI	NON TERM DOMESTIC ENTITIES DEPOSIT	Vietnamese Dong	ACTIVE	CN SÀI GÒN	18-03-1993	
000003492	TGKH CTY XDGT SAI GON	NON TERM DOMESTIC ENTITIES DEPOSIT	Vietnamese Dong	ACTIVE	CN SÀI GÒN	03-12-1992	
000003696	TGKH CTY TNHH QUANG TIEN	NON TERM DOMESTIC ENTITIES DEPOSIT	Vietnamese Dong	ACTIVE	CN SÀI GÒN	05-08-1995	
000003706	TGKH CTY TNHH PHONG DAI A	NON TERM DOMESTIC ENTITIES DEPOSIT	Vietnamese Dong	ACTIVE	CN SÀI GÒN	01-10-1998	

Màn hình chọn khách hàng

Tài khoản CASA sẽ thể hiện cùng với các chi tiết như: số tài khoản, tên tài khoản, sản phẩm, loại tiền, tình trạng tài khoản, địa điểm chi nhánh, ngày sinh/ngày thành lập, chi tiết.

Nhấp chuột vào biểu tượng  ở chi tiết để xem chi tiết của tài khoản.

- c. Sau khi chọn ra tài khoản/khách hàng, màn hình sẽ thể hiện các chi tiết liên qua đến tài khoản khách hàng như: số tài khoản, loại tài khoản, loại tiền, số dư khả dụng, số dư hiện tại, tình trạng tài chính

Để xem chi tiết của tài khoản, nhấp chuột vào biểu tượng  tại Số tài khoản (Account Number)

Để xem chi tiết về số dư khả dụng, nhấp chuột vào biểu tượng  tại Available Balance

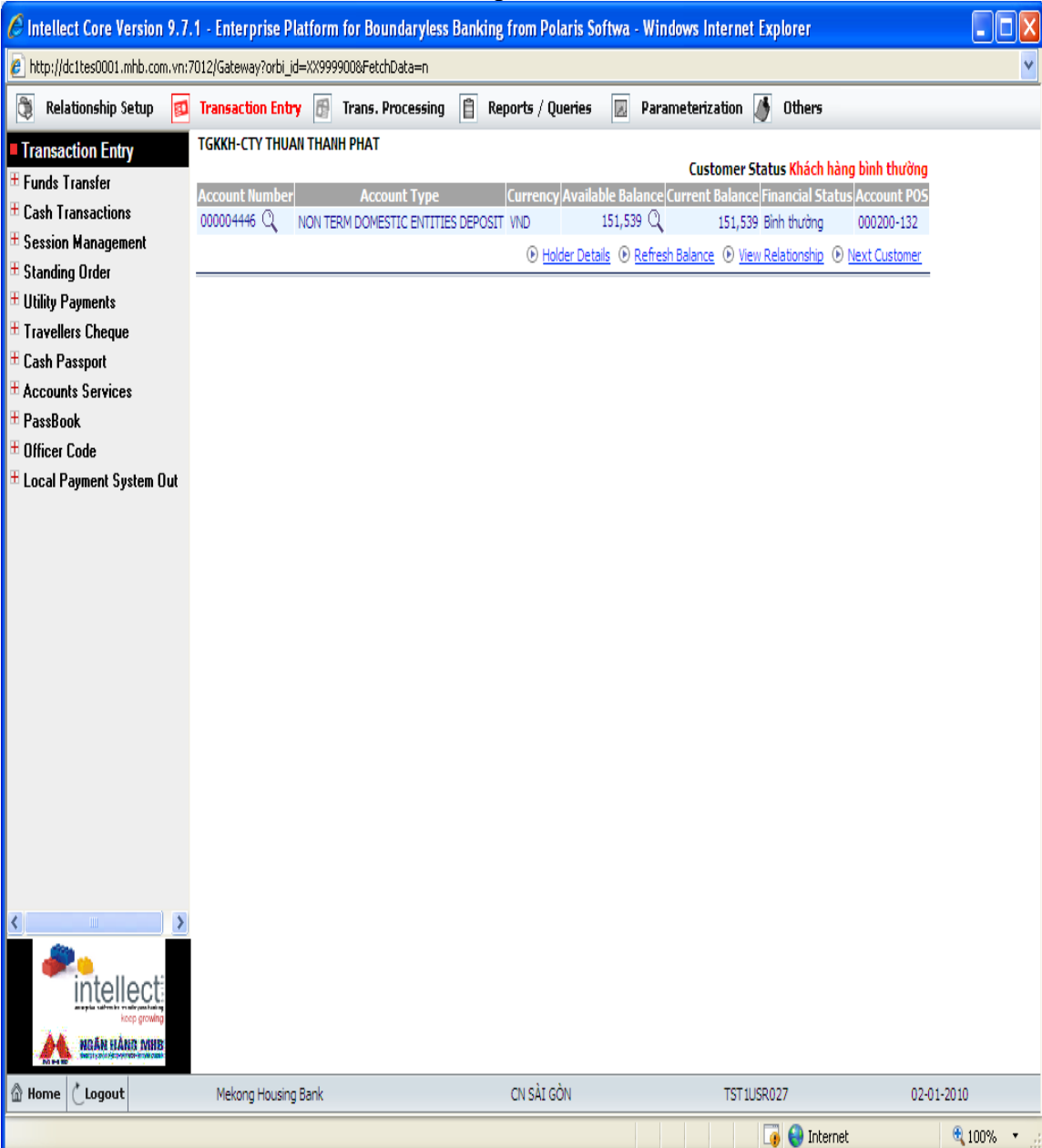
Khi nhấp chuột vào [Holder Details](#) : Xem chi tiết về chủ tài khoản

[Refresh Balance](#) : Hệ thống sẽ cập nhật số dư khả dụng và số dư hiện tại

[View Relationship](#) : Xem mối quan hệ, muốn quay lại màn hình cũ thì nhấp chuột

vào Account number

[Next Customer](#) : Tìm khách hàng khác



The screenshot displays the Intellect Core Version 9.7.1 interface within a Windows Internet Explorer browser. The URL bar shows a gateway to the system. The main menu on the left includes options like Relationship Setup, Transaction Entry (selected), Trans. Processing, Reports / Queries, Parameterization, and Others. Under Transaction Entry, there are sub-menus such as Funds Transfer, Cash Transactions, Session Management, Standing Order, Utility Payments, Travellers Cheque, Cash Passport, Accounts Services, PassBook, Officer Code, and Local Payment System Out. The main content area shows the details for 'TGKKH-CTY THUAN THANH PHAT'. A table displays account information:

Account Number	Account Type	Currency	Available Balance	Current Balance	Financial Status	Account POS
000004446	NON TERM DOMESTIC ENTITIES DEPOSIT	VND	151,539	151,539	Bình thường	000200-132

Below the table, there are links for [Holder Details](#), [Refresh Balance](#), [View Relationship](#), and [Next Customer](#). The bottom status bar includes 'Home', 'Logout', 'Mekong Housing Bank', 'CN SÀI GÒN', 'TST1USR027', and '02-01-2010'. The Intellect logo and 'keep growing' tagline are visible in the bottom left corner.

2. Chọn loại hình giao dịch:

- a. Nhấp chuột chọn **Fund Transfer/Fund Transfer Cross border/ Out going/ Customer Plain Booking** . Màn hình sau sẽ xuất hiện.

The screenshot shows the 'Transaction Entry' screen for 'Fund Transfer - Cross Border Outgoing'. The interface includes a left sidebar with navigation options like 'Funds Transfer', 'Collection', 'Cheque Deposit', 'A/c to A/c Transfer', 'Fund Transfer - Cross Border', 'Outgoing', 'Instrument Issuance', 'Cash Transactions', 'Session Management', 'Standing Order', 'Utility Payments', 'Travellers Cheque', 'Cash Passport', 'Accounts Services', 'PassBook', 'Officer Code', and 'Local Payment System Out'. The main area displays transaction details for 'TGKKH-CTY THUAN THANH PHAT'.

Customer Status: Khách hàng bình thường

Account Number	Account Type	Currency	Available Balance	Current Balance	Financial Status	Account POS
000004446	NON TERM DOMESTIC ENTITIES DEPOSIT	VND	151,539	151,539	Bình thường	000200-132

FCY - Outgoing - Customer Transfer Request Maker

Enter Transaction Details

Mode of Payment * Select From Template

Debit Amount * Debit Date *

Transfer Amount *

Ordering Customer Details

Account No * Ordering Customer *

Name * Address 1 *

Address 2 * Address 3 *

Beneficiary Details

Acc. Number *

Name * Address 1

Address 2 Address 3

Ben. Bank * Bank Name

Location Purpose Type

Save As Template Yes ☐ No ☒

Signature Verification ☐

Other Details

Conversion Rate Remarks

Charges Swift Charge

Net Debit Amt. Net Credit Amt.

(* indicates mandatory field)

- b. Trong đó thông tin về khách hàng chuyển tiền đã được chọn sẽ thể hiện đầy đủ trong phần Ordering Customer Details như :

- Tài khoản số (Account number)
- Khách hàng chuyển tiền (Ordering customer)
- Tên
- Địa chỉ 1-3

Lưu ý: địa chỉ khách hàng có thể sửa đổi cho từng giao dịch thực tế phát sinh.

3. Nhập chi tiết giao dịch: (Enter Transaction Details) gồm có các chi tiết sau:

- Phương thức thanh toán (Mode of Payment): hệ thống sẽ mặc định là ghi nợ tài khoản khách hàng (Account debit) , không chọn phương thức tiền mặt.
- Số tiền ghi nợ (Debit Amount): là loại tiền và số tiền sẽ được quy đổi theo tỉ giá nếu loại tiền trong Debit Amount và loại tiền trong Transfer Amount khác nhau.
- Ngày ghi nợ (Debit date): sẽ mặc định là ngày xử lý giao dịch.
- Số tiền chuyển (Transfer Amount): là loại tiền và số tiền sẽ chuyển đi nước ngoài.

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX999900&FetchData=n

Relationship Setup **Transaction Entry** Trans. Processing Reports / Queries Parameterization Others

Transaction Entry

Funds Transfer

Collection

Cheque Deposit

A/c to A/c Transfer

Fund Transfer - Cross Border

Outgoing

Customer Plain Booking

Customer Full Booking

Instrument Issuance

Certified Cheques

Cash Transactions

Session Management

Standing Order

Utility Payments

Travellers Cheque

Cash Passport

Accounts Services

PassBook

Officer Code

Local Payment System Out

TGKKH-CTY THUAN THANH PHAT

Customer Status **Khách hàng bình thường**

Account Number	Account Type	Currency	Available Balance	Current Balance	Financial Status	Account POS
000004446	NON TERM DOMESTIC ENTITIES DEPOSIT	VND	151,539	151,539	Bình thường	000200-132

[Holder Details](#) [Refresh Balance](#) [View Relationship](#) [Next Customer](#)

FCY - Outgoing - Customer Transfer Request Maker

Enter Transaction Details

Mode of Payment * Account Debit Select From Template

Debit Amount * VND - 178,250 Debit Date * 01-JAN-2010

Transfer Amount * USD - 10.00

Ordering Customer Details

Account No * 000004446 Ordering Customer * 0000229924 - CTY TNHH THUAN THANH PHAT

Name * CTY TNHH THUAN THANH PHAT Address 1 * 169 CALMETTE Q1 TPHCM ,OTHERS

Address 2 * WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -01 , PO Address 3 * TP.HỒ CHÍ MINH ,VIET NAM

Beneficiary Details

Acc. Number * 123456

Name * AM SUNG COMPANY LTD Address 1 123 WALL STREET

Address 2 NEW YORK USA Address 3

Ben. Bank * SWIFT CITIUS33XXX Bank Name CITIBANK N.A.

Location UNITED STATES Purpose Type select

Save As Template Yes No Signature Verification

Other Details

Conversion Rate 17825 Remarks

Charges VND 99,393 Swift Charge Sha

Net Debit Amt. VND 277,643 Net Credit Amt. USD 10.00

(* indicates mandatory field)

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR027 01-01-2010

Done

4. **Chi tiết người thụ hưởng** (Beneficiary Details): nhập đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến:
- Người thụ hưởng** (Beneficiary): gồm có số tài khoản, tên và địa chỉ
 - Ngân hàng của người thụ hưởng (Ben.Bank):**
 - Có thể nhập mã Swift (thể hiện ra trường 57A trong MT103): nhập đủ 11 số, nếu BIC Code của ngân hàng đó chỉ có 8 số người sử dụng phải nhập thêm xxx vào sau BIC 8
Ví dụ: CITIUS33XXX
 - Nhập địa chỉ nếu không biết BIC Code của ngân hàng (trường 57D của MT 103)
- Nếu chọn địa chỉ, màn hình sau sẽ xuất hiện

Nhập chi tiết ngân hàng của người thụ hưởng : Tên ngân hàng, địa chỉ, thành phố, quốc gia

Nhấp nút [OK](#) nếu đồng ý thông tin vừa nhập

Nhấn [Cancel](#) để hủy thông tin vừa nhập

c. **Mục đích chuyển tiền** (purpose Type): chọn mục đích chuyển từ thông tin có sẵn. Thông tin được chọn sẽ không thể hiện trên MT103 mà chỉ phục vụ cho mục đích báo cáo của MHB.

d. **Lưu** (Save as Template): Chọn Yes nếu muốn lưu lại các chi tiết liên quan đến người thụ hưởng và ngân hàng của người thụ hưởng vừa nhập. Thông tin này có thể dùng cho các giao dịch về sau khi thông tin về người thụ hưởng không thay đổi.

Chức năng: người sử dụng không cần phải nhập lại thông tin trong phần này mà nhấp chuột vào [Select from template](#) để chọn ra thông tin người thụ hưởng có sẵn.

Template Code	Currency	Beneficiary Account Number	Name
T210	USD	123456789	SAMSUNG CO.,LTD

Màn hình Chọn từ Template

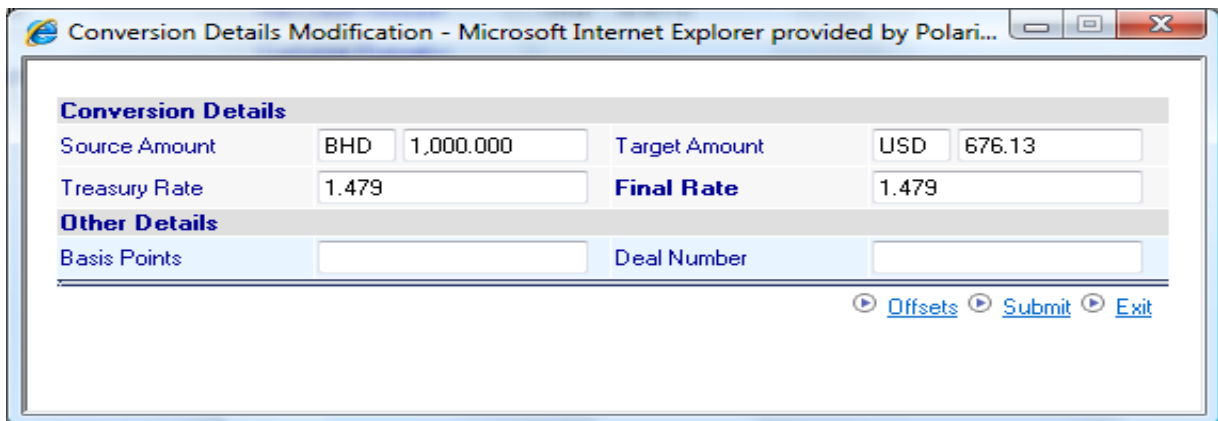
5 Các chi tiết khác (other Details):

- a. **Tỉ giá chuyển đổi (Conversion Rate):** Nếu loại tiền trong Tài khoản ghi nợ và loại tiền trong Số tiền chuyển khác nhau, hệ thống sẽ tự quy đổi theo tỉ giá được cài đặt sẵn.

Khi nhấp chuột vào biểu tượng , màn hình chi tiết chuyển đổi sẽ hiện ra, trong đó

- Source Amount: là Transfer Amount
- Target Amount: là số tiền quy đổi theo tỉ giá
- Treasury Rate: Tỉ giá nguồn (Tỉ giá do hệ thống cài đặt)
- Final rate: tỉ giá áp dụng. Khi người sử dụng nhập thông tin trong Basis Point thì tỉ giá áp dụng này cũng sẽ thay đổi theo.
- Deal Number: nhập số hợp đồng mua bán ngoại tệ.

Nếu cần thiết, tỉ giá chuyển đổi có thể được sửa trực tiếp bằng cách nhập thông tin vào Tỉ giá áp dụng (Final Rate) hoặc vào Biên độ thay đổi tỉ giá/lãi suất (Basis Points)



Conversion Details Modification - Microsoft Internet Explorer provided by Polari...

Conversion Details

Source Amount: BHD 1,000.000 Target Amount: USD 676.13

Treasury Rate: 1.479 Final Rate: 1.479

Other Details

Basis Points: Deal Number:

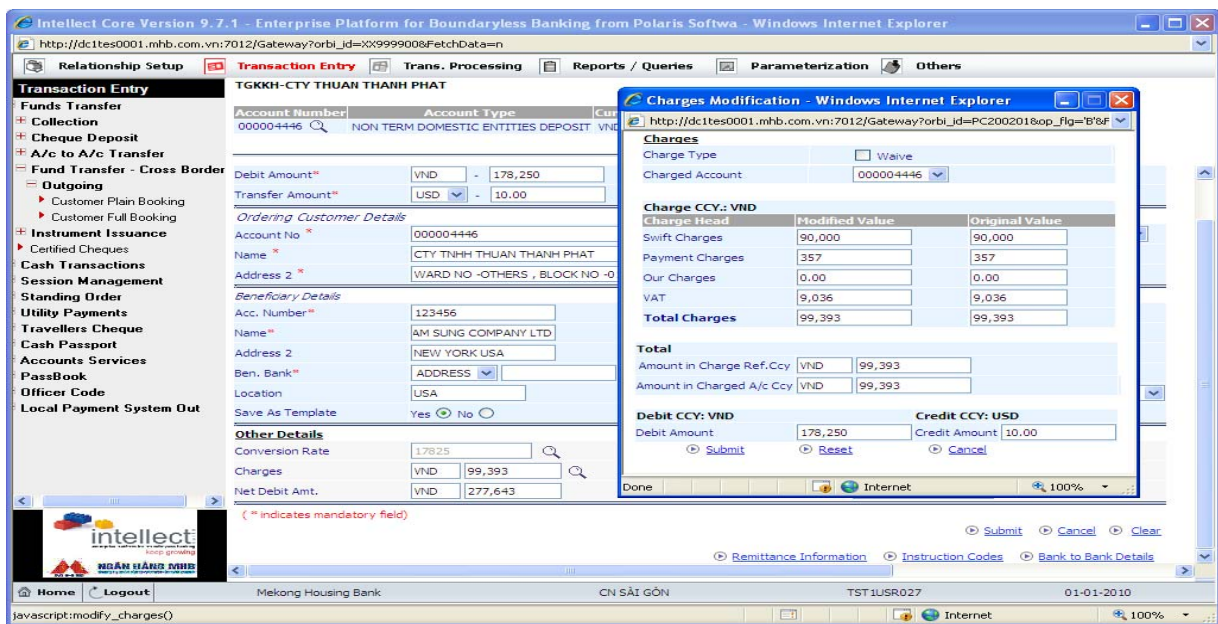
► Offsets ► Submit ► Exit

Màn hình chi tiết quy đổi

- b. **Phí (Charges):**

Hệ thống sẽ thể hiện và tính tất cả các loại phí được áp dụng cho một giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài

. Nhấp chuột vào biểu tượng , màn hình Phí sẽ hiện ra như sau:



Charges Modification - Windows Internet Explorer

Charges

Charge Type: ☐ Waive

Charged Account: 000004446

Charge CCY: VND

Charge Head	Modified Value	Original Value
Swift Charges	90,000	90,000
Payment Charges	357	357
Our Charges	0,00	0,00
VAT	9,036	9,036
Total Charges	99,393	99,393

Total

Amount in Charge Ref.Ccy: VND 99,393

Amount in Charged A/c Ccy: VND 99,393

Debit CCY: VND Credit CCY: USD

Debit Amount: 178,250 Credit Amount: 10,00

► Submit ► Reset ► Cancel

Trong đó:

- Nhấp chuột vào Waive nếu không tính phí.
- Charge Account: Tài khoản tính phí
- Charge head: Loại phí, hệ thống sẽ liệt kê ra tất cả tên các phí cần tính cho giao dịch
- Modified Value : giá trị đã chỉnh sửa, ở trường này, người sử dụng có thể chỉnh sửa trực tiếp lên từng loại phí.

Ghi chú: trong trường hợp phí Swift là OUR, người sử dụng sẽ phải nhập thêm phí OUR vào bảng tính phí và phải tính lại giá trị của VAT.

- Original Value: giá trị gốc, thể hiện giá trị phí ban đầu được mặc định bởi hệ thống.

Nhấp chuột vào [Submit](#) khi đồng ý với phí do hệ thống tính.

Nhấp chuột vào [Reset](#) khi muốn tính lại phí

Nhấp chuột vào [Cancel](#) khi muốn thoát ra

- c. **Ghi chú** ([Remarks](#)): gồm có 2 phần: ghi chú nội bộ và ghi chú về khách hàng. Sau khi nhập thông tin, có thể chọn nút [Save](#) hoặc [Cancel](#) để thoát mà không lưu thông tin vừa nhập

The screenshot displays the Intellect Core Version 9.7.1 web application interface. The main window shows the 'Transaction Entry' section for 'TGGKH-CTY THUAN THANH PHAT'. It displays account details and a 'FCY - Outgoing - Customer Transfer Request Maker' form. A modal window titled 'Remark Details' is open, showing fields for 'Internal Remarks' (ghi chú nội bộ) and 'Customer Remarks' (Ghi chú về khách hàng). The bottom of the screen shows a navigation bar with 'Home', 'Logout', and 'Mekong Housing Bank'.

Màn hình ghi chú

d. **Phí Swift:** thể hiện tại trường 71A của MT103, mô tả phí chuyển tiền sẽ do bên nào chịu.

Có 3 loại phí như sau:

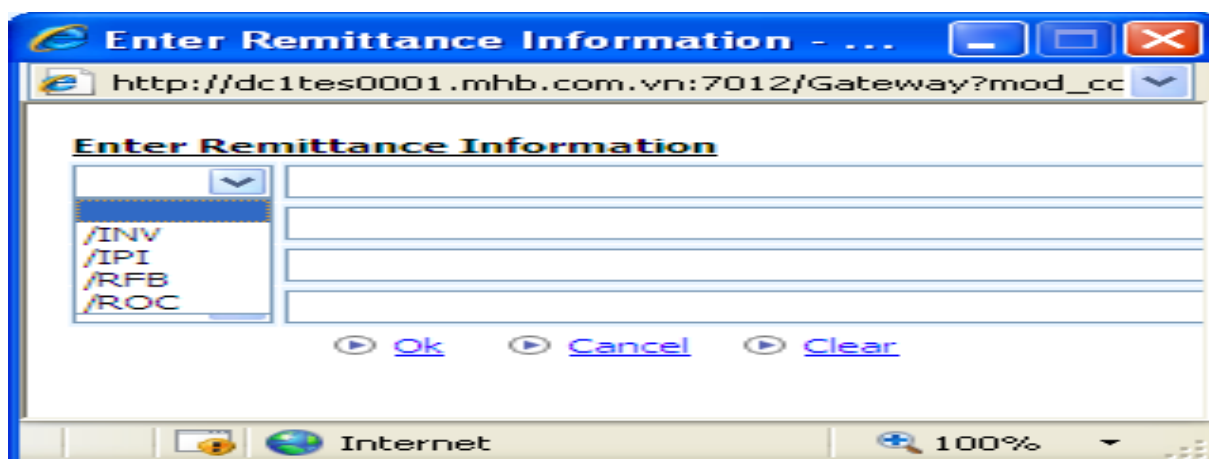
- BEN: All transaction charges are to be borne by the beneficiary customer – Phí do người thụ hưởng chịu.
- OUR: All transaction charges are to be borne by the ordering customer – Phí do người chuyển chịu.
- SHA: Transaction charges on the Sender's side are to be borne by the ordering customer, transaction charges on the Receiver's side are to be borne by the beneficiary customer – Phí bên nào bên đó chịu.

e. **Số tiền ghi nợ thực** (Net debit amount): sẽ là số tiền cuối cùng ghi nợ vào tài khoản khách hàng sau khi đã tính tất cả các phí.

f. **Số tiền ghi có thực** (Net credit amount): thể hiện số tiền cuối cùng sẽ được chuyển cho người thụ hưởng.

6. Chi tiết thanh toán ([▶ Remittance Information](#)):

Sẽ thể hiện trên Field 70 của MT 103. Có các mã Code như sau:



- /INV/ Invoice (followed by the date, reference and details of the invoice)
- /RFB/ Reference for the beneficiary customer
- /ROC/: Ordering customer's reference
- /IPI/: Unique reference identifying a related International Payment Instruction

Có thể chọn một hoặc nhiều trong các Code trên cho phù hợp theo yêu cầu chuyển tiền của khách hàng. Tuy nhiên cần lưu ý như sau:

Lưu ý: Không dùng lặp lại code trong cùng một giao dịch

Ví dụ: nếu có nhiều hóa đơn cho một lệnh chuyển tiền thì người sử dụng sẽ nhập:

/INV/ hóa đơn số 12345//hóa đơn 67890//hóa đơn 112233.

Không được dung theo cách sau:

/INV/ hóa đơn 12345

/INV/ hóa đơn 67890

- 7 **Mã chỉ thị** ([Instruction Codes](#)): Thể hiện trong trường 23E của MT103, là các thông tin mà ngân hàng chuyển muốn gửi đến Ngân hàng của người thụ hưởng/ Ngân hàng trung gian.
 Khi nhấp chuột vào [Instruction Codes](#) màn hình sau sẽ hiện ra:

Instruction Codes

☐ SDVA	☐ INTIC	☐ REPA	
☐ CORT	☐ BONL	☐ HOLD	
☐ CHQB			
☐ PHOB		☐ TELB	
☐ PHON		☐ TELE	
☐ PHOI		☐ TELI	

[Save](#) [Clear](#) [Cancel](#)

- a) SDVA indicates the Payment must be executed with same day value to the beneficiary.
- b) CORT indicates that the payment is made in settlement of a trade.
- c) CHQB indicates that the beneficiary can be paid only by cheque. The optional Account number field should be blank to select this instruction code.
- d) PHOB indicates the beneficiary needs to be advised about transfer through phone.
- e) PHON indicates that the Account with institution needs to be advised about the transfer.
- f) PHOI indicates that the Intermediary institution needs to be advised about the transfer.
- g) INTIC indicates that the payment is an intra-company payment.
- h) BONL indicates that the payment should be made only to beneficiary customer.
- i) REPA indicates that the payment has a related e-payments reference
- j) HOLD indicates that the Beneficiary customer will call and payment should be made only upon identification.
- k) TELE indicates to advise the account with institution by the most efficient means of telecommunications.
- l) TELB indicates to advise the Beneficiary by the most efficient means of telecommunications.
- m) TELI indicates to advise the intermediary institution by the most efficient means of telecommunications

- 8 **Thông tin giữa các ngân hàng**: trường 72 MT103. Có các Code sau:

Bank to Bank Info

ACC	
//	
ACC	
INS	
INT	
REC	
//	
//	
//	

[Confirm](#) [Cancel](#) [Clear](#)

- /ACC/: Instruction following are for the account of institution
- /INT/: The instructing information which instructed the sender to execute the transaction.
- /INT/: Instruction following are for the intermediary instruction
- /REC/: Instruction following are for the receiver of the message.

Lưu ý: Nếu đã chọn một trong các Code trên, khi hàng thứ nhất không đủ chỗ để nhập hết thông tin thì hàng tiếp theo sẽ phải chọn dấu //.

Ví dụ:

/ACC/ your branch in London

// 31 Riverside, London

//UK

9 **Trình duyệt giao dịch:**

Sau khi nhập đầy đủ các thông tin trên, người sử dụng sẽ chọn một trong các nút sau:

- ▶ **Submit**: để chuyển giao dịch đến bước phê duyệt
- ▶ **Cancel**: giao dịch sẽ bị đóng lại và màn hình sẽ quay trở lại bước ban đầu tại transaction Entry
- ▶ **Clear**: hệ thống sẽ xóa các chi tiết vừa nhập.

10 **Xác thực chữ ký khách hàng** (Signature Verification): Sau khi Submit giao dịch, màn hình xác thực chữ ký sẽ hiện ra.

Orbi CoreBank - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?txtCifNo=&txtRelNo=&txtBrnNo=BR0001&txtAccNo=000004446&txtAmt=17825&orbi_id=SV9999940&strID=SV9999903

ISign / Signature Retrieval

Relationship Number	022992	Account Signatories	1
Account Number	BR0001 / 000004446	Account Currency	VND
Account Name	TGKKH-CTY THUAN THANH PHAT		

Instructions

MIGRATION

Transaction Amount: 17,825 All Signatory All Photo

POA / CIF Number	Name	POA / CIF Flag	Category	Relationship	Expiry Date
0000229924001	CTY TNHH THUAN THANH PHAT	P	1	ANH	31-DEC-9999

Signature Rules

Amount	Signature Rules	Sign	Photo
1 - 999,999,999,999	1	Yes	No

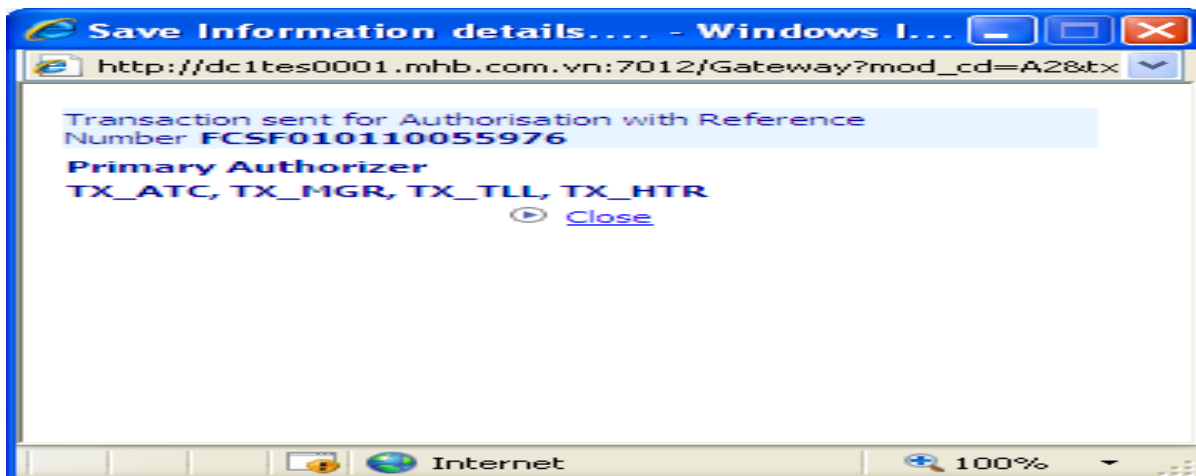
Signature

CTY TNHH THUAN THANH PHAT

Verified Reject Exit

Trên màn hình sẽ có 3 đường link: **Verified**, **Reject** và **Exit**.

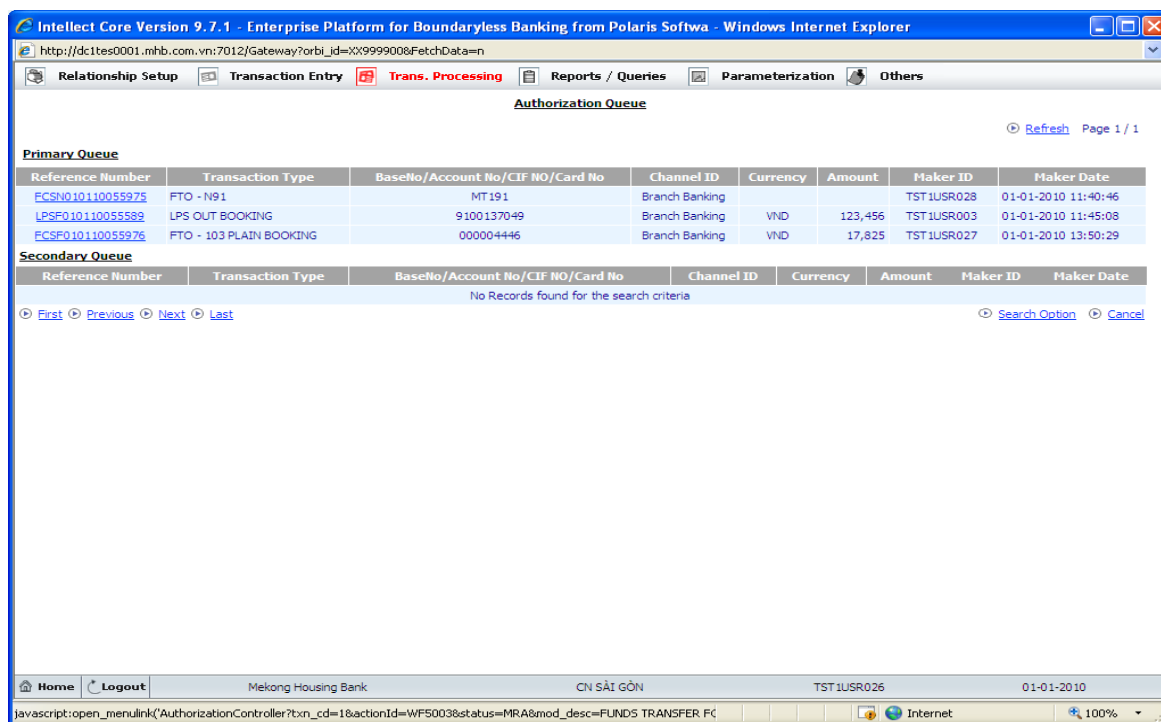
Sau khi xác thực chữ ký, nhấp chuột vào [Verified](#), màn hình xác thực chữ ký sẽ đóng lại và hệ thống sẽ xuất ra một thông báo là giao dịch đã được trình duyệt thành công. Số tham chiếu trên thông báo này sẽ được sử dụng cho các bước tiếp theo của giao dịch.



Nếu nhấp chuột vào [Reject](#) (Từ chối) hay [Exit](#) (Thoát), màn hình xác thực chữ ký sẽ đóng lại và giao dịch không thể trình duyệt được khi chưa Verify chữ ký của khách hàng..

B/ Bước duyệt giao dịch:

1. **Chọn giao dịch cần duyệt:** Nhấp chuột vào **Transaction Processing > Workflow Queues > Authorization Queue**, hệ thống sẽ xuất ra tất cả các giao dịch trong hàng chờ duyệt.



Nhấp chuột vào số tham chiếu (Reference number) của giao dịch cần duyệt

2. **Kiểm tra chi tiết giao dịch:** Màn hình Duyệt sẽ thể hiện tất cả các thông tin chi tiết được nhập bởi người tạo lập như: a) Chi tiết tài khoản - Account details, b) Chi tiết giao dịch - Transaction details, c) Chi tiết người thụ hưởng - Beneficiary details d) Chi tiết Phí- Charges details and e) Các chi tiết khác - Other details.

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Inter...

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/AuthorizationController?txn_cd=1&actionId=WF5003&status=MRA&mod_desc=FUNDS TRANSFER FCY&refno=FCSF01

Common Authorization - - FUNDS TRANSFER FCY

Beneficiary Customer Details		Account Bank	
Ben Details	123456 HUONG 32 HAM NGHI	CITIUS33XXX CITIBANK N.A. 111 WALL STREET NEW YORK,NY 10043 UNITED STATES	
Ordering Customer Details		Address	
Account Number & Name	000004446 CTY TNHH THUAN THANH PHAT	169 CALMETTE Q1TPHCM ,OTHERS WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -01 , PO TP.HO CHI MINH ,VIET NAM	
Transaction Details		Value Date	
Debit Amount	VND 17,825	01-01-2010	
Transfer Amount	USD 1.00		
Charges Details		Charges Amount	
Charge type	Exclusive	VND 99,040	
Charge Account	000004446		
Swift Charge	SHA		
Other Details		Customer Remarks	
Internal Remarks		01-01-2010	
Maker Id	TST1USR027		

[Conversion Details](#)
[Charge Details](#)
[Instruction Codes](#)
[Remittance Information](#)
[Sender to Receiver Information](#)

Overrides
No Overrides

The Condition Reason is :
No reason was entered

Enter the Reason

[Activity Details](#)
[Description Line Info](#)
[Txn Details](#)
[Authorize](#)
[Reject](#)
[Refer for Modification](#)
[Cancel](#)

[Conversion Details](#) sẽ thể hiện chi tiết chuyển đổi được áp dụng cho giao dịch

Conversion Details - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=PC611000008&FetchData=Y&conv_moc

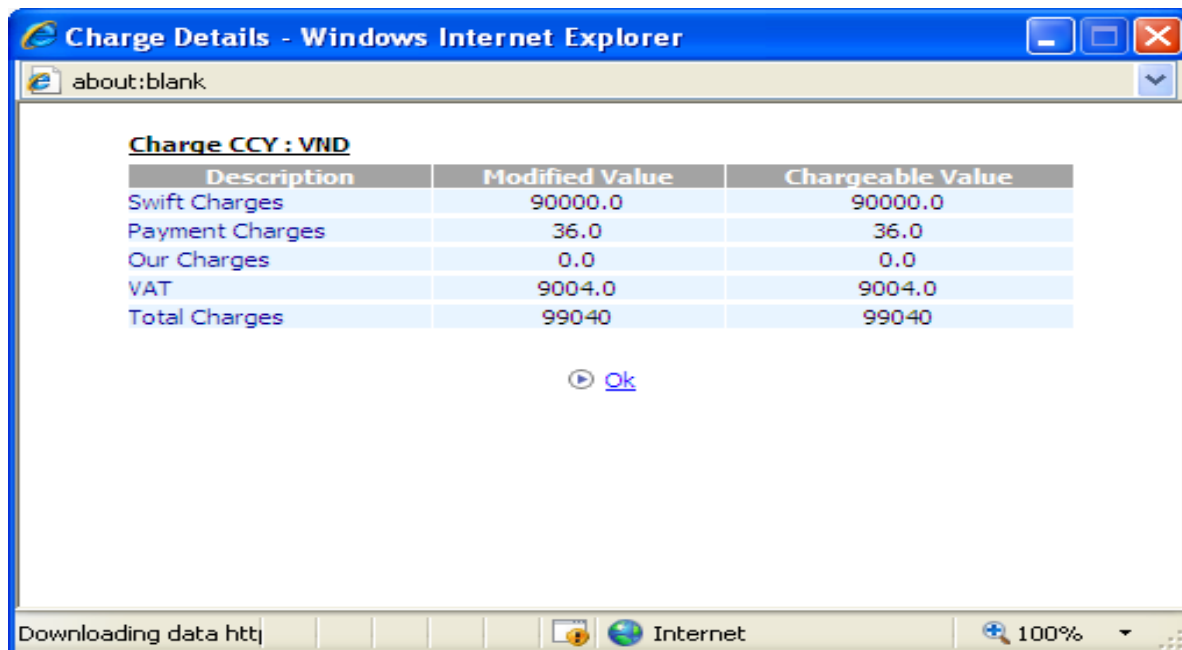
Conversion Details

Reference No	FCSF010110055976	Value Date	01-JAN-2010
Source Amount	VND 17,825	Target Amount	USD 1.00
Cross Rate	17825		
Deal Reference Number			

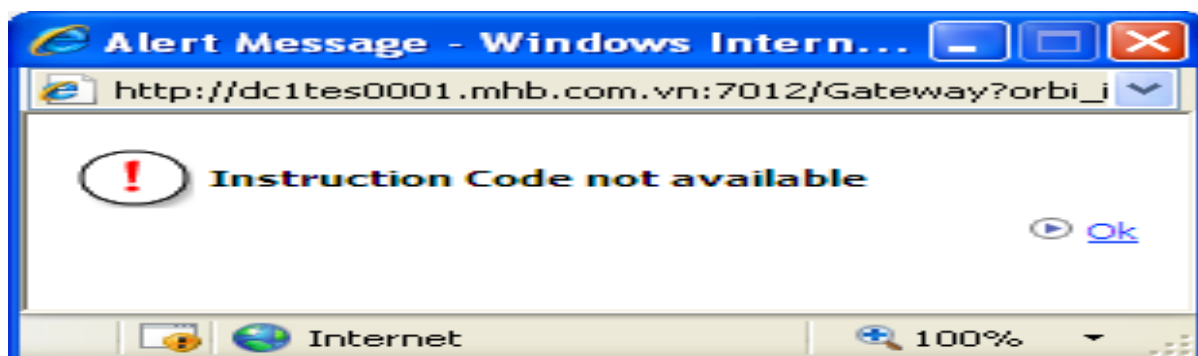
Details	VND To USD
Treasury Rate	17825
Cross Rate	17825
Cif Offsets	0
Customer Status Offsets	0
POS Offsets	0
Amount Basis Points	0
Additional Basis Points	0

[Close](#)

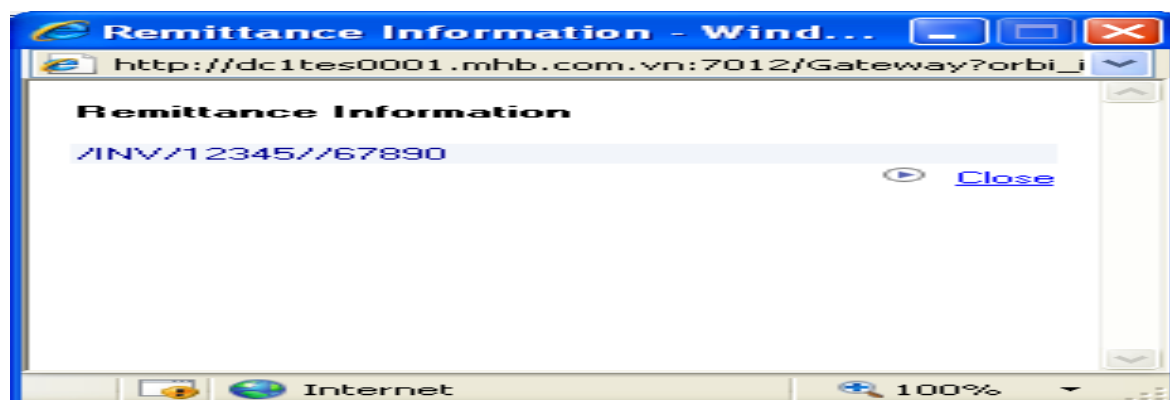
- [Charge Details](#) thể hiện chi tiết tất cả các phí áp dụng cho giao dịch



- [Instruction Codes](#) (do ở bước nhập dữ liệu, người sử dụng không chọn mã chi thị nên màn hình ở bước phê duyệt sẽ thể hiện như sau:



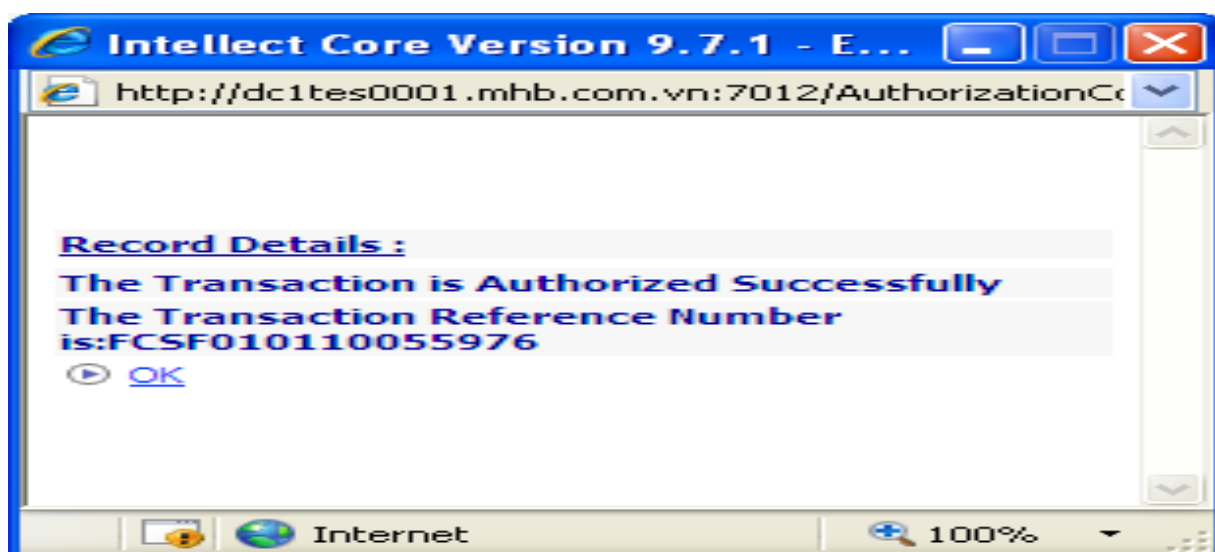
- [Remittance Information](#)



- ▶ [Description Line Info](#) : không dùng cho chuyển tiền nước ngoài
- ▶ [Activity Details](#) : thể hiện các hoạt động của giao dịch
- ▶ [Transaction Details](#) : thể hiện các bút toán tài khoản của giao dịch

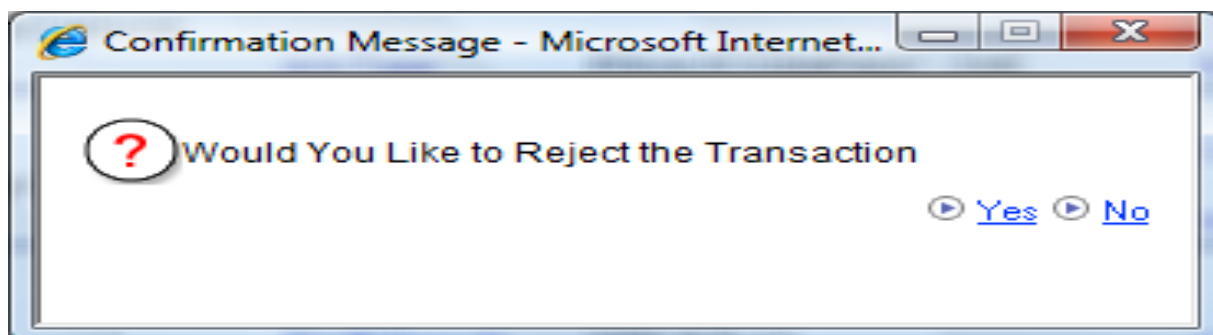
3. Duyệt giao dịch:

- Nếu đồng ý với các thông tin được nhập bởi người tạo lập, nhấp chọn ▶ [Authorize](#) : hệ thống sẽ duyệt giao dịch và tài khoản của khách hàng sẽ bị ghi nợ tương ứng. Giao dịch sẽ chuyển đến giai đoạn Enrichment



Màn hình thông báo giao dịch đã được duyệt

- Nếu chọn ▶ [Reject](#) (Từ chối giao dịch), hệ thống sẽ xuất ra một cảnh báo. Nếu vẫn đồng ý từ chối giao dịch, chọn ▶ [Yes](#) , giao dịch sẽ bị xóa khỏi hệ thống và tiền sẽ quay lại tài khoản khách hàng. Nếu chọn ▶ [No](#) , màn hình sẽ quay trở lại màn hình duyệt.



- Nếu chọn ▶ [Cancel](#) : Giao dịch chưa được duyệt và quay trở về hàng chờ duyệt.

2.1.1 CUSTOMER PLAIN BOOKING ENRICHMENT

A/Bước nhập liệu:

1. **Chọn giao dịch cần enrichment:** Nhấp chuột vào **Transaction Processing > Fund transfer-Cross Border>Plain Booking Enrichment**, hệ thống sẽ xuất ra màn hình sau:

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX999900&FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

Trans. Processing

- Funds Transfer
 - Collection Out
 - Inward Clearing
 - Outward Clearing
 - Certified Cheque
 - Instruments
 - Funds Transfer - Cross Bo
 - Plain Booking Enrichment
 - Plain Booking Reversal
 - Outgoing Bank Booking
 - Outgoing Messages
 - Incoming Message Queu
 - Report
- Cash Transactions
- Teller Proofing
- Vault Proofing
- Salary Credit
- Time Deposit
- Financial Posting
- Standing Order
- View - Specific POS
- WorkFlow Queues
- Customer Communication
- Local Payment System Out
- Local Payment System In

FCY - OUTGOING CUSTOMER ENRICHMENT BOOKING SCREEN

Enter Search Details

Reference Number		Debit A/C No	
Debit CCY		Credit CCY	
Value date From		Value date To	
Amount Range - From		Amount Range - To	
Pos Code		Maker ID	

[Query](#) [Clear](#) [Cancel](#)

REF NO	VALUE DATE	DEBIT AC NO	DEBIT AMOUNT	DEBIT CURRENCY	CREDIT CURRENCY	CREDIT AMOUNT
ECSF010110055976	01-JAN-2010	000004446	17,825	VND	USD	1.00
ECSF010909051060	01-SEP-2009	000004514	356,500	VND	USD	20.00

Page: 1/ 1

[<< First](#) [< Previous](#) [Next >](#) [Last >>](#) [Close](#)

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR027 01-01-2010

Done

2. **Bổ sung thông tin:** (Enrichment) Nhấp chuột vào giao dịch cần Enrichment, màn hình chi tiết cho giao dịch sẽ hiện ra. Ở giai đoạn này, người sử dụng có thể sửa các thông tin của giao dịch ngoại trừ Transfer Amount và thông tin của Ordering Customer. Các thông tin của giao dịch sẽ thể hiện đầy đủ trên màn hình, người sử dụng sau khi kiểm tra và sẽ chọn ra ngân hàng Nostro.

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX999900&FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

Trans. Processing

Funds Transfer

Collection Out

Inward Clearing

Outward Clearing

Certified Cheque

Instruments

Funds Transfer - Cross Bo

Plain Booking Enrichment

Plain Booking Reversal

Outgoing Bank Booking

Outgoing Messages

Incoming Message Queue

Report

Cash Transactions

Teller Proofing

Vault Proofing

Salary Credit

Time Deposit

Financial Posting

Standing Order

View - Specific POS

Workflow Queues

Customer Communication

Local Payment System Out

Local Payment System In

Transaction Details

Transaction No 000004446 Name CTY TINH THUAN THANH PHAT

Address 1 169 CALMETTE Q1TPHCM ,OTHERS Address 2 WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -01 , P Address 3 TP.HO CHI MINH ,VIET NAM

Primary Customer Details

Member * 123456 Name* HUONG

Address 1 32 HAM NGHI Address 2

Address 3

Bank * SWIFT CITIUS33XXX

Name CITIBANK N.A.

Country UNITED STATES

Purpose Type select

Transaction Details

Amount * VND 17,825 Debit Date * 01-JAN-2010

Transfer Amount * USD 1.00 Credit Date * 01-JAN-2010

Transaction Details

Transaction Amount VND 99,040 Swift Charge * Sha

Debit Amt. USD 1.00 Net Debit Amt. VND 116,865

Transaction Rate 17825

Details

Remarks

Remarks

Select Route**

Select Correspondent**

icates mandatory field)

icates either OurCorrespondent or Route has to be chosen)

Remittance Information Bank to Bank Details Instruction Codes Conversion Details

Swift Message Submit Cancel

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR027 01-01-2010

Internet 100%

Chọn ra ngân hàng Nostro phù hợp bằng cách:

Nhấp chuột vào [Select Correspondent](#) để chọn ra ngân hàng Nostro, màn hình các ngân hàng Nostro xuất hiện. Nhấp chuột vào Ngân hàng Nostro cần chọn

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=FC00000...

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=FC000000031&orbi_txn_cd=1&txn_cd=1&

List of Our Correspondents - USD

Bank Code	Swift Code	Bank Name	City	
901079	VCBXXX123	VCB	HO CHI MINH CITY	
169052	PNBPUS3NNYC	WACHOVIA BANK, N.A.	NEW YORK	UN
169349	WELAUS3XXXX	WESTDEUTSCHE LANDESBANK GIROZE	NEW YORK,NY 10036	UN
990009	CITIUS33	Citibank NA, New York	--	
169020	VYSAINBBOSB	VYSYA BANK LTD., THE	MUMBAI 400 007	
990010	BKTRUS33	Deutsche Bank New York	--	
990015	COBADEFF	Commerzbank, Frankfurt	--	
148513	MAMEEGCXXXX	MISR AMERICA INTERNATIONAL BAN	CAIRO	
990008	IRVTUS3N	The Bank of New York Mellon	--	
990011	MRMDUS33	HSBC Bank USA NA, New York	--	
990014	UOVBSGSG	United Overseas, Singapore	--	
900843	NBADAEEAKHB	DOOR TO DOOR USD	KHALIDIYA D 2 D USD	KHALI
990013	AEIBUS33	Standard Chartered New York	--	
169356	WEMCUS3BXXX	WELLINGTON MANAGEMENT COMPANY,	BOSTON,MA 02109	UN

javascript: on_pk_click(")

Internet 100%

Màn hình các ngân hàng Nostro

Nhấp chuột vào  [Select Route](#) để xem cách thức chuyển điện khi muốn tạo đường đi riêng cho bức điện chuyển.

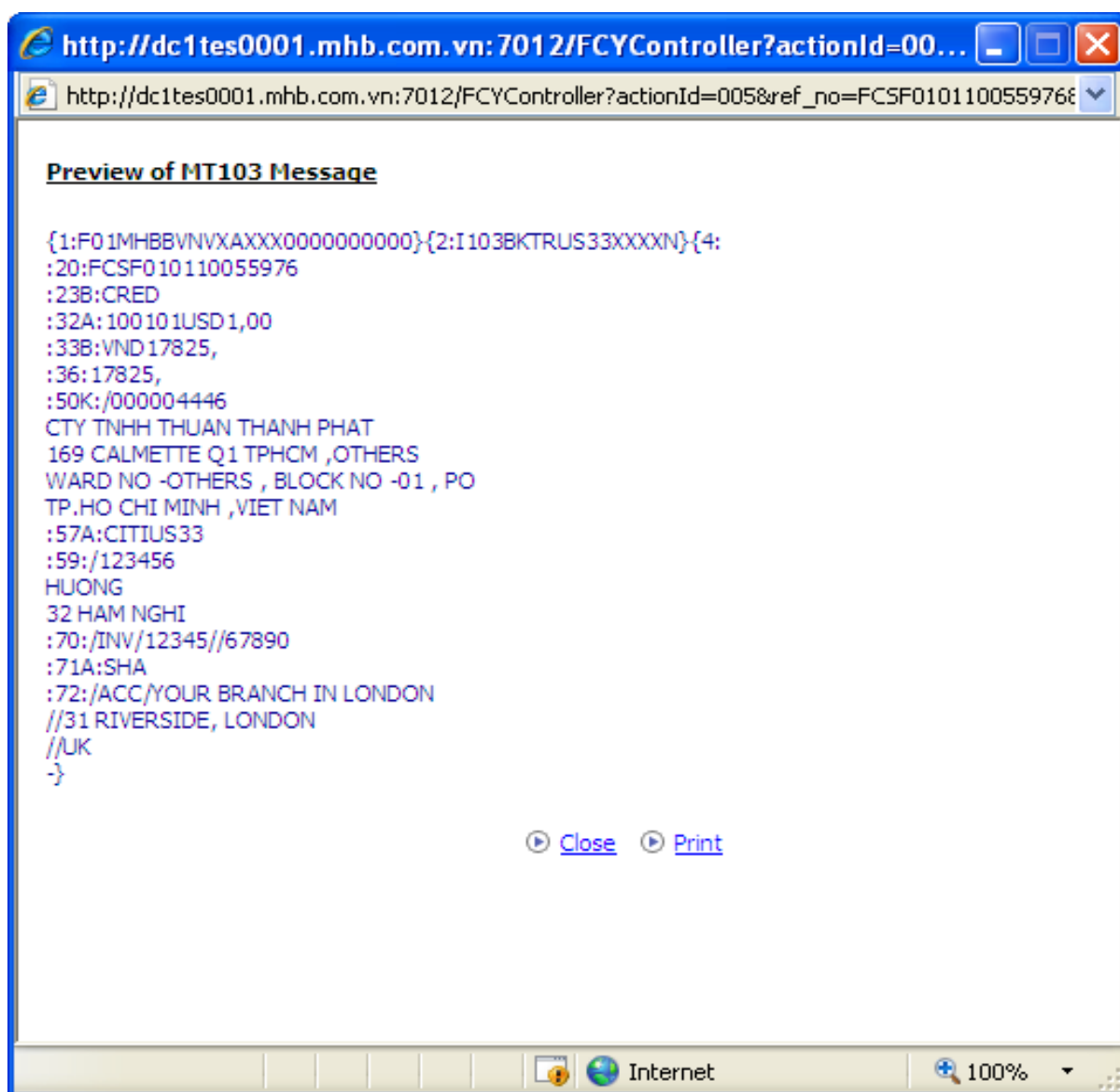
Lưu ý: người sử dụng nên chọn [Select Correspondent](#), để điện được chuyển đến ngân hàng nostro. Phương thức này hiện đang áp dụng tại MHB.

3. Trình duyệt

Nhấp chuột vào  [Swift Message](#) để xem điện Swift

Nhấp chuột vào  [Cancel](#), giao dịch sẽ đóng lại, các thông tin vừa nhập sẽ không được lưu.

Nếu đồng ý với tất cả các thông tin của giao dịch thì nhấp chuột vào  [Submit](#) để trình duyệt giao dịch.



Màn hình điện Swift

B/ Bước duyệt giao dịch:

- Các bước thực hiện giống như tại bước duyệt của phần Customer Plain Booking.
- Khi chọn ra giao dịch cần duyệt, màn hình duyệt sẽ thể hiện:

Common Authorization -- FUNDS TRANSFER FCY

Beneficiary Customer Details	
Ben Details	123456
	HUONG
	32
Purpose Type	

Ordering Customer Details	
Account Number & Name	000006619 CTY TNHH NGUYEN CHI
Address	655 TRAN DINH XU PCAU KHO Q1 ,OTHER WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -01 , PO TP.HO CHI MINH ,VIET NAM

Transaction Details	
Debit Amount	VND 178,250
Transfer Amount	USD 10.00
Value Date	01-01-2010

Charges Details	
Charge type	Exclusive
Charge Account	000006619
Swift Charge	SHA
Charges Amount	VND 99,393

Other Details	
Internal Remarks	
Maker Id	TST1USR027
Customer Remarks	
Maker Date	01-01-2010

[Conversion Details](#) [Transaction Details](#) [Show Message](#) [Charge Details](#) [Route Details](#)
[Instruction Codes](#) [Remittance Information](#) [Sender to Receiver Information](#) [Cancel](#)

Overrides
No Overrides

The Condition Reason is :
No reason was entered

Enter the Reason

[Activity Details](#) [Description Line Info](#) [Authorize](#) [Reject](#) [Refer for Modification](#) [Cancel](#)

Các thông tin của giao dịch sẽ thể hiện trên màn hình. Người phê duyệt sẽ nhấp chuột vào các đường link để xem chi tiết.

Nếu chọn [Reject](#) : từ chối giao dịch, lúc này giao dịch sẽ bị trả lại vào:

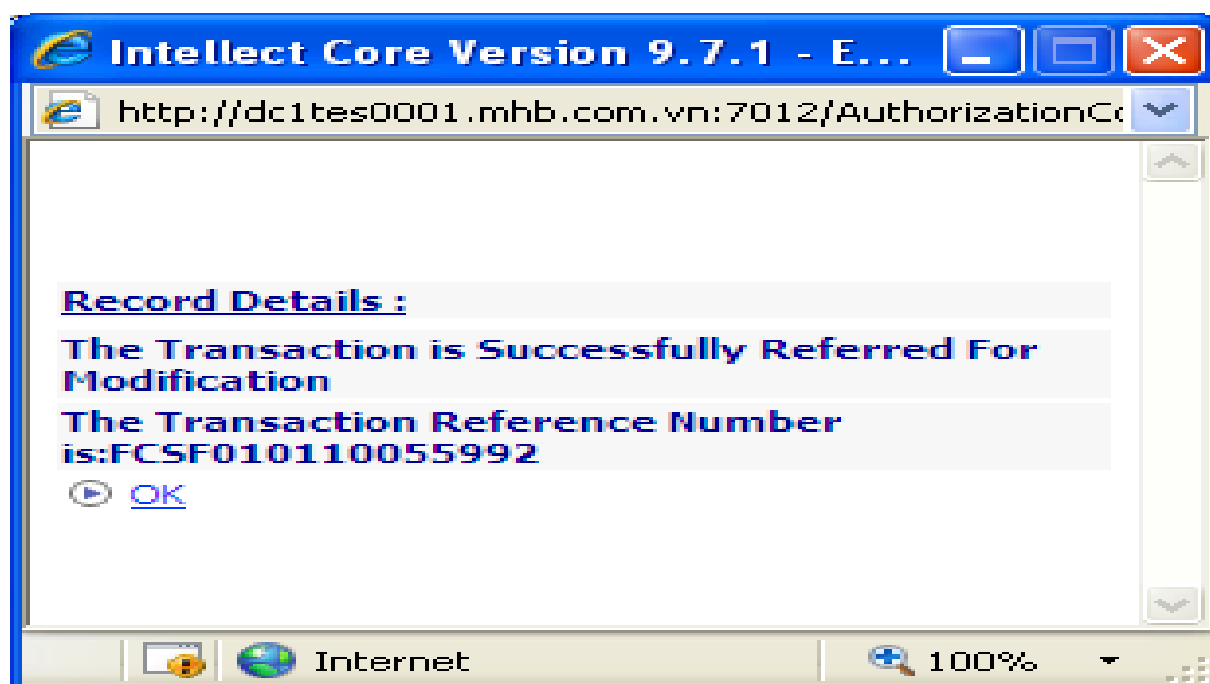
- **Transaction Processing >fund transfer Cross border>Plain Booking enrichment**
- **Transaction Processing >fund transfer Cross border> Plain Booking Reveral.**

Nếu chọn [Cancel](#) : thoát giao dịch và quay trở về màn hình chờ duyệt

Nếu chọn [Refer for Modification](#) : Trả giao dịch lại để sửa, lúc này giao dịch sẽ nằm tại **Trans. Processing>Workflow Queues>Refer for Modification Queue.**

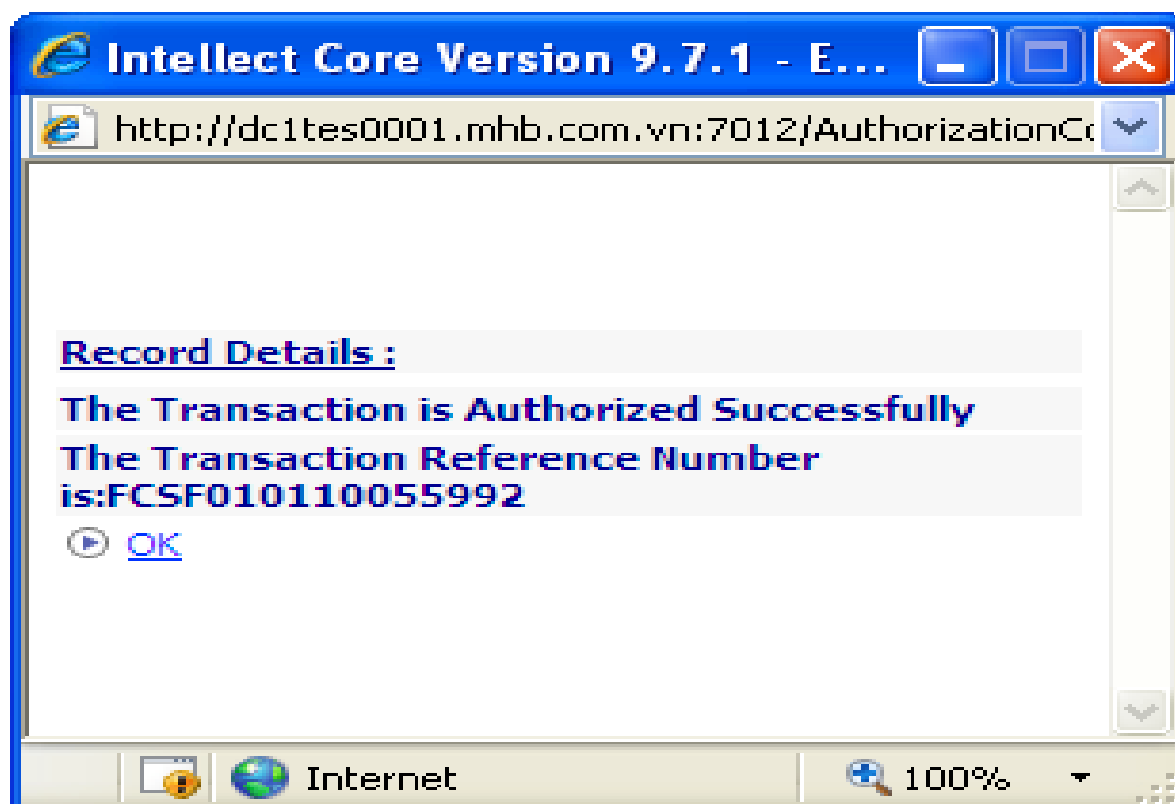
Người phê duyệt phải ghi lý do vào ô Enter the reason, trước khi chọn

[Refer for Modification](#)



Màn hình thông báo giao dịch đã được trả lại để sửa

Nếu chọn [Authorize](#) : giao dịch sẽ được duyệt và tiền sẽ đổ vào hệ thống Swift.



Màn hình thông báo giao dịch đã được duyệt

2.1.2 PLAIN BOOKING REVERSAL

Sau khi giao dịch Customer Plain Booking được khởi tạo và được duyệt, giao dịch sẽ được đẩy lên hàng chờ Plain booking enrichment để chọn ngân hàng Nostro. Tuy nhiên, vì một lý do nào đó, cần phải hủy bỏ giao dịch này; người sử dụng có thể sử dụng chức năng Plain Booking Reversal. Khi sử dụng chức năng này, tất cả các bút toán đã thực hiện phong tỏa trước đó sẽ được trả lại tài khoản khách hàng.

Người sử dụng sẽ vào chức năng này theo đường dẫn sau:

Transaction Processing → Fund Transfer – Cross Border → Plain Booking Reversal

A/ Bước nhập liệu:

Sau khi vào đường dẫn như trên, màn hình sau sẽ xuất hiện:

Nhập một (hoặc một số) tiêu chí để tìm kiếm giao dịch cần xử lý.

Enter Search Details: Nhập chi tiết để tìm kiếm giao dịch.

Người sử dụng có thể tìm kiếm giao dịch bằng cách nhập vào một trong các trường thông tin sau:

- **Reference Number:** số tham chiếu của giao dịch cần hoàn trả
- **Debit A/C No.:** Số tài khoản đã ghi Nợ
- **Debit CCY:** Loại tiền ghi Nợ của giao dịch
- **Credit CCY:** Loại tiền ghi Có của giao dịch
- **Value date From:** (ngày giá trị) từ ngày
- **Value date To:** (ngày giá trị) đến ngày
- **Amount Range From:** (Số tiền của giao dịch) từ (giá trị tối thiểu)
- **Amount Range To:** (Số tiền của giao dịch) đến (giá trị tối đa)
- **Pos Code:** Mã chi nhánh /Phòng giao dịch đã thực hiện giao dịch
- **Maker ID:** mã của người khởi tạo giao dịch

Các nút chức năng:

- [Query](#) : Tìm các giao dịch có các thông tin vừa nhập ở trên
- [Clear](#) : Xóa tất cả các thông tin vừa nhập vào
- [Cancel](#) : Thoát khỏi màn hình tìm giao dịch để hoàn trả.

Sau khi đã nhập các thông tin cần thiết, nhấn chọn Tìm kiếm (Query) màn hình sẽ xuất hiện như sau

REF NO	VALUE DATE	DEBIT AC NO	DEBIT AMOUNT	DEBIT CURRENCY	CREDIT CURRENCY	CREDIT AMOUNT
FCSF010110055978	01-JAN-2010	000003683	1,782,500	VND	USD	100.00

Nhấn chọn giao dịch cần hoàn trả bằng cách nhấn vào số tham chiếu của giao dịch, màn hình sau xuất hiện:

Reference Number FCSF010110055978

Debit Account Details
 Customer Account: 000003683 Category: Doanh nghiệp
 Name: TONG DOI TNXP TRUONG SON
 Type: Cư trú Status: Khách hàng bình thường

Credit Account Details
 Transfer Currency: USD

Beneficiary Customer Details
 Ben Details: 123 MAI HADH HJKAHDJ HJAD
 Account Bank: WBSSSGS 1XXX WARDLEY BROKING SERVICES PTE LTD. HONGKONGBANK BUILDING SINGAPORE 049320 SINGAPORE
 Purpose Type: Chuyển tiền sau khi nhận hàng

Ordering Customer Details
 Account Number & Name: 000003683 TONG DOI TNXP TRUONG SON
 Address: 62 NGUYEN VAN DAUP6QBT TPHCM, OTHER WARD NO -OTHERS, BLOCK NO -03, PO TP.HO CHI MINH, VIET NAM

Transaction Details
 Debit Amount: VND 1,782,500 Value Date: 01-01-2010
 Transfer Amount: USD 100.00

Charges Details
 Charge type: Inclusive
 Charge Account: 000003683 Charges Amount: VND 102,922
 Swift Charge: BEN Sender's charge: VND 102,922

Cancellation Details
 Reason for Cancellation:

Tất cả các thông tin của giao dịch xuất hiện.

Người sử dụng không thể chỉnh sửa bất cứ thông tin nào trên màn hình này.

Để thực hiện giao dịch, nhập thông tin vào phần Chi tiết Hủy (Cancellation details) - Lý do hoàn trả giao dịch (Reason for Cancellation) như sau:

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX999900&FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

Trans. Processing

Funds Transfer
+ Collection Out
+ Inward Clearing
+ Outward Clearing
+ Certified Cheque
+ Instruments
- Funds Transfer - Cross Bo
+ Plain Booking Enrichment
+ Plain Booking Reversal
+ Outgoing Bank Booking
+ Outgoing Messages
+ Incoming Message Queue
+ Report

Cash Transactions
Teller Proofing
Vault Proofing
Salary Credit
Time Deposit
Financial Posting
Standing Order
View - Specific PDS
Workflow Queues
Customer Communication
Local Payment System Out
Local Payment System In

FCY - Outgoing Customer View Screen Reference Number FCSF010110055978

Debit Account Details

Customer Account	000003683	Category	Doanh nghiệp
Name	TỔNG ĐOİ TNXP TRUONG SON		
Type	Cư trú	Status	Khách hàng bình thường

Credit Account Details

Transfer Currency	USD
-------------------	-----

Beneficiary Customer Details

Ben Details	123	Account Bank	WBSSSGS1XXX
	MAI		WARDLEY BROKING SERVICES PTE LTD.
	HADH		HONGKONGBANK BUILDING
	HJKAHDJ		SINGAPORE 049320
	HJAD		SINGAPORE
Purpose Type	Chuyển tiền sau khi nhận hàng		

Ordering Customer Details

Account Number & Name	000003683 TỔNG ĐOİ TNXP TRUONG SON	Address	62 NGUYEN VAN DAUP6QBT TPHCM ,OTHER WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -03 , PO TP.HO CHI MINH ,VIET NAM
-----------------------	---------------------------------------	---------	--

Transaction Details

Debit Amount	VND 1,782,500	Value Date	01-01-2010
Transfer Amount	USD 100,00		

Charges Details

Charge type	Inclusive	Charges Amount	VND 102,922
Charge Account	000003683	Sender's charge	VND 102,922
Swift Charge	BEN		

Cancellation Details

Reason for Cancellation* giao dịch sai

Submit Clear Cancel

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR027 01-01-2010

Sau đó, sẽ tiếp tục xử lý giao dịch bằng các nút chức năng sau:

- ✓ [Submit](#): Trình duyệt giao dịch đến cấp lãnh đạo để phê duyệt.
- ✓ [Clear](#): Xóa lý do hoàn trả giao dịch
- ✓ [Cancel](#): Hủy bỏ giao dịch

B/ Bước duyệt giao dịch:

Xem phần duyệt giao dịch trong Customer Plain / Full Booking

2.2. CUSTOMER FULL BOOKING

A/ Bước nhập liệu:

1. **Tìm kiếm thông tin khách hàng**
Quy trình thực hiện tương tự như ở Customer Plain Booking
2. **Chọn loại hình giao dịch:**
Nhấp chuột chọn **Fund Transfer/Fund Transfer Cross border/ Out going/ Customer Full Booking**. Màn hình sau sẽ xuất hiện

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX999900&FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry Trans. Processing Reports / Queries Parameterization Others

Transaction Entry

DBTT=USD-CTY TNHH NGUYEN CHI

Customer Status **Khách hàng bình thường**

Account Number	Account Type	Currency	Available Balance	Current Balance	Financial Status	Account POS
000042224	GUARANTEE OF OTHER PAYMENT	USD	1,586.44	1,586.44	Bình thường	000200-132

[Holder Details](#) [Refresh Balance](#) [View Relationship](#) [Next Customer](#)

Mode of Payment * Account Debit

Debit Amount * USD - 100.00

Transfer Amount * USD - 100.00

Debit Date * 02-01-2010

Credit Date * 03-01-2010

Ordering Customer

Account No * 000042224

Name * CTY TNHH NGUYEN CHI

Address 1 * 655 TRAN DINH XU PCAU KHO Q1 ,OTHER

Address 2 * WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -01 , PO

Address 3 * TP.HỒ CHÍ MINH ,VIET NAM

Ordering Customer * 0000253187 - CTY TNHH NGUYEN CHI

Beneficiary Details

Acc. Number * 123456789

Name * SAMSUNG CO.,LTD

Address 1 * 32 NEW YORK

Address 2 * USA

Address 3 *

Ben. Bank * SWIFT CITIUS33XXX

Bank Name * CITIBANK N.A.

Location * UNITED STATES

Purpose Type * Chuyển tiền trước khi nhận hàng

Save Template Yes No

Signature Verification

Conversion Rate 1

Charges VND 102,922

Net Debit Amt. USD 100.00

Nostro Account * XXXXXXXXXX

Remarks [Details](#)

Net Credit Amt. USD 100.00

(* indicates mandatory field) (** indicates either OurCorrespondent or Route has to be chosen)

[Swift Message](#) [Remittance Information](#) [Instruction Codes](#) [OurCorrespondents](#) [Route](#)

[Bank to Bank Details](#) [Submit](#) [Cancel](#) [Clear](#)

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR027 02-01-2010

Màn hình Customer Full Booking

3. Nhập thông tin giao dịch

Nhập tương tự như trong Customer Plain Booking. Tuy nhiên trên màn hình Customer Full Booking có 03 điểm khác biệt như sau:

- Trong phần Mode of Payment: có thêm trường Credit date (thể hiện trong trường 32A của MT103). Hệ thống sẽ mặc định là ngày xử lý tuy nhiên, người sử dụng có thể chỉnh sửa thông tin trong trường này khi muốn ngày value sau ngày thực hiện. Có thể nhập một ngày trực tiếp hoặc nhấp chuột vào biểu tượng bên cạnh. Lúc này màn hình sau sẽ xuất hiện

Select Date - Wind...

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gate

January 2010

[<<] [<] [>] [>>]

Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
27	28	29	30	31	1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31	1	2	3	4	5	6

[Close]

Internet 100%

- [Our Correspondents](#) : : nhấp chuột vào để chọn ngân hàng Nostro. Sau khi chọn ra ngân hàng Nostro, ngân hàng Nostro sẽ thể hiện tại Nostro Account – Tài khoản Nostro
- Nostro Account: Thể hiện ngân hàng Nostro.

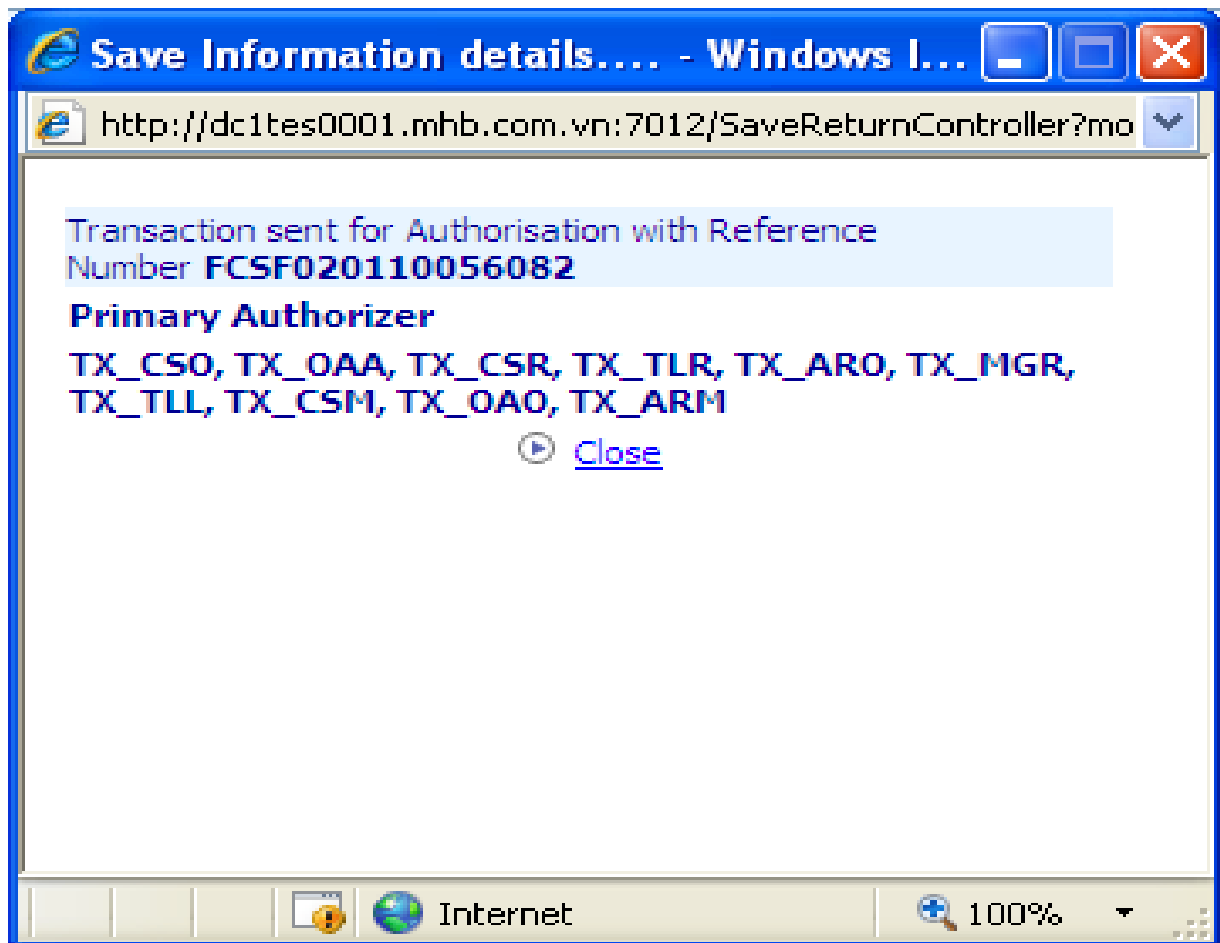
4. Trình duyệt

Nhấp chuột vào [Swift Message](#) để xem điện Swift

Nhấp chuột vào [Cancel](#), giao dịch sẽ đóng lại, các thông tin vừa nhập sẽ không được lưu.

Nhấp chuột vào [Clear](#) để xóa các thông tin vừa nhập

Nếu đồng ý với tất cả các thông tin của giao dịch thì nhấp chuột vào [Submit](#) để trình duyệt giao dịch.



Màn hình thông báo giao dịch trình duyệt thành công

B/ Bước duyệt giao dịch:

- Các bước thực hiện giống như tại bước duyệt của phần Customer Plain Booking.
- Sau khi chọn ra giao dịch cần duyệt, màn hình sau sẽ hiện ra:

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Inter...

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/AuthorizationController?txn_cd=1&actionId=WF5003&status=MRA&mod_desc=FUNDS TRANSFER FCY&refno=FC5F02

Common Authorization - - FUNDS TRANSFER FCY

Beneficiary Customer Details

Ben Details	123456789	Account Bank	CITIUS33XXX
	SAMSUNG CO.,LTD		CITIBANK N.A.
	32 NEW YORK		111 WALL STREET
	USA		NEW YORK,NY 10043
			UNITED STATES

Purpose Type

Ordering Customer Details

Account Number & Name	000042224 CTY TNHH NGUYEN CHI	Address	655 TRAN DINH XU PCAU KHO Q1 ,OTHER WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -01 , PO TP.HO CHI MINH ,VIET NAM
-----------------------	----------------------------------	---------	--

Transaction Details

Debit Amount	USD 10.00	Value Date	02-01-2010
Transfer Amount	USD 10.00		

Charges Details

Charge type	Exclusive		
Charge Account		Charges Amount	VND 99,393
Swift Charge	SHA		

Other Details

Internal Remarks		Customer Remarks	
Maker Id	TST1USR027	Maker Date	02-01-2010

[Conversion Details](#)
[Transaction Details](#)
[Show Message](#)
[Charge Details](#)
[Route Details](#)
[Instruction Codes](#)
[Remittance Information](#)
[Sender to Receiver Information](#)

Overrides

Amount Exceeds Maker Limit

The Condition Reason is :

No reason was entered

Enter the Reason

[Activity Details](#)
[Description Line Info](#)
[Authorize](#)
[Reject](#)
[Refer for Modification](#)
[Cancel](#)

Done

Màn hình duyệt giao dịch cho phần Customer Full booking

Các thông tin của giao dịch sẽ thể hiện trên màn hình. Người phê duyệt sẽ nhấp chuột vào các đường link để xem chi tiết.

Nếu chọn [Reject](#): từ chối giao dịch, lúc này giao dịch sẽ bị xóa khỏi hệ thống và tiền được trả về tài khoản của khách hàng.

Nếu chọn [Cancel](#): thoát giao dịch và quay trở về màn hình chờ duyệt

Nếu chọn [Refer for Modification](#): Trả giao dịch lại để sửa, lúc này giao dịch sẽ nằm tại **Trans. Processing>Workflow Queues>Refer for Modification Queue**.

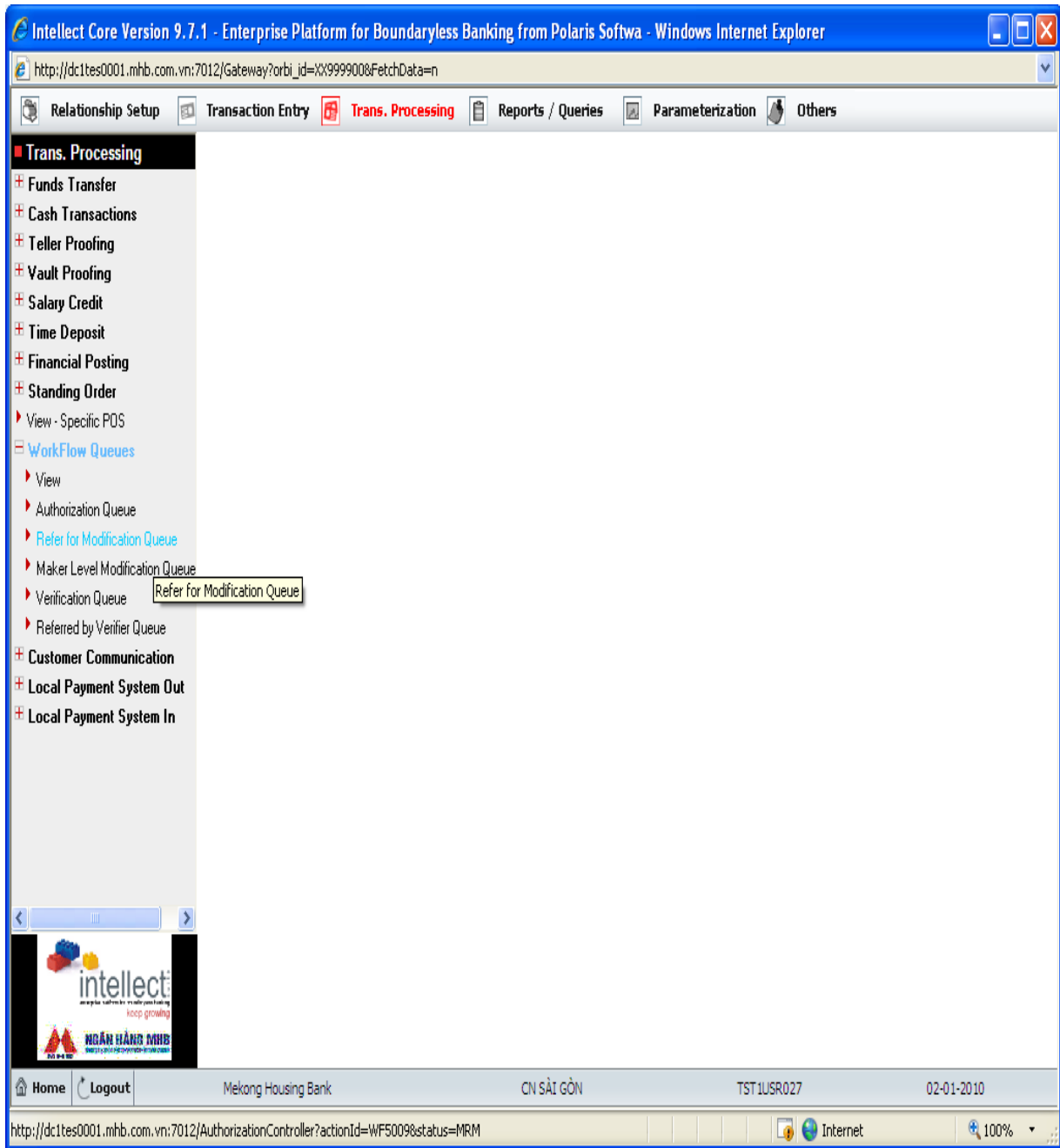
Người phê duyệt phải ghi lý do vào ô Enter the reason, trước khi chọn

Nếu chọn [Authorize](#): giao dịch sẽ được duyệt và điện sẽ chuyển vào hệ thống Swift.

2.3 REFER FOR MODIFICATION

A/ Bước nhập liệu

- Sau khi nhấp [Refer for Modification](#) giao dịch sẽ quay trở về tại **Trans. Processing> Workflow Queue> Refer for Modification**



- Nhấp chuột vào giao dịch cần Modification, màn hình sau sẽ hiện ra:

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Inter...

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/AuthorizationController?txn_cd=1&actionId=WF5003&status=MRM&mod_desc=FUNDS TRANSFER FCY&refno=FCSF02

[Refer for Modification Queue - - FUNDS TRANSFER FCY](#)

Outgoing - Customer Full Booking

Enter Transaction Details

Mode of Payment *	Account Debit		
Debit Amount *	USD	- 100.00	Debit Date * 02-01-2010
Transfer Amount *	USD	- 100.00	Credit Date * 02-01-2010

Ordering Customer

Account No *	000042224	Ordering Customer *	0000253187 - CTY TNHH NGUYEN CHI
Name *	CTY TNHH NGUYEN CHI	Address 1 *	655 TRAN DINH XU PCAU KHO Q1 ,OTHERS
Address 2 *	WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -01 , PO BOX -	Address 3 *	TP.HO CHI MINH ,VIET NAM

Beneficiary Details

Acc. Number *	123456789	☐ Walk-in Customer	Swift Charge	Sha
Name *	SAMSUNG CO., LTD	Address 1	32 HAM NGHI	
Address 2	USA	Address 3		
Ben. Bank *	SWIFT	CITIUS33XXX	Bank Name	CITIBANK N.A.
Location	UNITED STATES	Purpose Type	Chuyển tiền trước khi nhận hàng	
Save Template	Yes ☐ No ☒	Signature Verification	☐	

Conversion Rate	1	Nostro Account *	9112128402 - NOSTRO - USD
Charges	VND	102,922	Remarks Details
Net Debit Amt.	USD	100.00	Net Credit Amt. USD 100.00

(* indicates mandatory field) (** indicates either OurCorrespondent or Route has to be chosen)

[Activity Details](#) [Description Line Info](#) [Deletion](#) [Cancel](#)

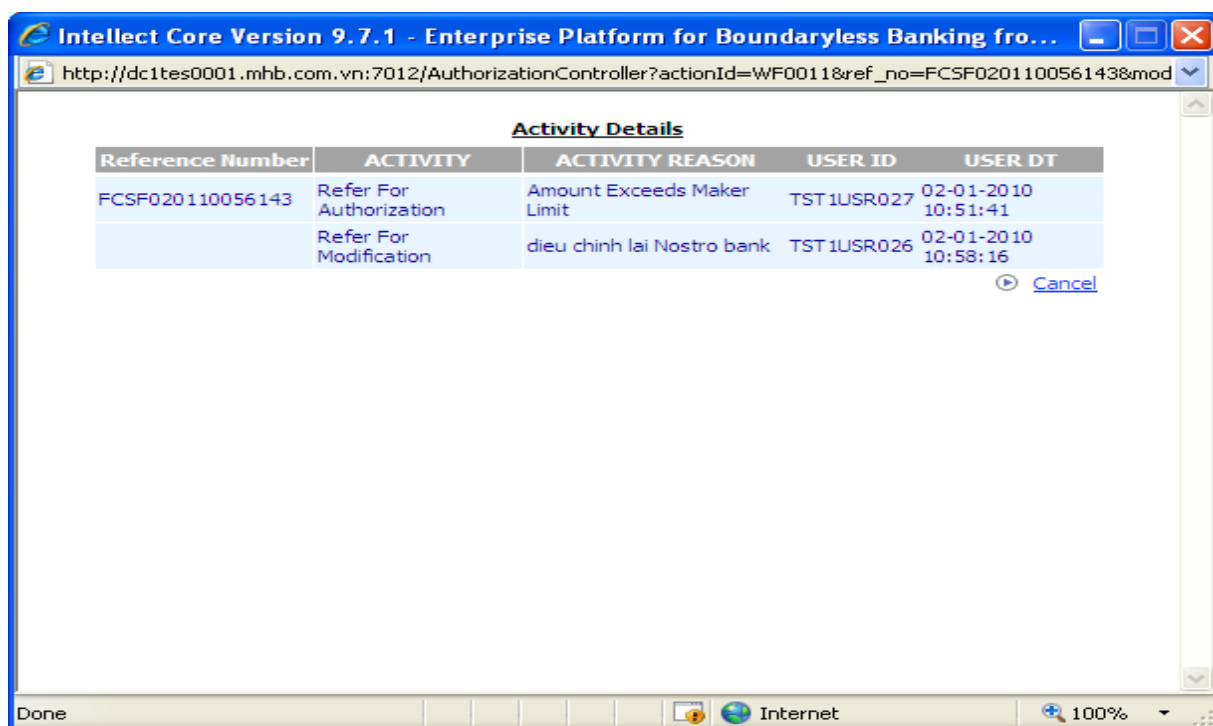
Overrides

Amount Exceeds Maker Limit

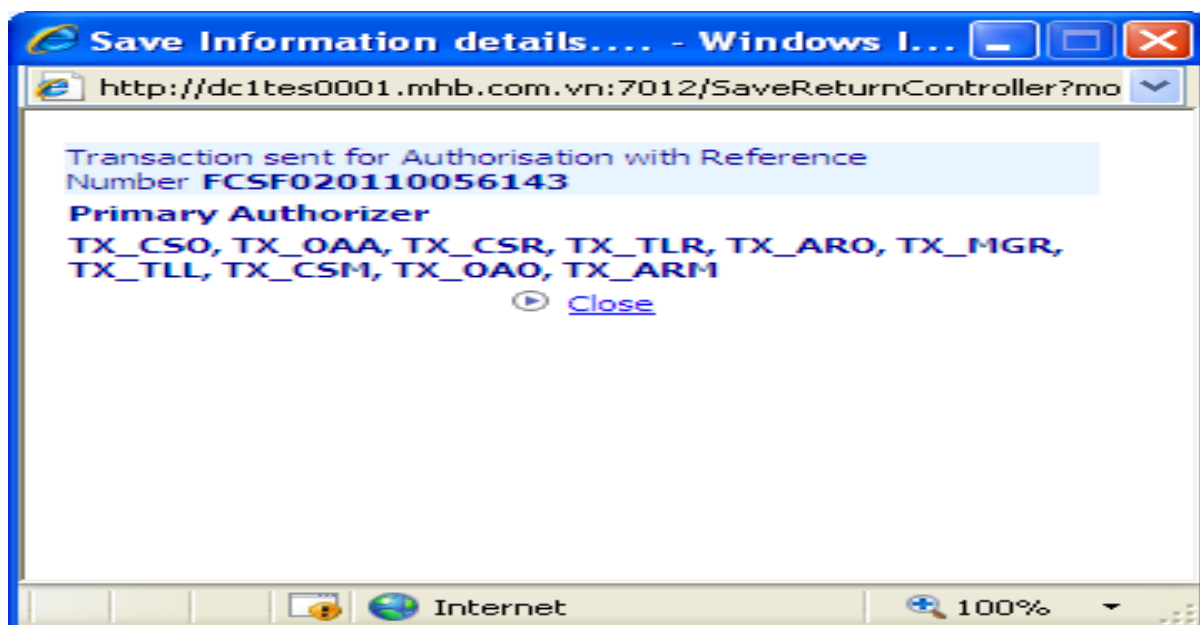
The Condition Reason is:

Amount Exceeds Maker Limit

- Nhấp chuột vào [Activity Details](#) để xem lý do giao dịch bị trả lại để sửa.



- Sau khi điều chỉnh thông tin, nhấp chuột vào [Submit](#) để trình duyệt lại giao dịch. Lúc này màn hình thông báo giao dịch đã được trình duyệt như sau:



B/ Bước duyệt giao dịch

Giao dịch sẽ tiếp tục đi vào hàng chờ duyệt và người phê duyệt sẽ duyệt giao dịch giống như giao dịch thông thường.

2.4 OUTGOING BANK BOOKING

Bank Booking được dùng khi muốn chuyển tiền giữa các ngân hàng/ tổ chức tín dụng. Chức năng này được sử dụng trong các trường hợp sau:

- Thực hiện chuyển tiền để thực hiện giao dịch của chính mình.
- Thực hiện khi MHB là ngân hàng nostro, thực hiện xử lý lệnh chuyển tiền theo yêu cầu của ngân hàng đại lý.
- Thực hiện điều vốn

A/Bước nhập liệu

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX9999008&FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

Trans. Processing

Funds Transfer

Collection Out

Inward Clearing

Outward Clearing

Certified Cheque

Instruments

Funds Transfer - Cross Bo

Plain Booking Enrichment

Plain Booking Reversal

Outgoing Bank Booking

Outgoing Messages

Outgoing Bank Booking

Report

Cash Transactions

Teller Proofing

Vault Proofing

Salary Credit

Time Deposit

Financial Posting

Standing Order

View - Specific PQS

Workflow Queues

Customer Communication

Local Payment System Out

Local Payment System In

Payment System / Funds Transfer / FCY - Outgoing - Bank Booking

Enter Debit Account Details

Bank Account *

Name

Enter Credit Account Details

Bank Account *

Name

Enter Transaction Details

Transaction Amt * AUD

Debit Value Date * 01-01-2010

FT OUT Amount *

Credit Value Date * 01-01-2010

Conversion Rate *

Reference Number

Charges

Net Debit Amt.

Net Credit Amt. AUD

Enter Ordering Institution Details

Ordering Institution SWIFT

Related Reference Number

Name

Country

Enter Beneficiary Bank Details

Ben Bank Account

Ben Bank * SWIFT

Acc With Bank SWIFT

Name

Country

Clearing Code

Internal Remarks

Customer Remarks

(* indicates mandatory field)

(** indicates either OurCorrespondent or Route has to be chosen)

☐ Intermediary Clearing Code ☐ Sender to Receiver Information ☐ OurCorrespondent ** ☐ Route ** ☐ Show Message

☐ Submit ☐ Cancel ☐ Clear

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST IUSR029 01-01-2010

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?mod_cd=FC&orbi_txn_cd=05&txn_cd=2&sub_txn_cd=1&FetchData=N&orbi_id=

start etc VnExpress - Dail... Product Fitment ... Document2 - Mic... Intellect Suite - E... Intellect Core Ve... 1:52 PM

Chức năng chuyển điện MT202 gồm các chi tiết sau:

a. Enter Debit Account Details: Nhập chi tiết tài khoản ghi Nợ

- **Bank Account:** Số tài khoản thực hiện ghi Nợ. Có thể tìm tên ngân hàng bằng cách sử dụng biểu tượng

Sau khi sử dụng biểu tượng , xuất hiện màn hình sau:

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?mod_cd=FC&FetchData=N&orbi...

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?mod_cd=FC&FetchData=N&orbi_id=FC20000200&call_mode=S

NostroAccount

Transfer Currency

Bank Name

[Search](#) [Clear](#) [Cancel](#)

Có thể tìm tên ngân hàng bằng cách nhập thông tin vào 1 trong 2 trường sau:

- ✓ Transfer Currency: chọn loại tiền có trong danh sách
- ✓ Bank name: tên tài khoản

Các nút chức năng:

- ▶ [Search](#) : tìm kiếm giao dịch theo thông tin đã nhập
- ▶ [Clear](#) : xóa tất cả các thông tin vừa nhập
- ▶ [Cancel](#) : màn hình tìm kiếm ngân hàng đóng lại.

Nhấn chọn ▶ [Search](#) , màn hình sau sẽ xuất hiện:

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?mod_cd=FC&FetchData=N&orbi...

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?mod_cd=FC&FetchData=N&orbi_id=FC20000200&call_mode=S

NostroAccount

Transfer Currency

Bank Name

[Search](#) [Clear](#) [Cancel](#)

Nostro Account No	SWIFT Code	Bank Desc
9112000368	CTBAU2S	Commonwealth Bank of Australia- Sydney

[Close](#)

b. Enter Credit Account Details: Nhập các chi tiết tài khoản ghi Có

- **Bank Account:** Số tài khoản của ngân hàng ghi Có
- **Name:** Tên ngân hàng ghi Có

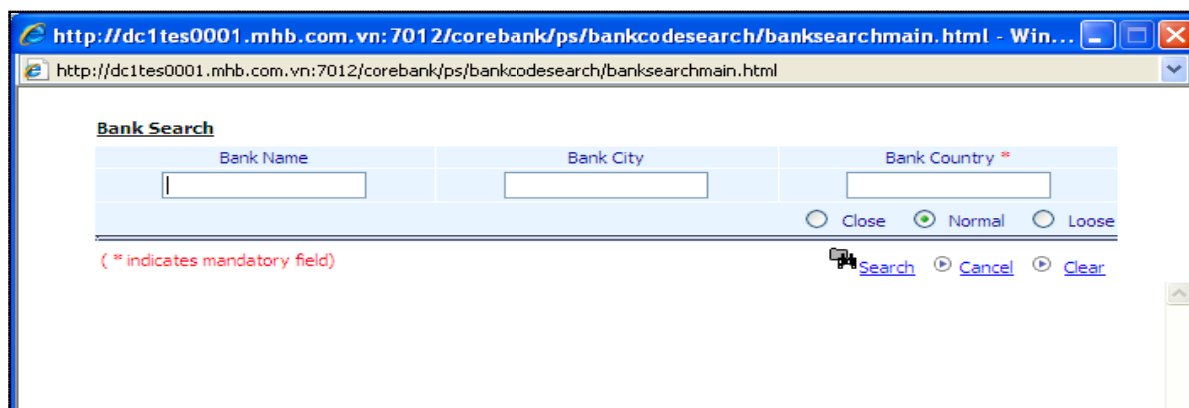
c. Enter Transaction Details: Nhập chi tiết giao dịch

- **Transaction Amount:** Số tiền và loại tiền thực hiện chuyển đi. Thông tin ở trường này giống như thể hiện trong trường “net credit amount”.
- **FT out Amount:** Số tiền và loại tiền thực hiện ghi nợ. Thông tin ở trường này giống như thể hiện trong trường “net debit amount”.
- **Conversion Rate:** Tỷ giá áp dụng cho giao dịch nếu loại tiền ghi nợ và loại tiền ghi có khác nhau. Hệ thống có chức năng sửa tỷ giá, hệ thống sẽ xác nhận nếu trong hạn mức và sẽ hiển thị cảnh báo nếu vượt hạn mức. Người sử dụng phải ghi rõ nguyên nhân chỉnh sửa.. Trong trường hợp loại tiền ghi nợ và loại tiền ghi có giống nhau, tỷ giá này sẽ bằng 1.
- **Charges:** Phí giao dịch (nếu có)
- **Debit Value Date:** Là ngày thực hiện ghi nợ tài khoản, mặc định là ngày thực hiện nhập liệu.
- **Credit Value Date:** Là ngày thực hiện ghi Có. Ngày này có thể sau ngày thực hiện.
- **Reference Number:** Số tham chiếu của giao dịch. Nếu người sử dụng không nhập vào trường này, hệ thống sẽ tự động tạo số tham chiếu cho giao dịch. Nếu người sử dụng muốn có số tham chiếu riêng thì nhập vào đây, hệ thống sẽ sử dụng thông tin tại trường này làm số tham chiếu của giao dịch.
- **Net Debit Amount:** Số tiền thực ghi Nợ
- **Net Credit Amount:** Số tiền thực ghi Có

d. Enter Ordering Institution Details: Nhập chi tiết ngân hàng yêu cầu chuyển

- **Ordering Institution:** Mã code của ngân hàng yêu cầu chuyển. Ở đây sẽ có trường nhập liệu để người sử dụng có thể nhập SWIFT code của ngân hàng yêu cầu chuyển. SWIFT code được lưu giữ trong hệ thống cùng với tên và địa chỉ của ngân hàng. Có thể sử dụng biểu tượng  để tìm kiếm SWIFT code của ngân hàng theo các tiêu chí: quốc gia/ địa phương/ tên ngân hàng.

Sau khi chọn biểu tượng , màn hình sau xuất hiện:



Người sử dụng có thể tìm ngân hàng yêu cầu chuyển (Bank search) bằng cách chọn các tiêu chí sau:

- ✓ Bank name: tên ngân hàng yêu cầu chuyển
- ✓ Bank city: địa phương của ngân hàng yêu cầu chuyển
- ✓ Bank Country: Quốc gia của ngân hàng yêu cầu chuyển. Tiêu chí này là bắt buộc.

Các nút chức năng:

🔍 [Search](#) : tìm kiếm giao dịch theo thông tin đã nhập

🗑️ [Clear](#) : xóa tất cả các thông tin vừa nhập

❌ [Cancel](#) : màn hình tìm kiếm ngân hàng đóng lại.

Nhấn chọn 🔍 [Search](#) , màn hình sau sẽ xuất hiện:

The screenshot shows a web browser window with the URL <http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/corebank/ps/bankcodesearch/banksearchmain.html>. The page title is "Bank Search".

Search Criteria:

Bank Name	Bank City	Bank Country *
		singapore

Buttons: ☐ Close ☒ Normal ☐ Loose

(* indicates mandatory field)

Buttons: 🔍 [Search](#) 🗑️ [Clear](#) ❌ [Cancel](#)

SWIFT_Code	Clearing Code	Bank Name	City	Country
WAMSSGS1XXX		UBS BRINSON PTE LTD. (FORMERLY WARB 6 BATTERY ROAD	SINGAPORE 049909	SINGAPORE
WBSSSGS1XXX		WARDLEY BROKING SERVICES PTE LTD. HONGKONGBANK BUILDING	SINGAPORE 049320	SINGAPORE
UVMPSGS1XXX		UOB VENTURE MANAGEMENT PTE LTD UOB PLAZA I	SINGAPORE 048624	SINGAPORE
UMBSGS1XXX		UNITED MERCHANT BANK LIMITED UOB PLAZA I	SINGAPORE 048624	SINGAPORE
VEMPSGS1XXX		VERTEX MANAGEMENT PTE LTD THE CURE SINGAPORE SCIENCE PARK	SINGAPORE 118258	SINGAPORE

Buttons: 🔍 [Close](#) 🔍 [Next](#)

Chọn ngân hàng cần tìm.

- **Name:** tên ngân hàng yêu cầu chuyển. Có thể sử dụng biểu tượng 🔍 để xem chi tiết ngân hàng yêu cầu chuyển.
- **Related Reference Number:** Số tham chiếu có liên quan
- **Country:** tên quốc gia của ngân hàng yêu cầu chuyển

e. Enter Beneficiary Bank Details: Nhập chi tiết ngân hàng thụ hưởng

- **Ben Bank Account:** Tài khoản ngân hàng thụ hưởng
- **Ben. Bank:** Mã code của ngân hàng thụ hưởng. Ở đây sẽ có trường nhập liệu để người sử dụng có thể nhập SWIFT code của ngân hàng thụ hưởng. SWIFT code được lưu giữ trong hệ thống

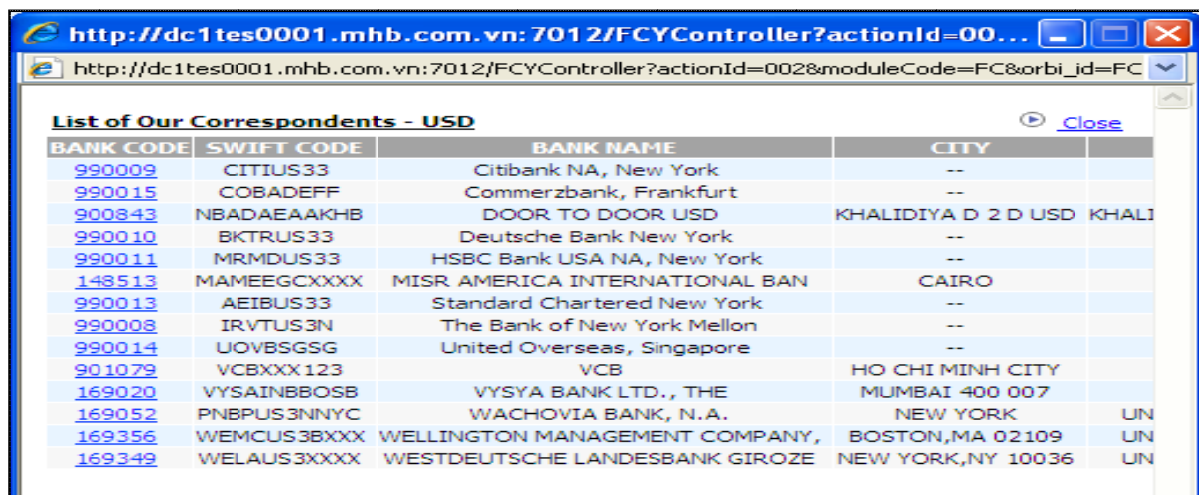
cùng với tên và địa chỉ của ngân hàng. Có thể sử dụng chức năng  để tìm kiếm SWIFT code của ngân hàng theo các tiêu chí: quốc gia/ địa phương/ tên ngân hàng.

- **Name:** tên của ngân hàng thụ hưởng
- **Country:** Quốc gia của ngân hàng yêu cầu chuyển
- **Clearing code** (không nhập liệu đối với trường này do chỉ áp dụng giữa các ngân hàng trong EU)
- **Account with Bank:** mã code của ngân hàng giữ tài khoản của ngân hàng thụ hưởng. Ở đây sẽ có trường nhập liệu để người sử dụng có thể nhập SWIFT code của ngân hàng giữ tài khoản. SWIFT code được lưu giữ trong hệ thống cùng với tên và địa chỉ của ngân hàng. Có thể sử dụng chức năng  để tìm kiếm SWIFT code của ngân hàng theo các tiêu chí: quốc gia/ địa phương/ tên ngân hàng.
- **Name:** tên ngân hàng giữ tài khoản của ngân hàng thụ hưởng
- **Country:** quốc gia của ngân hàng giữ tài khoản của ngân hàng thụ hưởng.
- **Internal Remark:** nhập những ghi chú sử dụng trong nội bộ ngân hàng MHB (những ghi chú lưu ý đối với người phê duyệt)
- **Customer Remark:** nhập những ghi chú về khách hàng.

f. Các nút chức năng:

-  [Intermediary Clearing Code](#) : không nhập liệu đối với trường này
-  [Sender to Receiver Information](#) : thông tin từ người gửi đến người nhận. Thông tin ở đây sẽ được đưa vào Field 72 của MT202. Xem thêm chi tiết ở phần MT103/plain booking.
-  [OurCorrespondent](#)⁴ : chi tiết ngân hàng Nostro. Khi người sử dụng chọn tên ngân hàng Nostro, thông tin ở đây sẽ tự động cập nhật vào phần 2 - chi tiết ngân hàng ghi Có.

Sau khi nhấn chọn vào đây, màn hình sau xuất hiện:



BANK CODE	SWIFT CODE	BANK NAME	CITY	
990009	CITIUS33	Citibank NA, New York	--	
990015	COBADEFF	Commerzbank, Frankfurt	--	
900843	NBADAEEAAKHB	DOOR TO DOOR USD	KHALIDIYA D 2 D USD	KHALI
990010	BKTRUS33	Deutsche Bank New York	--	
990011	MRMDUS33	HSBC Bank USA NA, New York	--	
148513	MAMEEGCXXX	MISR AMERICA INTERNATIONAL BAN	CAIRO	
990013	AEIBUS33	Standard Chartered New York	--	
990008	IRVTUS3N	The Bank of New York Mellon	--	
990014	UOVBSGSG	United Overseas, Singapore	--	
901079	VCBXXX123	VCB	HO CHI MINH CITY	
169020	VYSAINBOSB	VYSYA BANK LTD., THE	MUMBAI 400 007	
169052	PNBPUS3N NYC	WACHOVIA BANK, N.A.	NEW YORK	UN
169356	WEMCUS3BXXX	WELLINGTON MANAGEMENT COMPANY,	BOSTON,MA 02109	UN
169349	WELAUS3XXXX	WESTDEUTSCHE LANDESBANK GIROZE	NEW YORK,NY 10036	UN

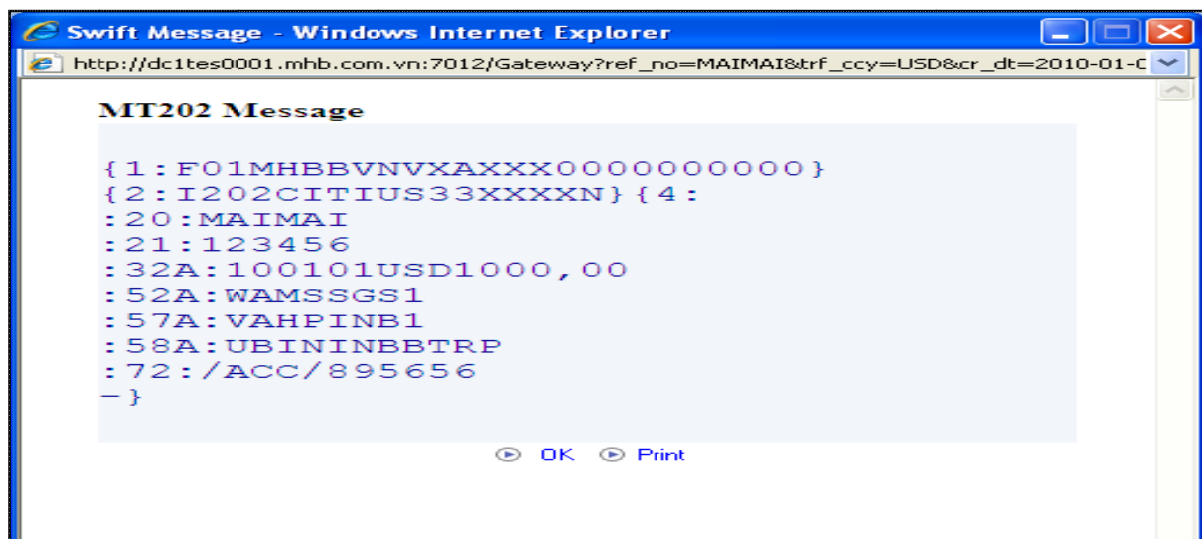
Người sử dụng chọn ngân hàng Nostro cần thiết bằng cách nhấn chọn vào Bank Code của ngân hàng.

- [Route](#) : tạo đường đi của điện (trong trường hợp không chọn chi tiết ngân hàng Nostro)
- [Show Message](#) : xem điện
- [Submit](#) : Trình duyệt giao dịch
- [Cancel](#) : Hủy giao dịch
- [Clear](#) : Xóa các chi tiết giao dịch

Sau khi nhập thông tin vào các trường bắt buộc và chọn cách thức chuyển điện thì màn hình hiện ra như sau:

Transaction Entry  Trans. Processing  Reports / Queries  Parameterization  Others			
Payment System / Funds Transfer / FCY - Outgoing - Bank Booking			
Enter Debit Account Details		Enter Credit Account Details	
Bank Account *	9112000368 	Bank Account *	
Name	Tiền, vàng gửi không kỳ hạn tại các TCTD ở n	Name	
Enter Transaction Details			
Transaction Amt*	USD - 1,000.00	Debit Value Date*	01-01-2010 
FT OUT Amount *	AUD - 1,193.90	Credit Value Date*	01-01-2010 
Conversion Rate *	0.83758766 	Reference Number	MAIMAI
Charges			
Net Debit Amt.	AUD 1,193.90	Net Credit Amt.	USD 1,000.00
Enter Ordering Institution Details			
Ordering Institution	SWIFT  WAMSSGS1XXX 	Related Reference Number	123456
Name	UBS BRINSON PTE LTD. (FORMERLY WARB 	Country	SINGAPORE
Enter Beneficiary Bank Details			
Ben Bank Account			
Ben.Bank *	SWIFT  UBININBBTRP 	Acc With Bank	SWIFT  VAHPINB1XXX 
Name	UNION BANK OF INDIA 	Name	VASANT HOLDINGS PVT LTD 
Country	INDIA	Country	INDIA
Clearing Code	//		
Internal Remarks	abc	Customer Remarks	def
(* indicates mandatory field) (** indicates either OurCorrespondent or Route has to be chosen) Intermediary Clearing Code Sender to Receiver Information OurCorrespondent ** Route ** Show Message Submit Cancel Clear			

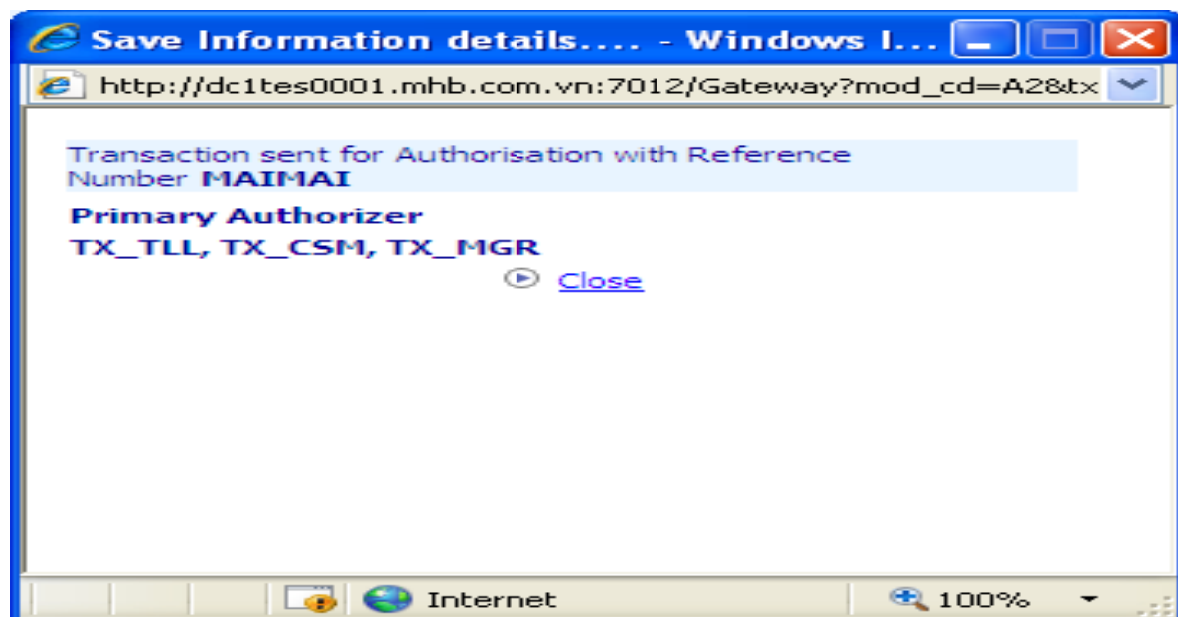
Xem điện:



Người sử dụng có thể in điện bằng cách nhấn vào nút [Print](#) , hoặc không in bằng cách nhấn vào nút [OK](#)

Sau đó trình duyệt giao dịch bằng cách nhấn vào nút [Submit](#)

Màn hình xác nhận số tham chiếu của giao dịch và giao dịch đã được chuyển đến người phê duyệt.



Đóng màn hình bằng cách nhấn vào nút [Close](#)

B/Bước duyệt giao dịch

Tương tự như bước duyệt giao dịch của Customer Plain /Full booking.

2.5. OUGOING MESSAGES

2.5.1. STANDALONE MESSAGES

2.5.1.1. N91: Điện yêu cầu thanh toán tiền phí, tiền lãi...

A/ Bước nhập liệu:

Dưới đây là màn hình của bước nhập liệu

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX999900&FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

Trans. Processing

- Funds Transfer
 - Collection Out
 - Inward Clearing
 - Outward Clearing
 - Certified Cheque
 - Instruments
 - Funds Transfer - Cross Bo
 - Plain Booking Enrichment
 - Plain Booking Reversal
 - Outgoing Bank Booking
 - Outgoing Messages
 - Standalone Messages
 - N91
 - N92
 - N95
 - N96
 - N99
 - Outgoing Message Status
 - Incoming Message Queue
 - Report
 - Cash Transactions
 - Teller Proofing
 - Vault Proofing
 - Salary Credit
 - Time Deposit

Funds Transfer / FCY - Outgoing - Send MT191

Transaction Details

Rel Ref No. * FCSF31120905586 Reference Number

Transaction Amount * USD - 20.00 Receiver * SWIFT WBNAUS41XXX

Enter Ordering Institution Details

Ordering Bank SWIFT VTCBVNXXXX Name TECHCOMBANK

City HANOI Country VIET NAM

Enter Account with Institution Details

Acc. with Bank SWIFT CITIUS33XXX Name CITIBANK N.A.

City NEW YORK NY 10043 Country UNITED STATES

[Details of Charges *](#) [Bank to Bank Details](#)

[Show Message](#) [Submit](#) [Cancel](#) [Clear](#)

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR028 01-01-2010

Màn hình trên có các trường cơ bản sau:

- Relative Reference Number: Số tham chiếu liên quan, ví dụ: số tham chiếu của MT103 nếu người sử dụng đang tạo điện MT191 để yêu cầu thanh toán các khoản phí liên quan đến MT103 này.
- Transaction Amount: Số tiền yêu cầu thanh toán. Người sử dụng sẽ chọn đơn vị tiền từ danh sách và nhập số tiền yêu cầu thanh toán.
- Ordering Bank: Ngân hàng yêu cầu thanh toán. Người sử dụng chỉ nhập SWIFT Code của ngân hàng yêu cầu thanh toán trong trường hợp ngân hàng này không phải là MHB
- Account With Bank : Nhập Swift code của ngân hàng mà MHB có tài khoản để nhận tiền thanh toán.
- Reference Number: Số tham chiếu của N91. Hệ thống sẽ tự tạo ra số này sau khi người sử dụng nhập đầy đủ thông tin và chọn nút Submit.
- Receiver: Nhập Swift code của Ngân hàng nhận điện N91
- Details of charges: Chi tiết các khoản phí, lãi yêu cầu thanh toán. Người sử dụng sẽ nhập chi tiết phí, lãi yêu cầu thanh toán hoặc chọn các code trong danh sách và nhập số tiền phù hợp với giao dịch như minh họa ở màn hình sau đây:

Line	Code	Amount
Line - 1	COMM	USD5
Line - 2	INT	USD5
Line - 3	PHON	USD5
Line - 4	TELE	USD3
Line - 5	TELEX	USD2
Line - 6	--Select--	

Sau khi nhập thông tin, nhấp **Ok** để đồng ý, ngược lại chọn **Cancel**.

(Vui lòng tham khảo *Swift User Handbook* để hiểu rõ ý nghĩa các code ở màn hình trên).

- h. Bank to bank details: Thông tin từ ngân hàng gửi điện đến ngân hàng nhận điện. Người sử dụng chỉ nhập dữ liệu ở trường này khi muốn gửi thông tin đến ngân hàng nhận điện. Nếu không, sẽ không cần nhập.

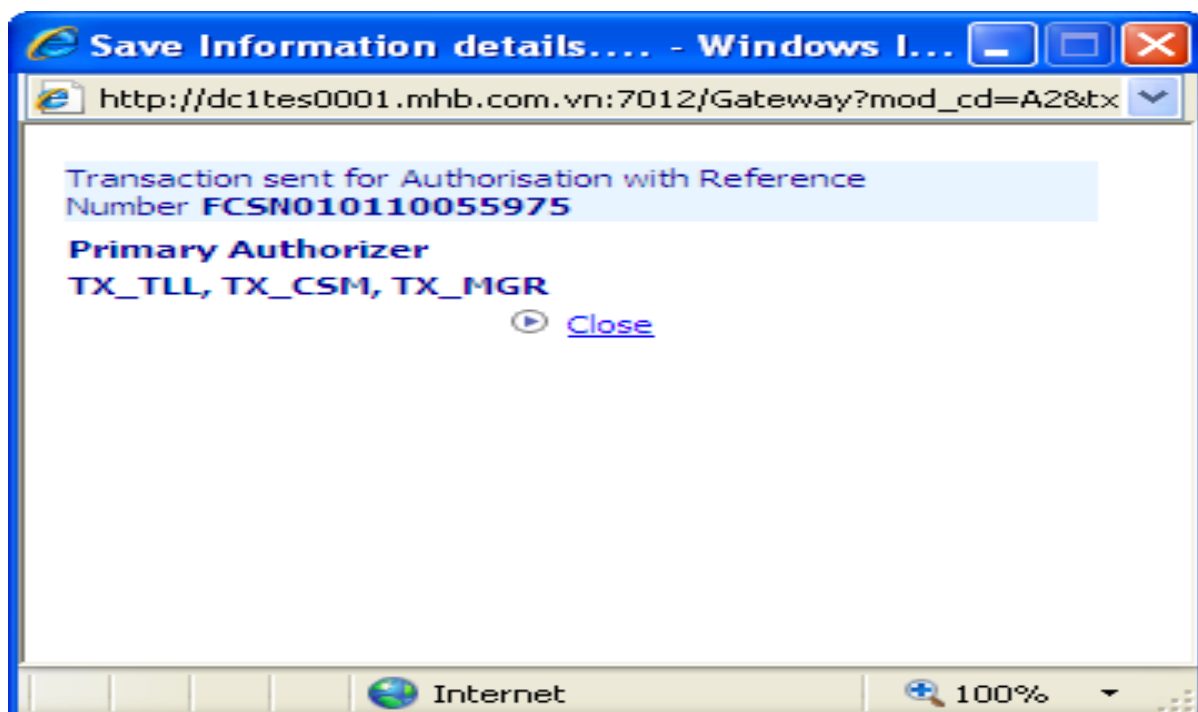
//	
//	
//	
//	
//	
//	

Nhấp chọn **Confirm** để chấp nhận thông tin, **Cancel** để hủy, **Clear** để xóa thông tin vừa nhập tại màn hình này.

- i. Show message: Xem điện trước khi chuyển giao dịch cho cấp duyệt. Tại đây người sử dụng có thể chọn **Print** để in điện.



- j. Cancel: Hủy bỏ giao dịch tại bước maker
- k. Clear: Xóa các dữ liệu vừa nhập trong màn hình maker.
- l. Submit: Chuyển giao dịch cho cấp duyệt. Sau khi chọn nút Submit, hệ thống sẽ xuất thông báo giao dịch được chuyển đến cấp duyệt với số tham chiếu kèm theo.



B/ Bước duyệt giao dịch:

Dưới đây là màn hình của bước duyệt giao dịch

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Inter...

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/AuthorizationController?txn_cd=1&actionId=WF5003&status=MRA&mod_desc=FUNDS TRANSFER FCY&refno=FCSN01

[Common Authorization - - FUNDS TRANSFER FCY](#)

Free Format View 191 Details

Reference Number FCSN01

Transaction Details

Transaction Amount	20.00	Transaction Currency	USD	Rel. Ref No.	FCS
--------------------	-------	----------------------	-----	--------------	-----

ReceiverDetails

Bank Desc	WESTSTAR BANK, N.A.	Address1	121 WEST 4TH STREET	Address2	
CITY	BARTESVILLE,OK 74003	COUNTRY	UNITED STATES	SWIFT_CODE	WBN

Ordering Institution Details

Bank Desc	TECHCOMBANK	Address1	15 DAO DUY TU, HOAN KIEM	Address2	
CITY	HANOI	COUNTRY	VIET NAM	SWIFT_CODE	VTCT

Account With Institution Details

Bank Desc	CITIBANK N.A.	Address1	111 WALL STREET	Address2	
CITY	NEW YORK,NY 10043	COUNTRY	UNITED STATES	SWIFT_CODE	CITI

Charges Details

/COMM/USD5	/INT/USD5	/PHON/USD5	/TELE/USD3	/TELEX/USD2	
------------	-----------	------------	------------	-------------	--

Sender's to receiver Information Details

Overrides
No Overrides

The Condition Reason is :
No reason was entered

Enter the Reason

[Activity Details](#) [Description Line Info](#) [Authorize](#) [Reject](#) [Cancel](#)

Ở bước này người duyệt chỉ xem thông tin, xem điện, in điện và không thể chỉnh sửa thông tin. Để duyệt giao dịch, chọn nút **Authorize**, để từ chối giao dịch, chọn **Reject**. Chọn nút **Cancel**, thoát khỏi màn hình duyệt và giao dịch vẫn chưa được duyệt.

2.5.1.2. N92 : Điện yêu cầu hủy điện đã gửi đi trước đó.

Để hủy điện đã gửi đi, người sử dụng phải thực hiện 2 giai đoạn như sau:

-Cancellation Request: Tạo điện N92 gửi đến ngân hàng nước ngoài yêu cầu hủy điện đã đi trước đó.

-Cancellation Process: Xử lý hủy điện trong hệ thống Intellect khi nhận được xác nhận đồng ý hủy từ ngân hàng nước ngoài.

Sau đây là các bước thực hiện của từng giai đoạn:

◆ Cancellation Request

A/ Bước nhập liệu:

Dưới đây là màn hình của bước nhập liệu

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX999900&FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

Trans. Processing

- Funds Transfer
 - Collection Out
 - Inward Clearing
 - Outward Clearing
 - Certified Cheque
 - Instruments
 - Funds Transfer - Cross Bo
 - Plain Booking Enrichment
 - Plain Booking Reversal
 - Outgoing Bank Booking
 - Outgoing Messages
 - Standalone Messages
 - N91
 - N92**
 - Cancellation Request
 - Cancellation Process
 - N95
 - N96
 - N99
 - Outgoing Message Status
 - Incoming Message Queu
 - Report
- Cash Transactions
- Teller Proofing
- Vault Proofing

FCV - Outgoing Cancellation Search Screen

Reference Number: FCSF020110056075 Transaction Currency: [Dropdown]
Debit A/C No: [Text] Message Type: MT 103
Value date From: [Text] Value date To: [Text]
Amount Range - From: [Text] Amount Range - To: [Text]
Maker Id: [Text] Auth Id: [Text]

[Query] [Clear] [Cancel]

Txn Ref No.	Account Number	Amount	Value Date
FCSF020110056075	000004514	1,782,500	02-01-2010

Page: 1 / 1

[First] [Previous] [Next] [Last] [Exit]

intellect
keep growing
NGÂN HÀNG MHB

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR028 02-01-2010

Done Internet 100%

Ở màn hình trên, cần lưu ý các trường sau:

- Reference Number: Số tham chiếu của điện cần hủy.
- Message type: Loại điện cần hủy
- Query: Sau khi nhập số tham chiếu và loại điện, nhấp chọn query, hệ thống sẽ xuất ra giao dịch cần hủy ngay bên dưới.

Lưu ý: Khi thực hiện nhập dữ liệu để tìm kiếm, càng nhiều thông số đưa ra kết quả tìm kiếm càng được rút gọn.

Nhấp chọn giao dịch, màn hình sau sẽ xuất hiện:

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX999900&FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry Trans. Processing Reports / Queries Parameterization Others

Trans. Processing

Funds Transfer

Collection Out

Inward Clearing

Outward Clearing

Certified Cheque

Instruments

Funds Transfer - Cross Border

Plain Booking Enrichment

Plain Booking Reversal

Outgoing Bank Booking

Outgoing Messages

Standalone Messages

N91

N92

Cancellation Request

Cancellation Process

N95

N96

N99

Outgoing Message Status

Incoming Message Queue

Report

Cash Transactions

Teller Proofing

Vault Proofing

Salary Credit

Cancellation

Related References

Rel Ref No. FCSF020110056075

Message Type MT103

Date Of Original Message 02-JAN-2010

Tags of Original Message

20:FCSP020110056075

23B:ICRED

32A:100102USD100.00

33B:VND1762500.

36:17625,

50K:000004514

CTY TNHH TMXD DA LOC

281228 BINH LOI P13 QBINH THANH,OT

WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -14 , PO

TR.HO CHI MINH ,VIET NAM

53A:PNBPUS3NNYC

57A:ICITIUS33

59:99999

DUNG TEST

123 SWALL ST

YN

US

70:INV/123/09

71A:SHA

Cancellation Initiated By CUSTOMER

Reference Number

Reason *

CHUYEN NHAM BENEFICIARY

(* indicates mandatory field)

Narrative Text Details Submit Cancel

Home Logout Mekong Housing Bank CN SAI GON TST1USR028 02-01-2010 Internet 99%

Màn hình trên có các phần sau:

- Related Reference: Thông tin về điện cần hủy, gồm: Số tham chiếu, loại điện, ngày gửi và các trường cơ bản của điện này. Thông tin này sẽ xuất ra điện n92 để ngân hàng nhận điện nhận biết được điện yêu cầu hủy.
- Cancellation initiated by: Bên yêu cầu hủy là Khách hàng hay Ngân hàng.
- Reference Number: Số tham chiếu của điện hủy, hệ thống sẽ tự tạo sau khi chọn nút Submit. Nếu người sử dụng muốn tạo số tham chiếu riêng thì nhập thông tin vào trường này. Số tham chiếu này sẽ thể hiện ở trường 20 của điện n92.
- Reason: Lý do hủy, người sử dụng bắt buộc phải nhập lý do hủy trước khi chuyển giao dịch sang cấp duyệt.
- Narrative Text Details: Trường này nêu một số thông tin về điện cần hủy để ngân hàng nhận điện nhận biết được điện yêu cầu hủy. Tuy nhiên, cần lưu ý: tùy từng trường hợp thực tế mà có cần nhập thông tin ở trường này hay không.

FT Cancellation - Search - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=FC05110007&orbi_txn_cd=:

Narrative Text Details

Line - 1

Line - 2

Line - 3

Line - 4

Line - 5

Line - 6

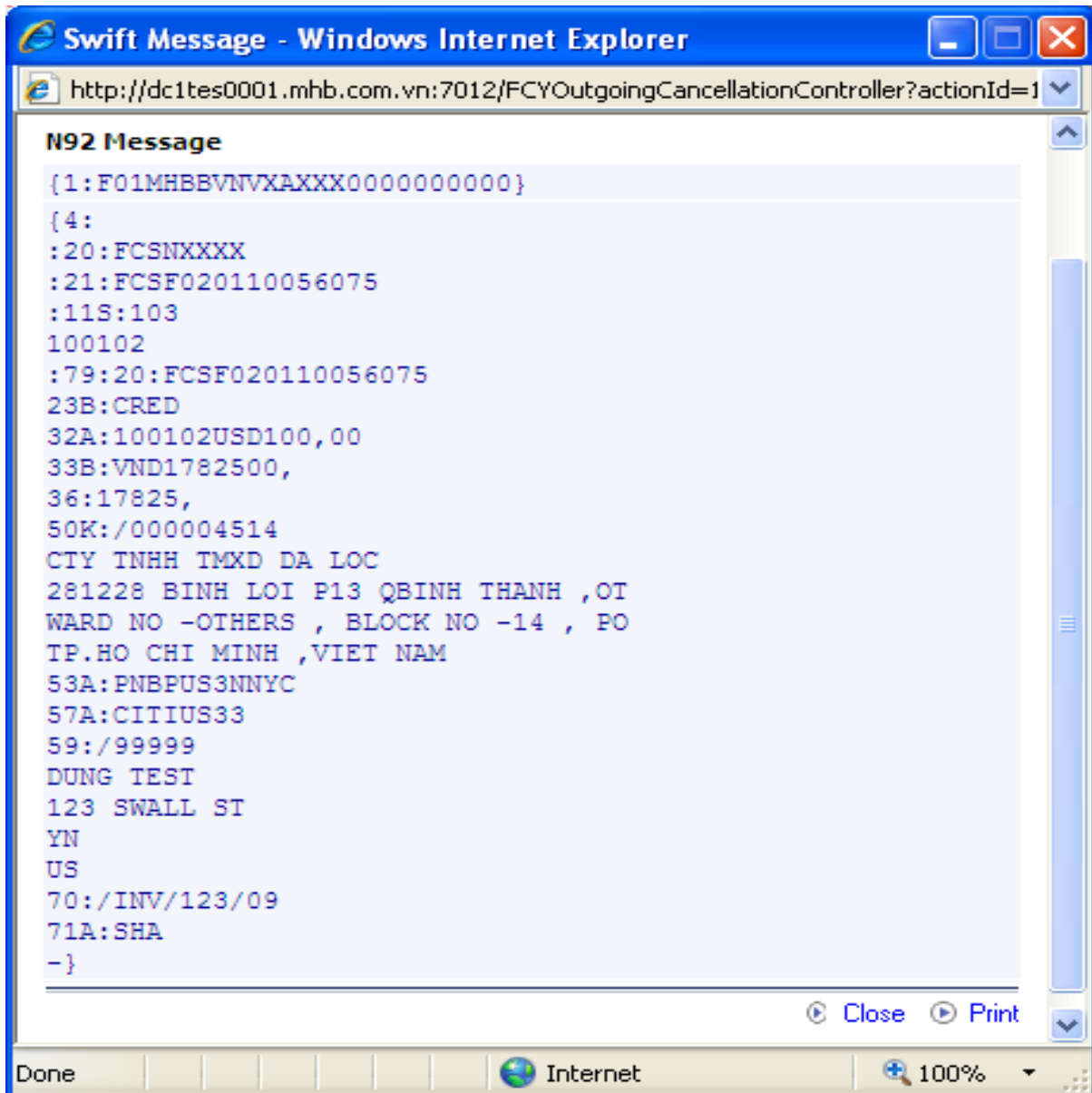
Line - 7

Line - 8

Confirm Cancel

Done Internet 100%

- f. Swift message: Xem điện trước khi chuyển cho cấp duyệt. Tại đây, người sử dụng có thể chọn **Print** để in điện



- g. Cancel: Hủy bỏ giao dịch đang thực hiện
h. Clear: Xóa các dữ liệu vừa nhập trong màn hình
i. Submit: Chuyển giao dịch cho cấp duyệt. Sau khi chọn nút Submit, hệ thống sẽ xuất thông báo giao dịch được chuyển đến cấp duyệt với số tham chiếu kèm theo.

B/Bước duyệt giao dịch

Bước duyệt điện N92, tương tự như bước duyệt của điện N91. Ở bước này người duyệt cũng chỉ xem thông tin, xem điện, in điện và không thể chỉnh sửa thông tin. Để duyệt giao dịch, chọn nút **Authorize**, để từ chối giao dịch, chọn **Reject**. Chọn nút **Cancel**, thoát khỏi màn hình duyệt và giao dịch vẫn chưa được duyệt.

◆ Cancellation Process

A/ Bước nhập liệu:

Dưới đây là màn hình của bước nhập liệu

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Software - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX999900&FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

Trans. Processing

- Funds Transfer
 - Collection Out
 - Inward Clearing
 - Outward Clearing
 - Certified Cheque
 - Instruments
 - Funds Transfer - Cross Bo
 - Plain Booking Enrichment
 - Plain Booking Reversal
 - Outgoing Bank Booking
 - Outgoing Messages
 - Standalone Messages
 - N91
 - N92**
 - Cancellation Request
 - Cancellation Process**
 - N95
 - N96
 - N99
 - Outgoing Message Status
 - Incoming Message Queue
 - Report
 - Cash Transactions
 - Teller Proofing
 - Vault Proofing

FCY - OUTGOING CANCELLATION PROCESS SEARCH SCREEN

Cancellation Ref No: FCSF010110055984 Confirmation Ref No:

Confirmation Recd Date From: Confirmation Recd Date To:

[Query](#) [Clear](#) [Cancel](#)

Confirmation Ref No	Cancellation Ref No	Message Type	Value Date
No Data Found			

Page: 1 / 1

[First](#) [Previous](#) [Next](#) [Last](#) [Exit](#)

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR028 01-01-2010

javascript:validateDate();

Ở màn hình trên, cần lưu ý các trường sau:

- Cancellation Ref No: Số tham chiếu của điện N92.
- Confirmation Ref No: Số tham chiếu điện xác nhận hủy của ngân hàng nước ngoài
- Confirmation Recd date from và Confirmation Recd date to: Khoảng thời gian nhận điện xác nhận hủy của ngân hàng nước ngoài
- Query: Sau khi nhập các trường trên, nhấp chọn query, hệ thống sẽ xuất ra điện xác nhận hủy của ngân hàng nước ngoài ngay bên dưới.

Nhấp chọn giao dịch, màn hình sau sẽ xuất hiện:

B/ Bước duyệt giao dịch:

2.5.1.3. N95: Điện truy vấn

A/ Bước nhập liệu:

Dưới đây là màn hình của bước nhập liệu

The screenshot shows the 'Generate - N95' screen in the Intellect Core Version 9.7.1 web interface. The left sidebar contains a tree view with the following items: Trans. Processing, Funds Transfer, Collection Out, Inward Clearing, Outward Clearing, Certified Cheque, Instruments, Funds Transfer - Cross Bo, Plain Booking Enrichment, Plain Booking Reversal, Outgoing Bank Booking, Outgoing Messages, Standalone Messages, N91, N92, N95, N96, N99, Outgoing Message Status, Incoming Message Queue, Report, Cash Transactions, Teller Proofing, Vault Proofing, Salary Credit, and Time Deposit. The main content area has a top navigation bar with tabs: Relationship Setup, Transaction Entry, Trans. Processing (selected), Reports / Queries, Parameterization, and Others. Below the tabs, there is a 'Generate - N95' section with the following fields: 'Allowed Message Type' (MT103), 'Related References' (FCSF020110056075), and 'Value Date of Original Msg' (02-01-2010). There are 'Search', 'Clear', and 'Cancel' buttons. Below these fields is a table with the following data:

Related References	Message Type	Transaction Type	Sender of Message	Receiver of Message	Message Recd. On	Message Status
FCSF020110056075	MT103	QUERIES	MH6BVNXXXX	null	02-01-2010	Message Sent

The bottom of the screen shows a footer with 'Home', 'Logout', 'Mekong Housing Bank', 'CN SÀI GÒN', 'TST1USR028', '02-01-2010', and 'Internet'.

Màn hình trên, cần lưu ý các trường sau:

- Allowed Message type: Loại điện cần truy vấn
- Related References: Số tham chiếu của điện cần truy vấn
- Value date of Original Msg: Ngày giá trị của điện cần truy vấn
- Search: Tìm kiếm. Sau khi nhập thông tin các trường trên, người sử dụng chọn nút Search, hệ thống sẽ xuất ra điện cần truy vấn ngay bên dưới.

Sau khi nhấp chọn giao dịch cần truy vấn, màn hình sau sẽ xuất hiện:

Màn hình trên có các trường sau:

- Reference Number: Số tham chiếu của điện N95 được hệ thống tự xuất ra khi submit giao dịch
- Message Type: Loại điện truy vấn. Có hai loại là 195 và 295
- Receiver of Message: Ngân hàng nhận điện truy vấn
- Queries: Nội dung truy vấn. Có thể nhập nội dung truy vấn dưới dạng văn bản hoặc chọn code từ danh sách.
- Narrative: Nội dung truy vấn dạng văn bản. Nếu trường Queries không còn đủ chỗ để nhập nội dung truy vấn dạng văn bản thì người sử dụng có thể nhập tiếp ở trường này.
- Details of Original Message: Các trường của điện cần truy vấn. Căn cứ vào trường này ngân hàng nhận điện nhận biết được điện cần truy vấn. Minh họa trên màn hình là các trường của điện MT103.
- Narrative text for Original Message: Trường này nêu một số thông tin về điện cần truy vấn để ngân hàng nhận điện nhận biết được điện cần truy vấn. **Lưu ý:** trường này chỉ nhập khi không có trường Details of Original message, vì theo quy định của Swift, trường Narrative text for Original Message và trường Details of Original Message không được phép xuất hiện trong cùng một bức điện N95.
- Swift message: Xem điện trước khi chuyển giao dịch cho cấp duyệt. Tại đây có thể chọn nút **Print** để in điện.



- i. Cancel: Hủy bỏ giao dịch đang thực hiện
- j. Clear: Xóa các dữ liệu vừa nhập vào màn hình
- k. Submit: Chuyển giao dịch sang cho cấp duyệt. Sau khi chọn nút Submit, hệ thống sẽ xuất thông báo giao dịch được chuyển đến cấp duyệt với số tham chiếu kèm theo.

B/Bước duyệt giao dịch

Bước duyệt điện N95, tương tự như bước duyệt của điện N91. Ở bước này người duyệt cũng chỉ xem thông tin, xem điện, in điện và không thể chỉnh sửa thông tin. Để duyệt giao dịch, chọn nút **Authorize**, để từ chối giao dịch, chọn **Reject**. Chọn nút **Cancel**, thoát khỏi màn hình duyệt và giao dịch vẫn chưa được duyệt.

2.5.1.4. N96 : Điện trả lời

A/ Bước nhập liệu:

Dưới đây là màn hình của bước nhập liệu

2.5.1.5. N99: Điện dạng tự do

A/ Bước nhập liệu:

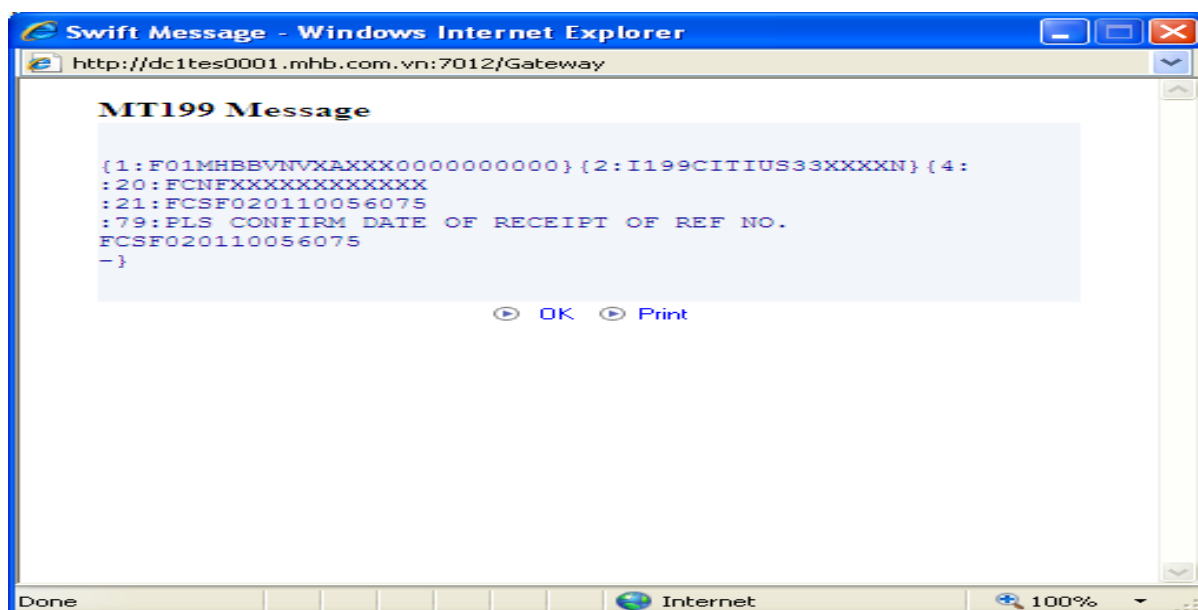
Dưới đây là màn hình của bước nhập liệu

The screenshot shows the Intellect Core Version 9.7.1 interface. The main window is titled 'Trans. Processing' and contains the following fields and sections:

- Channel ***: SWIFT
- Message Type ***: MT199
- Priority ***: Normal
- Sender's Code ***: MHBBVNXXXX
- Receiver's Code ***: CITIUS33XXX
- Rel Ref**: FCSF020110056075
- Reference Number**: (empty)
- Narrative Text ***: A table with 3 columns and 10 rows. The first row contains the text 'PLS CONFIRM DATE OF RECEIPT OF REF NO.' and the second row contains 'FCSF020110056075'.
- Buttons**: Submit, Show Message, Cancel, Clear.
- Footer**: Intellect logo, NGÂN HÀNG MHB, Mekong Housing Bank, CN SÀI GÒN, TST1USR027, 02-01-2010.

Màn hình trên có các trường sau:

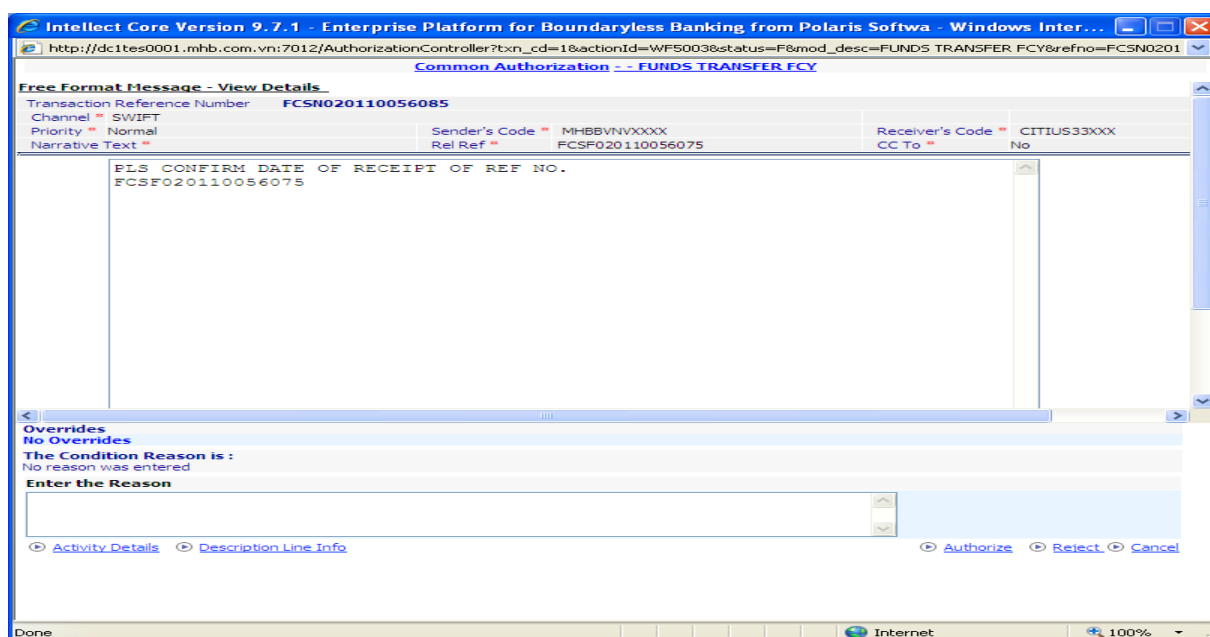
- Chanel: Phương thức gửi điện
- Priority: Mức độ ưu tiên của điện
- Message type: Loại điện tự do cần tạo. Người sử dụng sẽ chọn loại điện cần tạo từ danh sách, ví dụ: 199, 299....
- Rel Ref: Số tham chiếu liên quan
- Receiver code: Swift code của ngân hàng nhận điện
- Narrative: Nhập nội dung dưới dạng văn bản.
- More: Nhập tiếp nội dung dưới dạng văn bản. Nếu trường Narrative không đủ chỗ để nhập nội dung, người sử dụng có thể nhập tiếp ở trường này.
- Reference Number: Số tham chiếu của N99. Hệ thống sẽ tự tạo sau khi người sử dụng nhập thông tin và chọn submit.
- Show message: Xem điện trước khi chuyển giao dịch cho cấp duyệt. Tại đây có thể chọn nút **Print** để in điện



- l. Cancel: Hủy bỏ giao dịch đang thực hiện
- m. Clear: Xóa các dữ liệu vừa nhập vào màn hình
- j. Submit: Chuyển giao dịch sang cho cấp duyệt. Sau khi chọn nút Submit, hệ thống sẽ xuất thông báo giao dịch được chuyển đến cấp duyệt với số tham chiếu kèm theo.

B/Bước duyệt giao dịch

Bước duyệt điện N99, tương tự như bước duyệt của điện N91. Ở bước này người duyệt cũng chỉ xem thông tin, xem điện, in điện và không thể chỉnh sửa thông tin. Để duyệt giao dịch, chọn nút **Authorize**, để từ chối giao dịch, chọn **Reject**. Chọn nút **Cancel**, thoát khỏi màn hình duyệt và giao dịch vẫn chưa được duyệt.



2.5.1.6. Xem giao dịch (View)

Sau khi thực hiện giao dịch, người sử dụng có thể xem lại giao dịch theo đường dẫn Trans. Processing→Workflow queues→view. Màn hình sau sẽ xuất hiện

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Software - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX999900&FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

Workflow/Search

Product Processor All Transaction Type All Status* Authorized

CIF-No Search Account Type Select

Relationship Number Search A/C-No Select

Additional Filter search ID based Search

Maker ID TST1USR028 Date From 02-01-2010 Date To 02-01-2010

Currency All AmountFrom AmountTo

ReferenceNo FCSF020110056075 POS Code CN SÀI GÒN Channel ID Giao dịch tại quầy

* indicates mandatory field Search Cancel

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR028 02-01-2010 Internet 100%

Để tìm giao dịch cần xem, người sử dụng cần nhập thông tin vào các trường sau:

- Maker ID: Chọn mã người tạo giao dịch.
- Reference no: Nhập số tham chiếu giao dịch cần xem
- Status: Chọn trạng thái của giao dịch. Trường này, cần chú ý các giá trị như sau:
 - Refer for authorization: giao dịch đã được maker thực hiện và chuyển sang authorizer chờ duyệt
 - Referred for Modification: giao dịch đã được authorizer chuyển trả về maker để bổ sung thêm thông tin
 - Authorized: Giao dịch đã được duyệt
 - Rejected: Giao dịch đã bị từ chối

Khi tìm giao dịch để xem, người sử dụng cần phải xác định trạng thái hiện tại của giao dịch cần tìm để chọn giá trị trạng thái cho phù hợp. Càng nhiều thông tin đưa vào thì danh sách giao dịch cần tìm càng rút gọn.

- Submit: Chọn submit sau khi nhập thông tin ở các trường trên. Giao dịch cần tìm sẽ xuất hiện ở màn hình sau.

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=XX9999008FetchData=n

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

View - Authorized Queue

Page 1 / 1

Reference Number	Transaction Type	BaseNo/Account No/CIF NO/Card No	Channel ID	Currency	Amount	Haker ID	Haker Date	Auth ID	Auth Date
FCSF020110056075	FT0 - 103 FULL BOOKING	000004514	Branch Banking	VND	1,782,500	TST1USR028	02-01-2010 14:05:53	TST1USR027	02-01-2010 14:07:58

First Previous Next Last Cancel

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR028 02-01-2010

Done Internet 100%

Màn hình trên gồm có các thông tin: Số tham chiếu giao dịch, loại điện, tài khoản khách hàng, chi nhánh thực hiện, đơn vị tiền, số tiền giao dịch, mã người tạo, ngày giờ tạo, mã người duyệt, ngày giờ duyệt giao dịch.

Nhấp chọn số tham chiếu giao dịch, hệ thống sẽ xuất màn hình sau:

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Inter...

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/AuthorizationController?txn_cd=1&actionId=WF5003&status=A&mod_desc=FUNDS TRANSFER FCY&refno=FCSF020110056075

Authorized Queue - - FUNDS TRANSFER FCY

FCY - Outgoing Customer View Screen

Reference Number FCSF020110056075

Debit Account Details

Customer Account	000004514	Category	Doanh nghiệp
Name	TGKKH-CTY TNHH TMXD DA LOC		
Type	Cư trú	Status	Khách hàng bình thường

Credit Account Details

Transfer Currency	USD	Nostro A/c No	9112148408
-------------------	-----	---------------	------------

Beneficiary Customer Details

Ben Details	99999	Account Bank	CITIBANK N.A.
	DUNG TEST		111 WALL STREET
	123 SWALL ST		NEW YORK,NY 10043
	YN		UNITED STATES
	US		

Ordering Customer Details

Account Number & Name	000004514 CTY TNHH TMXD DA LOC	Address	281228 BINH LOI P13 QBINH THANH ,OT WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -14 , PO TP.HO CHI MINH ,VIET NAM
-----------------------	--------------------------------	---------	--

Transaction Details

Debit Amount	VND 1,782,500	Value Date	02-01-2010
Transfer Amount	USD 100.00		

Overrides

Amount Exceeds Maker Limit

The Condition Reason is : Amount Exceeds Maker Limit

Activity Details Description Line Info Cancel

Internet 100%

Tại màn hình này, người sử dụng chỉ xem thông tin của giao dịch, xem điện, in điện và không thể chỉnh sửa thông tin. Xem xong, chọn **Cancel** để đóng màn hình.

2.5.2 OUTGOING MESSAGE STATUS

Chức năng này dùng để xem trạng thái của các bức điện đã được tạo trước đó.

Để thực hiện chức năng này, người sử dụng có thể vào đường dẫn như sau:

Transaction Processing → Funds Transfer – Cross Border → Outgoing Messages → Outgoing Message Status

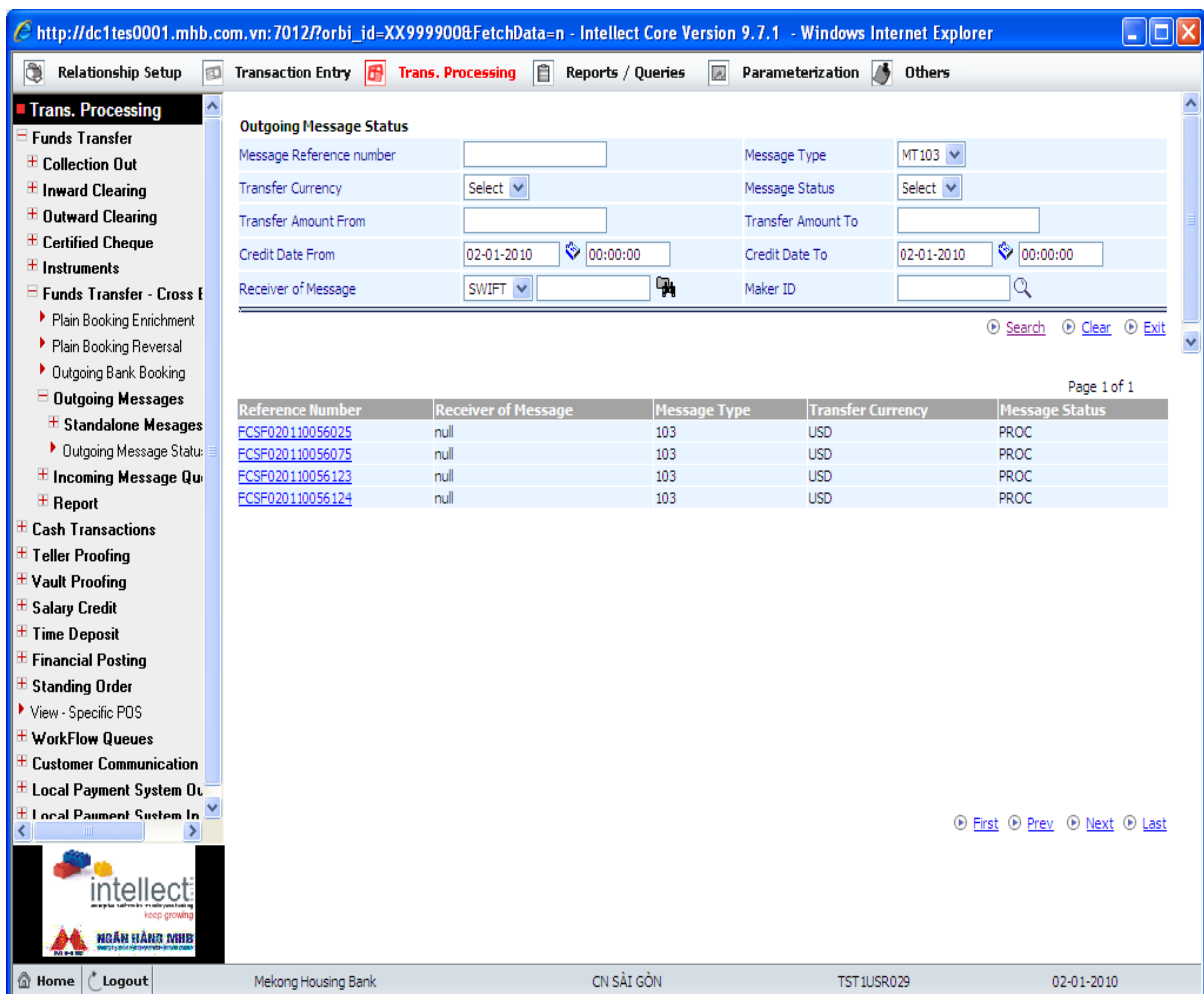
Màn hình sau xuất hiện :

- **Message Reference Number:** Số tham chiếu của giao dịch tạo ra điện cần tìm.
- **Message Type:** Loại điện cần tìm. Chọn loại điện từ danh sách
- **Transfer Currency:** Loại tiền trong điện chuyển đi. Chọn loại tiền từ danh sách
- **Message Status:** Tình trạng điện. Chọn tình trạng của điện từ danh sách.
- **Transfer Amount From:** số tiền chuyển (từ)
- **Transfer Amount To:** số tiền chuyển (đến)
- **Credit Date From:** Ngày ghi có (từ ngày). Người sử dụng có thể chọn ngày từ biểu tượng , hoặc nhập ngày theo định dạng DD/MM/YYYY.
- **Credit Date To:** Ngày ghi có (đến ngày). Người sử dụng có thể chọn ngày từ biểu tượng , hoặc nhập ngày theo định dạng DD/MM/YYYY

- **Receiver of Message:** ngân hàng nhận điện. Người sử dụng có thể nhập Swift Code của ngân hàng nhận điện hoặc có thể tìm từ biểu tượng 
- Maker ID: mã của người khởi tạo giao dịch. Có thể nhập mã của người khởi tạo giao dịch hoặc có thể tìm bằng cách nhấn vào biểu tượng 
- Các nút chức năng:
 -  **Search** : tìm kiếm giao dịch theo thông tin đã nhập
 -  **Clear** : xóa tất cả các thông tin vừa nhập
 -  **Exit** : thoát khỏi màn hình Outgoing Message Status

Sau khi đã chọn một (hoặc nhiều) tiêu chí như trên, người sử dụng chọn  **Search** để tìm điện đã tạo trong hệ thống.

Xuất hiện màn hình như sau:



Outgoing Message Status

Message Reference number: Message Type: MT103

Transfer Currency: Message Status:

Transfer Amount From: Transfer Amount To:

Credit Date From: 02-01-2010 00:00:00 Credit Date To: 02-01-2010 00:00:00

Receiver of Message: SWIFT Maker ID:

[Search](#) [Clear](#) [Exit](#)

Page 1 of 1

Reference Number	Receiver of Message	Message Type	Transfer Currency	Message Status
ECSF020110056025	null	103	USD	PROC
ECSF020110056075	null	103	USD	PROC
ECSF020110056123	null	103	USD	PROC
ECSF020110056124	null	103	USD	PROC

[First](#) [Prev](#) [Next](#) [Last](#)

intellect
NGÂN HÀNG NHỞ
HỢP TÁC

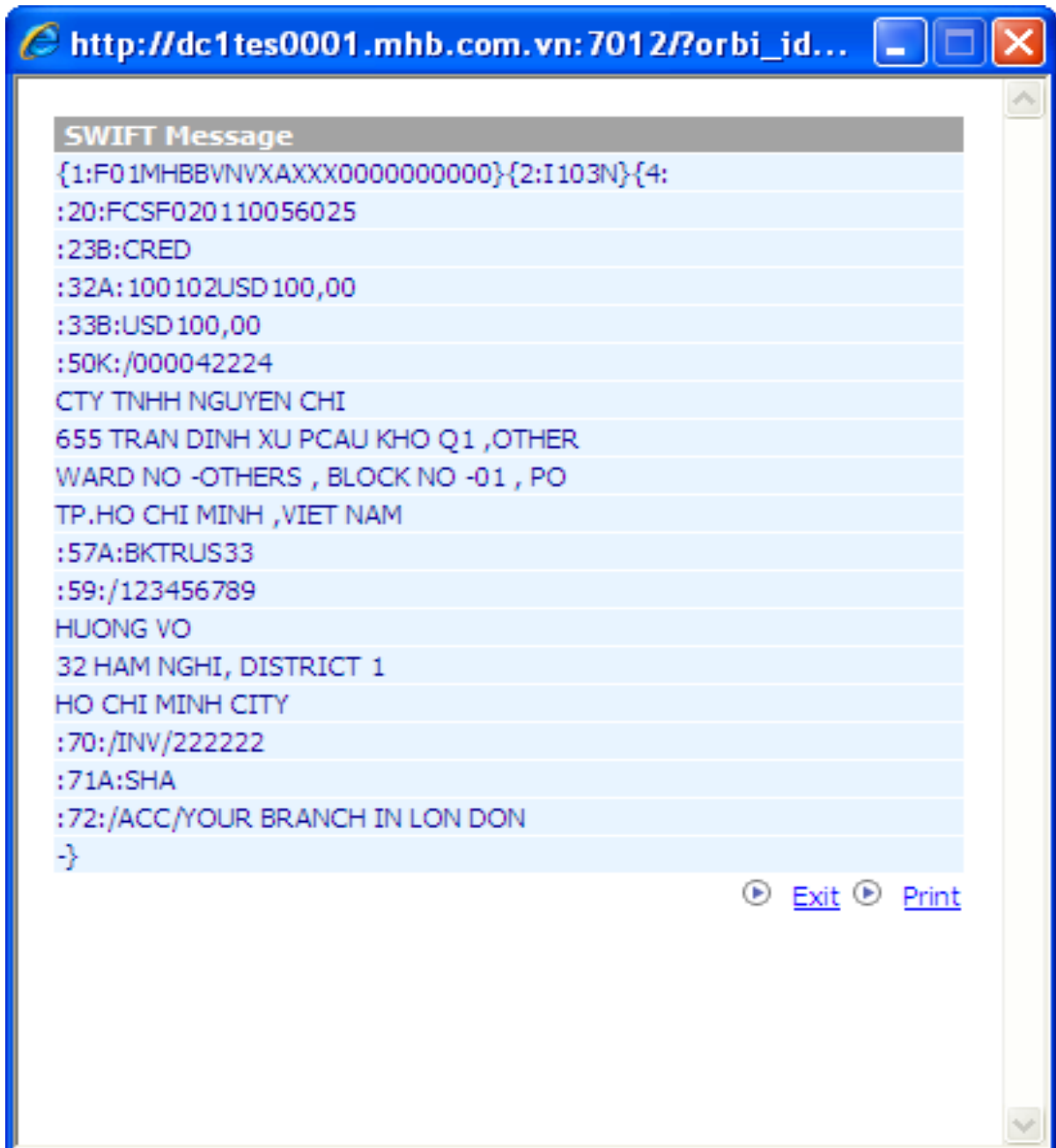
Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR029 02-01-2010

Màn hình trên sẽ liệt kê tất cả các giao dịch theo tiêu chí đã chọn.

Nếu có nhiều điện, người sử dụng có thể tìm điện theo các trang khác nhau theo các đường dẫn sau:

- First: Trang đầu tiên
- Previous: Trang trước đó
- Next: Trang tiếp theo
- Last: Trang cuối cùng

Để xem điện, người sử dụng sẽ nhấn chọn vào số tham chiếu, điện cần tìm xuất hiện như sau:



Người sử dụng có thể thoát khỏi điện này nếu nhấn vào [Exit](#) hoặc có thể in điện ra nếu nhấn vào

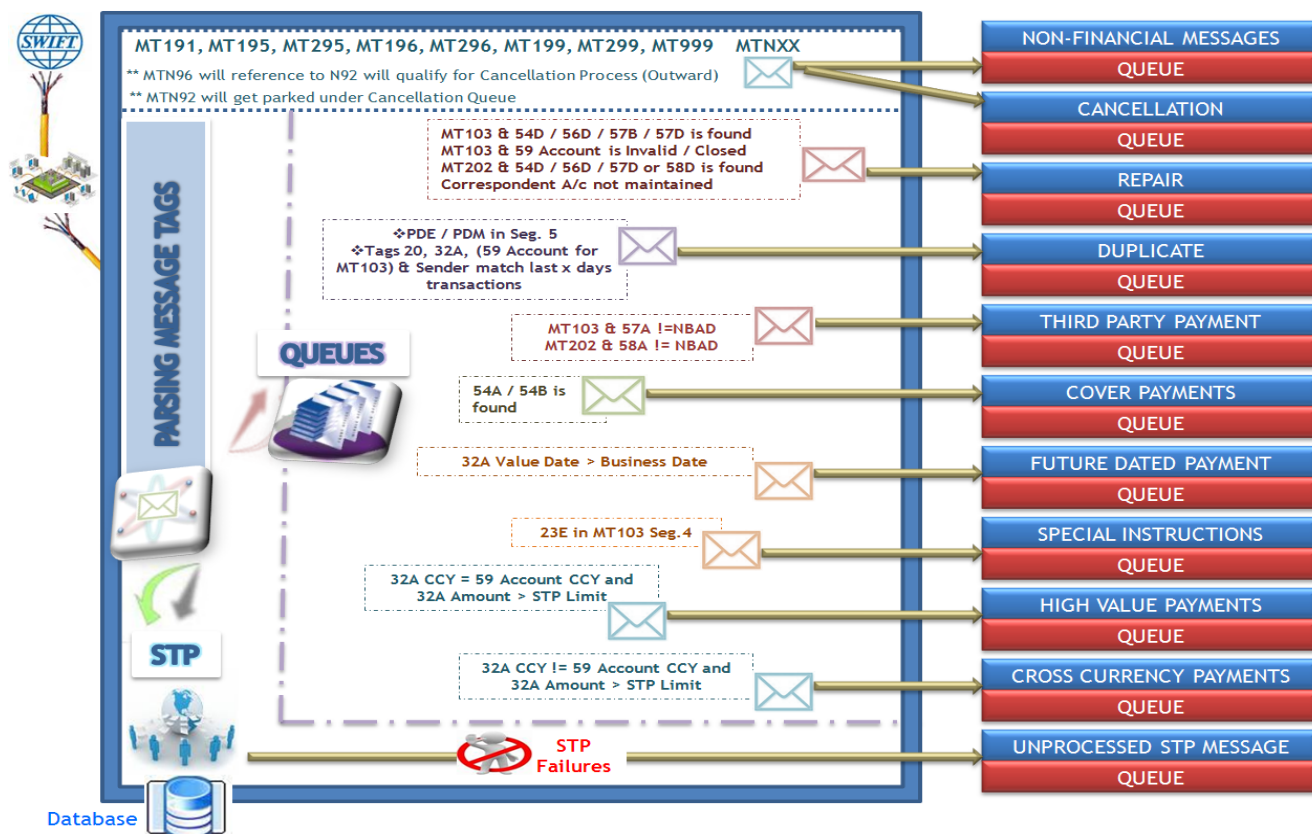
[Print](#)

2.6. INCOMING MESSAGE QUEUES

2.6.1. INCOMING PROCESS QUEUE

Tất cả các điện đến sẽ được xử lý khi được nhận diện trên giao diện của hệ thống.

Hệ thống xử lý điện đến có thể được hình dung như sau:



STP Engine sẽ nhận dạng loại điện, phân tích cú pháp và từ đó sẽ vào các hàng chờ thích hợp.

2.6.1.1. HÀNG CHỜ ĐIỆN KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN BÚT TOÁN (NON-FINANCIAL MESSAGES QUEUE)

Yêu cầu:

Tất cả các điện chuyển đến Ngân hàng MHB mà không liên quan đến bút toán Nợ/&Có (MTn91, MTn95, MTn96 & MTn99) sẽ phải vào hàng **Non-Financial Messages Queue**

Giải pháp:

Nếu điện đến là một trong những loại sau đây: MTn91, MTn95, MTn96 & MTn99, thì điện đó sẽ vào hàng **Non-Financial Messages Queue**

Những loại điện này sẽ không thông qua bước phân tích cú pháp nào cả.

Ngoài Non-Financial Messages Queue, người sử dụng cũng có thể xem những điện này tại màn hình View. Nếu không có thực hiện gì thêm thì trạng thái của điện đến sẽ là 'No Action Pending'. Điện này sẽ trải qua hai bước trong quá trình xử lý: người thực hiện giao dịch sau đó chuyển giao dịch đến người duyệt, và sau cùng là giao dịch được duyệt thành công.

2.6.1.2. CANCELLATION QUEUE

Yêu cầu:

Các điện đến (MTn92) với nội dung hủy điện trước đó thì sẽ phải vào hàng **Cancellation Queue**.

Giải pháp:

Các MTn92 sau khi phân tích cú pháp sẽ vào hàng **Cancellation Queue**.

Sau khi mở giao dịch từ hàng chờ này, người thực hiện giao dịch có quyền chọn lệnh Hủy hoặc từ chối lệnh Hủy này dựa vào từng giao dịch cụ thể. Màn hình thực hiện điện Hủy sẽ hiển thị điện gốc cần hủy được đề cập trong điện này. Ngoài ra, hệ thống còn có chức năng cho phép xem trước điện Swift trên cùng màn hình.

Ngoài những thông tin này, hệ thống bắt buộc người thực hiện giao dịch nhập chi tiết để tạo điện xác nhận (N96) chấp nhận hay từ chối điện Hủy.

Khi chấp nhận hủy thì ghi Nợ lại tài khoản khách hàng nếu điện trước đó đã được xử lý tại hàng STP. Trong trường hợp điện gốc đến đã ở hàng nào trước đó thì lúc này điện sẽ mất khỏi hàng đó.

Khi từ chối hủy thì sẽ không ảnh hưởng gì đến điện gốc.

2.6.1.3. REPAIR QUEUE

Yêu cầu:

Repair queue là hàng chờ của các điện đến sai tài khoản của người thụ hưởng.

Giải pháp:

Các điện đến không rơi vào các hàng chờ giải thích từ 2.6.1.1. đến 2.6.1.8. thì sẽ vào hàng **Repair Queue**.

Các điện 103 đến không thỏa mãn tiêu chuẩn vào hàng STP bởi vì:

- Tài khoản người thụ hưởng không đúng – Trường 59 bị thiếu hoặc sai
- Trường 54D/56D/57B/57D hiện diện

Và điện 202 là do có trường 54D/56D/57D/58D.

Tất cả các trường hợp thiếu trường, thông tin sai, thiếu thông số (tài khoản Nostro không được cài sẵn), tài khoản sai được đề cập ở trường 54A/54B/53A/53B của MT103 hoặc 58A của MT202 sẽ vào hàng repair queue.

Người thực hiện giao dịch sẽ có hai sự lựa chọn: hoặc là xác nhận tài khoản đúng và xử lý tiếp giao dịch hoặc gửi MTn95 để truy vấn thông tin cần thiết. Khi thực hiện giao dịch ở hàng chờ này bắt buộc phải điền thông tin vào phần Lý do (Reason).

Khi sửa thông tin để trở thành điện đúng thì điện sẽ vào hàng chờ STP hoặc các hàng thích hợp khác. Và điện có thêm phần ghi chú tại hàng chờ mới.

2.6.1.4. DUPLICATE QUEUE

Yêu cầu:

Bất cứ điện SWIFT nào được gửi đến Ngân hàng MHB mà thỏa mãn các tiêu chí sau thì sẽ phải vào hàng **Duplicate Queue**.

- a. Điện có chứa PDE và PDM (khi điện đến Swift thì hệ thống sẽ nhận diện nếu trùng khớp hoàn toàn với một điện trước đó thì điện này sẽ được code PDE và PDM).

- b. Số tham chiếu ở trường 20 + Người gửi + số tiền + Số tài khoản của người thụ hưởng giống với điện Swift của điện trong vòng 03 ngày trước

Giải pháp:

Sau khi phân tích cú pháp đuôi điện, Nếu điện có chứa PDE/PDM, thì bức điện đó sẽ được đẩy vào **Duplicate Queue**.

Ngoài ra, các quy tắc sau đây sẽ được áp dụng thêm cho:

MT103 : Trường 20, 32A (Loại tiền và số tiền) , 59 và người gửi.

MT202 : Trường 20, 32A (Loại tiền và số tiền) và người gửi.

Hệ thống sẽ kiểm tra giá trị trên khi nhận được một bức điện tương tự như các bức điện đã nhận trong vòng “x” ngày trước. Nếu tìm thấy một hoặc nhiều số tham chiếu giống nhau, thì bức điện đó sẽ được đẩy vào **Duplicate Queue**. Người sử dụng có thể xem được các số tham chiếu trùng nhau cũng như các chi tiết liên quan đến các bức điện có số tham chiếu trùng nhau này bằng cách nhấp chuột vào một đường link trên màn hình xử lý các điện trùng lặp.

Nếu trùng lặp xảy ra cho MT103 và MT202, hệ thống sẽ xử lý theo các quy tắc được nêu trên. Tuy nhiên, khi điện Swift có chứa PDE / PDM thì điện đó sẽ được đẩy vào Duplicate Messages Queue mà không cần kiểm tra các quy tắc trên.

Tuy nhiên, màn hình xử lý sẽ hoặc là xử lý điện hoặc đánh dấu nó như là điện trùng lặp để điện đó sẽ không được xử lý tiếp.

2.6.1.5. THIRD PARTY PAYMENT QUEUE

Yêu cầu:

Bất cứ giao dịch nào nhận được mà trường 57A (Ngân hàng người thụ hưởng có tài khoản tại) không phải là Ngân hàng MHB thì giao dịch sẽ phải vào hàng **Third Party Payment**. Và dựa trên giao dịch này, Ngân hàng MHB có thể tạo điện 103 hoặc 202 để chuyển tiếp đến Ngân hàng khác.

Giải pháp:

Khi điện đến có trường 57A không giống giá trị đã mặc định trong hệ thống thì điện sẽ vào hàng **Third Party Payment**.

Hàng Third Party Payment → Màn hình thực hiện giao dịch sẽ có link cho phép người sử dụng tạo tiếp MT103/MT202 để chuyển đến Ngân hàng thứ ba.

Trong mọi trường hợp, khi tạo tiếp điện 103 hay 202 thì sẽ tạo điện theo phương án tốt nhất để chuyển tiếp điện theo thông tin của điện gốc nhận đến. Điện sẽ được gửi đến Ngân hàng theo các mức độ ưu tiên sau đây:

MT103 → Ngân hàng ở trường 56 / trường 57

MT202 → hàng ở trường 56 / trường 57 / trường 58

Đối với điện 103 đến ở hàng chờ này thì thu phí theo biểu phí của MHB, đối với điện 202 thì phải ghi có đầy đủ cho Ngân hàng thứ ba và thu phí ngoài.

2.6.1.6. COVER PAYMENTS QUEUE

Giải pháp:

Nếu điện đến có trường 54A/B (Ngân hàng đại lý của Ngân hàng nhận) thì đó là điện 103 đến theo phương thức Cover (nghĩa là nhận điện 103 từ Ngân hàng người gửi chứ không phải Ngân hàng Nostro của MHB). Vì vậy, nếu điện đến thỏa mãn điều kiện của hàng chờ STP mà có thêm trường 54A/B thì cũng không vào hàng STP mà là vào hàng **Cover Payments Queue**.

2.6.1.7. FUTURE VALUE DATED PAYMENTS QUEUE**Yêu cầu:**

Nếu điện nhận đến thể hiện ngày giá trị là một ngày nào đó trong tương lai thì sẽ phải vào hàng **Future Value Dated Payments Queue**.

Giải pháp:

Nếu trường 32A của điện nhận đến thể hiện ngày giá trị sau ngày giao dịch thì điện sẽ vào hàng **Future Value Dated Payments Queue**. Thậm chí nếu điện đến thỏa mãn tiêu chuẩn của các hàng khác nhưng có ngày giá trị là một ngày trong tương lai thì cũng phải vào hàng này.

Ví dụ,

Nếu điện có trường 23E thì sẽ vào hàng Special Instructions Queue

Nếu điện có trường 32A lớn hơn số tiền quy định (có thể quy đổi tương đương sang VND) thì điện sẽ vào hàng High Value LCY Payments Queue

Nhưng nếu giá trị ngày tại trường 32 A không thỏa mãn nguyên tắc nói trên thì điện sẽ vào hàng Future value dated Payments Queue, đến ngày giá trị thì điện sẽ vào hàng thích hợp.

Tuy nhiên, tất cả các điện nhận có ngày giá trị trước ngày nhận thì sẽ xem ngày thực hiện giao dịch là ngày giá trị của điện.

2.6.1.8. SPECIAL INSTRUCTIONS QUEUE**Yêu cầu:**

Nếu MT103 nhận đến có trường 23E (chỉ thị đặc biệt) thì điện này sẽ phải vào hàng **Special Instruction Queue**. Mục đích: yêu cầu người thực hiện chú ý đến chỉ thị đặc biệt đề cập trong điện.

Giải pháp:

Nếu trường 23E hiện diện trong điện nhận đến thì điện sẽ vào hàng **Special Instruction Queue**. Dựa trên chỉ thị đặc biệt đề cập trên điện, người thực hiện giao dịch phải xử lý thông tin này một cách phù hợp ngoài hệ thống.

Chi tiết chỉ thị đặc biệt sẽ hiển thị trên màn hình của điện trong hàng Special Instructions Queue

2.6.1.9. CROSS CURRENCY PAYMENTS QUEUE**Yêu cầu:**

Bất cứ điện đến nào mà đơn vị tiền nhận được khác so với tài khoản khách hàng và giá trị của giao dịch lớn hơn mức quy định của ngân hàng (quy định cụ thể theo từng thời kỳ) sẽ phải vào hàng **Cross Currency Payments Queue** và tại hàng chờ này TTV phải liên hệ lấy tỷ giá từ phòng nguồn vốn để quy đổi, thay vì lấy tỷ giá có sẵn trên hệ thống.

Giải pháp:

Tất cả điện đến có

- Đơn vị tiền của tài khoản người thụ hưởng khác với đơn vị tiền chuyển đến

- Số tiền chuyển đến lớn hơn giá trị qui định trong qui trình thực hiện giao dịch thì sẽ rơi vào hàng **Cross Currency Payments Queue**.

Tại màn hình giao dịch, người thực hiện phải nhập tỷ giá vào để hệ thống có thể ghi có vào tài khoản người thụ hưởng.

Nguyên tắc thực hiện điện tại hàng Cross Currency Payment: khi mở màn hình giao dịch thì sẽ có các link hướng dẫn thực hiện các bước thích hợp.

Nếu số tiền chuyển đến nằm trong qui định thì giao dịch sẽ vào hàng chờ thích hợp.

2.6.1.10. STP QUEUE

Yêu cầu:

Điện đến không vào bất cứ hàng chờ nào đã giải thích thì sẽ vào hàng STP

Giải pháp:

Khi điện đến không thuộc nguyên tắc nào của các hàng chờ đã nêu ở trên thì sẽ vào hàng **Straight Through Processing (STP)**.

Dưới đây là các nguyên tắc áp dụng khi thực hiện giao dịch trong hàng STP:

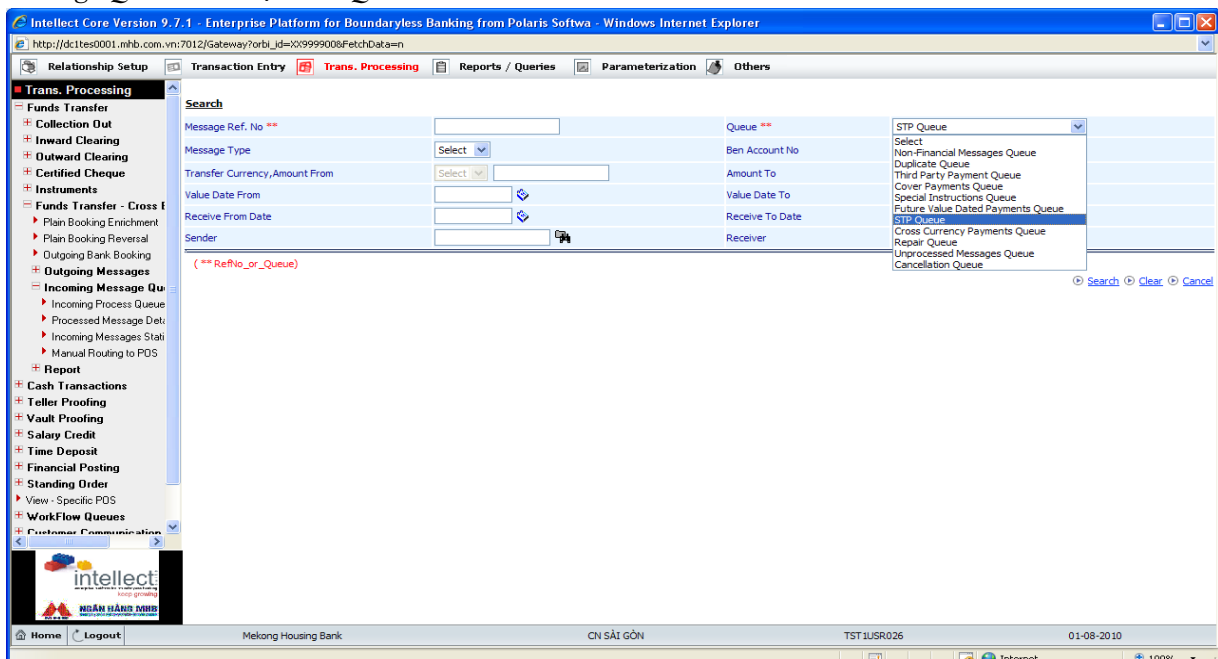
- Phí được áp dụng theo biểu phí cài đặt trong Intellect.
- Nếu đơn vị tiền của tài khoản người thụ hưởng khác với đơn vị tiền ở trường 32A thì sẽ áp dụng tỷ giá trong Intellect để chuyển đổi.
- Bút toán sẽ được hạch toán như sau:

Ghi Nợ tài khoản Nostro của Ngân hàng chuyển

Ghi Có tài khoản Người thụ hưởng

Các bước xử lý một điện đến được thực hiện như sau:

- Bước 1: *Transaction Processing* → *Funds Transfer* → *Funds Transfer Cross Border* → *Incoming Message Queue* → Chọn *STP Queue* từ danh sách



Nhập chọn [Search](#) thì màn hình sau đây sẽ hiển thị

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

Search

Message Ref. No. ** Queue ** STP Queue

Message Type Select Ben Account No

Transfer Currency, Amount From Select Amount To

Value Date From Value Date To

Receive From Date Receive To Date

Sender Receiver

(** RefNo_or_Queue)

Search Clear Cancel

No. of Records : 20

Message Ref. No	Message Type	Transfer Currency	Transfer Amount	Ben Account No	Sender	Receiver	Queue
USD2009100410014	MT103	USD	1,000.00	000000338	CITIBUS33XX0	MHBBVNX132	STP Queue
USD2009100410015	MT103	USD	1,000.00	000000338	CITIBUS33XX0	MHBBVNX132	STP Queue
USD2009100410016	MT103	USD	1,000.00	000000338	CITIBUS33XX0	MHBBVNX132	STP Queue
USD2009100410017	MT103	USD	1,000.00	000000338	CITIBUS33XX0	MHBBVNX132	STP Queue
USD2009100410018	MT103	USD	1,000.00	000000338	CITIBUS33XX0	MHBBVNX132	STP Queue
USD2009100410019	MT103	USD	1,000.00	000000338	CITIBUS33XX0	MHBBVNX132	STP Queue
USD2009100410021	MT103	USD	1,000.00	000000338	CITIBUS33XX0	MHBBVNX132	STP Queue
USD2009100410022	MT103	USD	1,000.00	000000338	CITIBUS33XX0	MHBBVNX132	STP Queue
USD2009100410023	MT103	USD	1,000.00	000000338	CITIBUS33XX0	MHBBVNX132	STP Queue

Page : 1 of 2

First Previous Next Last Exit

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR026 01-08-2010

Từ hàng chờ, người thực hiện chọn lần lượt từng giao dịch để xử lý. Để mở giao dịch, ta chọn vào link *Số tham chiếu* của giao dịch, lúc này màn hình giao dịch sẽ hiển thị như sau:

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Internet Explorer

Relationship Setup Transaction Entry **Trans. Processing** Reports / Queries Parameterization Others

Processing - STP of Customer Transfers

Reference Number FCSF010310058463 STP Queue

Message Type MT103 Message Ref No. USD2009100410014

Credit Account Details

Credit Account 000000338 Name HA THI DUNG

Debit Account Details

Nostro Account 9112088403

Transaction Details

Transaction Amount USD 1,000.00 Debit Date 01-03-2010

Credit Amount USD 1,000.00 Credit Date 01-03-2010

Other Details

Conversion Rate 1

Charges 0 Swift Charge BEN

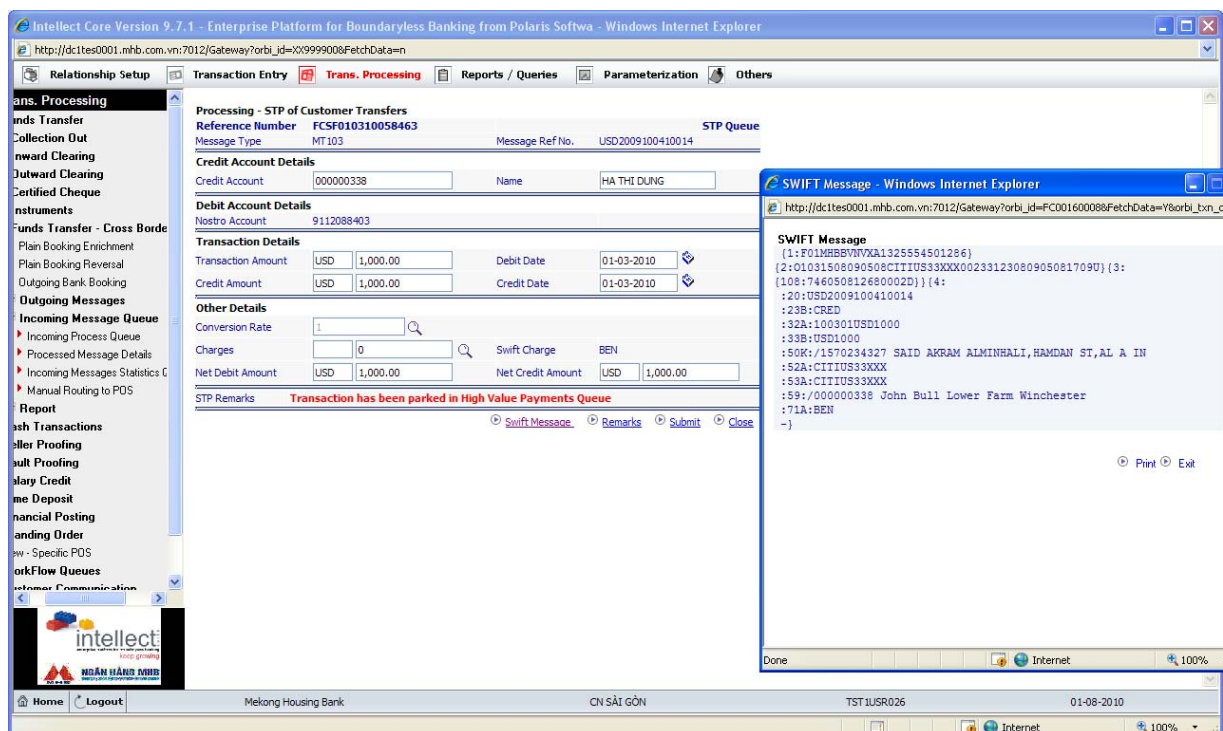
Net Debit Amount USD 1,000.00 Net Credit Amount USD 1,000.00

STP Remarks Transaction has been parked in High Value Payments Queue

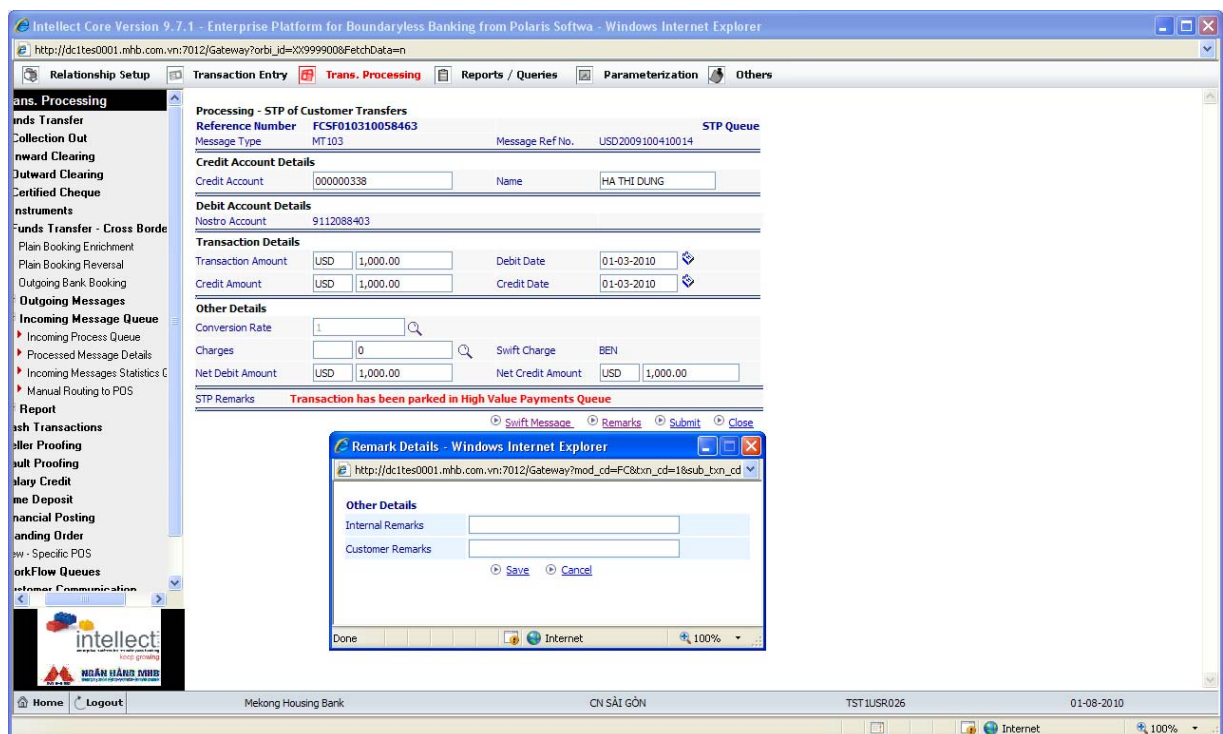
Swift Message Remarks Submit Close

Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR026 01-08-2010

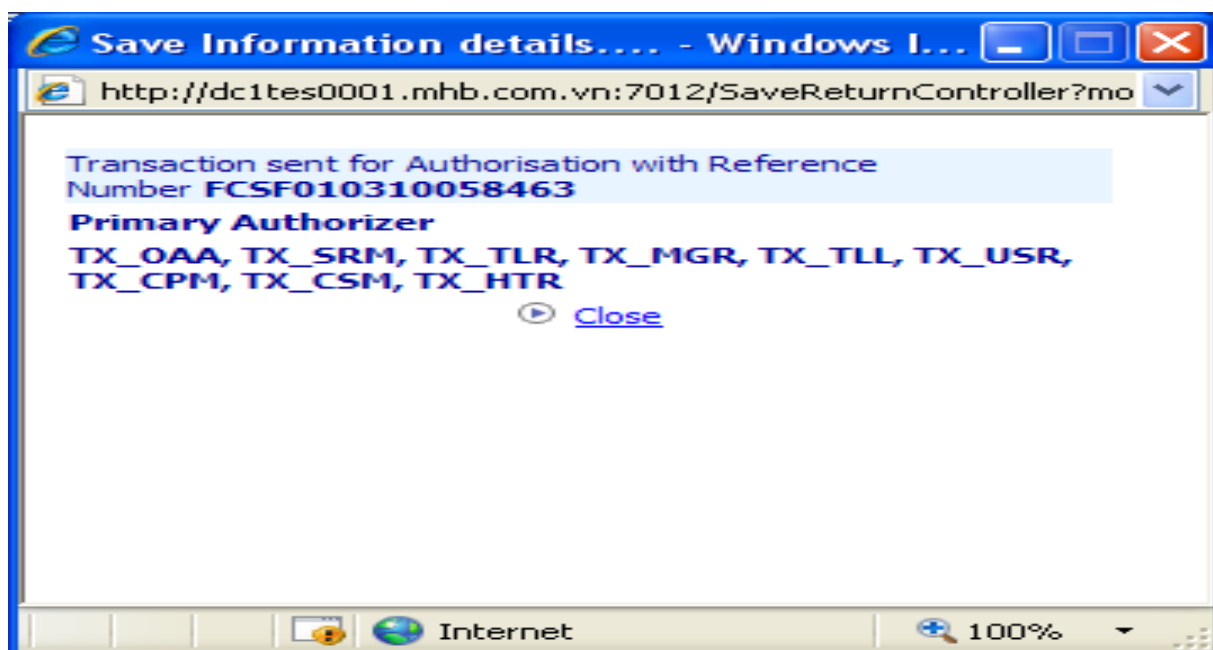
Nhập chọn [Swift Message](#) thì điện đến sẽ hiển thị ngay trên cùng màn hình để cho phép người thực hiện giao dịch đối chiếu giữa màn hình Intellect và điện Swift. Màn hình và điện hiển thị như sau:



Nếu muốn ghi chú thông tin gì cho người duyệt thì Nhấp chọn **Remarks** và *điền thông tin theo hiển thị sau*



Để lưu thông tin vừa nhập, chọn **Save** và ngược lại thì chọn **Cancel**. Sau khi đối chiếu và kiểm tra xong thông tin giữa màn hình và điện Swift, người thực hiện Nhấp chọn **Submit** để chuyển giao dịch đến bước thứ hai là duyệt. Một giao dịch được chuyển thành công khi có thông báo sau:



- Bước 2: *Transaction Processing* → *WorkFlow Queues* → *Authorization Queue*
 Sau đây là màn hình hiển thị tất cả các giao dịch đang chờ duyệt:

Primary Queue

Reference Number	Transaction Type	Basello/Account No/CIF NO/Card No	Channel ID	Currency	Amount	Maker ID	Maker Date
IDSFO10810063957	TIDE BOOKING	022464	Branch Banking	VND	10,000,000	TST1USR050	01-08-2010 09:01:14
00000000000043022	ACCOUNT OPENING	430188	Branch Banking	VND		TST1USR058	01-08-2010 09:15:22
00000000000043023	ACCOUNT OPENING	430191	Branch Banking	VND		TST1USR059	01-08-2010 09:16:20
00000000000043024	ACCOUNT OPENING	430201	Branch Banking	VND		TST1USR059	01-08-2010 09:22:48
CLMV010810063958	CLS SINGLESTEP LINE CREATION	0000002503	Branch Banking	VND	500,000,000	TST1USR058	01-08-2010 10:02:15
00000000000043030	ACCOUNT OPENING	430269	Branch Banking	VND		TST1USR058	01-08-2010 10:02:49
00000000000043032	ACCOUNT OPENING	430285	Branch Banking	VND		TST1USR058	01-08-2010 10:27:39
2090000000000830	RETAIL LOAN BOOKING	20900000000830	Branch Banking	VND	70,000,000	TST1USR032	01-08-2010 11:36:09
00000000000043036	ACCOUNT OPENING	430324	Branch Banking	VND		TST1USR059	01-08-2010 16:13:45
FCSFO10310058463	FTI - 103 STP	000000338	Branch Banking	USD	1,000.00	TST1USR026	01-08-2010 17:03:29

Secondary Queue

Reference Number	Transaction Type	Basello/Account No/CIF NO/Card No	Channel ID	Currency	Amount	Maker ID	Maker Date
No Records found for the search criteria							

Navigation: [First](#) [Previous](#) [Next](#) [Last](#) [Search Option](#) [Cancel](#)

Footer: Home Logout Mekong Housing Bank CN SÀI GÒN TST1USR025 01-08-2010

Chọn đúng giao dịch cần duyệt bằng cách Nhấp vào số tham chiếu của giao dịch (nếu quá nhiều giao dịch thì có thể tìm giao dịch cần duyệt bằng cách Nhấp chọn [Search Option](#))
 Giao dịch tại màn hình duyệt sẽ hiển thị như sau:

Intellect Core Version 9.7.1 - Enterprise Platform for Boundaryless Banking from Polaris Softwa - Windows Inter...

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/AuthorizationController?txn_cd=1&actionId=WF5003&status=MRA&mod_desc=FCY IN CUSTOMER STP&refno=FCSF010310058463

Common Authorization - - FCY IN CUSTOMER STP

FT In - View

Message Type 103 **Reference Number** FCSF010310058463
Message Ref No. USD2009100410014

Credit Account Details

Customer Account	000000338	Type	Cá nhân
Name	HA THI DUNG	Status	Bình thường

Debit Account Details

Transfer Currency	USD	Nostro Account No	9112088403
-------------------	-----	-------------------	------------

Transaction Details

Credit Amount	USD 1,000.00	Value Date	01-03-2010
Transfer Amount	USD 1,000.00	Charge Type	BEN

Other Details

Maker Id/Maker Dt	TST1USR026/ 01-08-2010	Auth Id/Auth Dt	Unauthorised
-------------------	------------------------	-----------------	--------------

[Transaction Details](#)
[Conversion Details](#)
[Charge Details](#)
[Swift Message](#)

Overrides

Amount Exceeds Maker Limit

The Condition Reason is :

No reason was entered

Enter the Reason

[Activity Details](#)
[Description Line Info](#)
[Txn Details](#)
[Authorize](#)
[Reject](#)
[Cancel](#)

Xem chi tiết bút toán (Nợ/Có)

Transaction Details - Windows Internet Explorer

http://dc1tes0001.mhb.com.vn:7012/Gateway?orbi_id=PC66100000&rq_flag=Y&FetchData=Y&trn_ref_no=FCSF010310058463

Transaction Details

Serial No	Transaction Description	Account Type	A/c No.	Account Name	A/C POS	Currency	Dr/Cr	Amount	Lcy Amt	Maker Date
1	FC_STP	XXXXXX	9112088403	Tiền, vàng gửi không kỳ hạn tại các TCTD ở nước ngoài 09	CN SÀI GÒN	USD	Debit	1,000.00	17,825,000	01-08-2010 00:00:
2	FC_STP	NON TERM SAVING DOMESTIC INDIVIDLS	000000338	HA THI DUNG	PGD Quận 7	USD	Credit	1,000.00	17,825,000	01-08-2010 00:00:

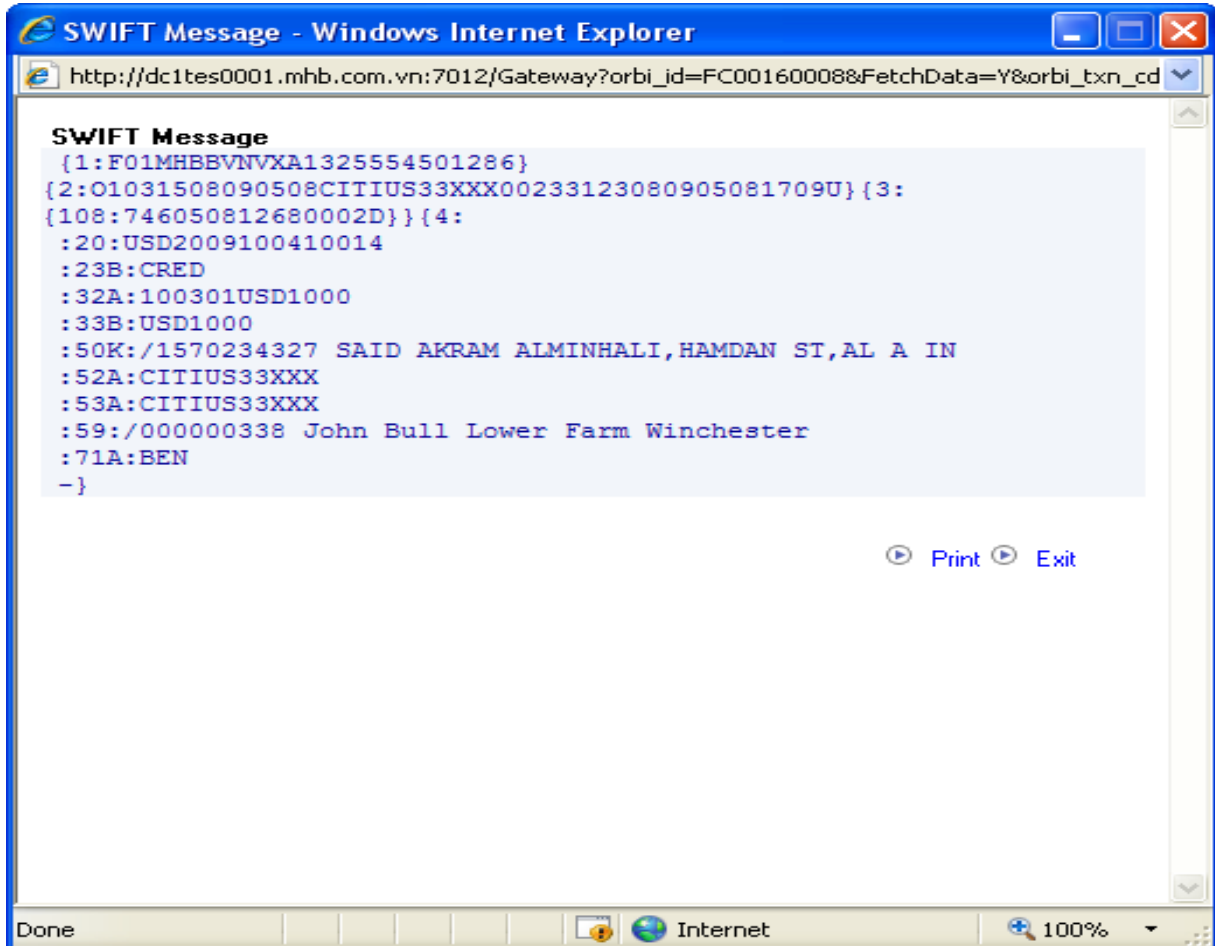
[Print](#)

[Charge Details](#)

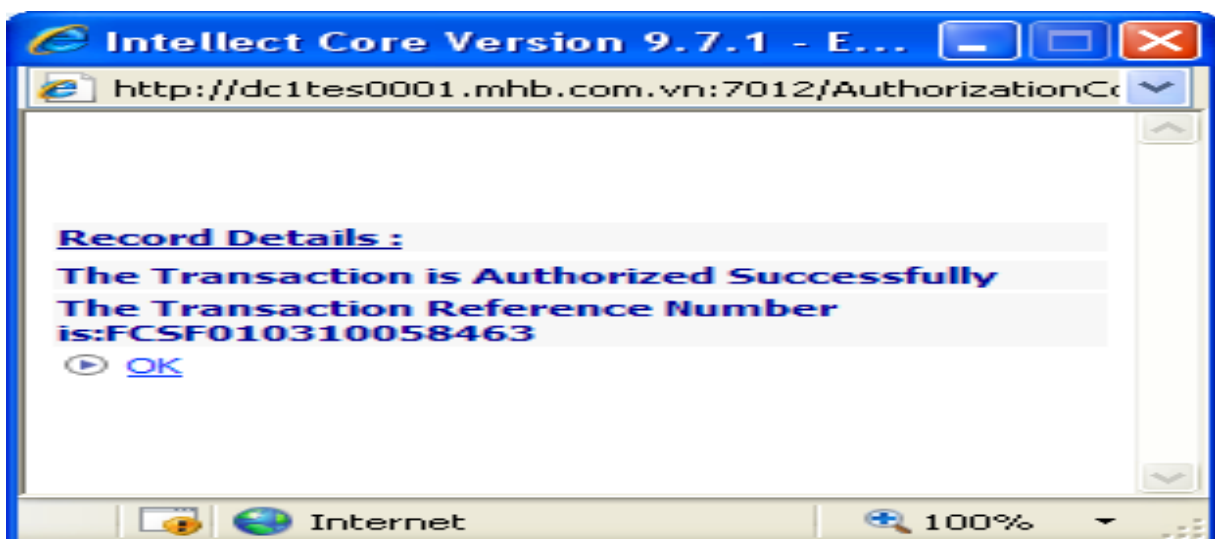
thông tin về phí thu từ khách hàng đối với giao dịch đang thực hiện

[Swift Message](#)

điện đến gốc



Sau khi kiểm tra xong các thông tin cần thiết như số tiền, đơn vị tiền, tài khoản người thụ hưởng, ... và phí, nếu đồng ý duyệt giao dịch thì chọn [Authorize](#), màn hình duyệt thành công hiển thị như sau



► [Reject](#) chỉ được chọn khi nhận điện yêu cầu hủy từ Ngân hàng nước ngoài.

► [Cancel](#) được chọn khi người duyệt muốn thoát khỏi màn hình hiện tại

2.6.1.11. UNPROCESSED MESSAGES QUEUE

Yêu cầu:

Vì một lý do gì mà điện không xử lý được tại hàng STP thì sẽ phải vào hàng **Unprocessed Messages Queue**.

Giải pháp:

Các điện không xử lý được tại hàng chờ STP vì các lý do như

- Tài khoản không hoạt động, tài khoản không có chức năng ghi có, tài khoản bị phong tỏa
- Không duy trì tài khoản nostro cho loại tiền tệ thực hiện giao dịch.

thì sẽ vào hàng **Unprocessed Messages Queue**. Tùy vào từng trường hợp cụ thể mà người thực hiện giao dịch sẽ có hướng xử lý phù hợp.

2.6.2. PROCESSED MESSAGE DETAILS

Đây là nơi dùng để truy vấn tất cả các điện đến đã được xử lý. Các tiêu chí chính dùng để truy vấn các điện đó bao gồm:

- Số tham chiếu
- Hàng chờ điện đã đến và được xử lý
- Loại điện
- Số tiền và đơn vị tiền
- Ngày giá trị
- Ngày nhận
- Swift Code của Ngân hàng gửi và Ngân hàng nhận

2.6.3. INCOMING MESSAGES STATISTICS

Yêu cầu:

Hàng này sẽ phải phản ánh số lượng giao dịch chưa được xử lý của từng hàng chờ điện đến theo từng thời điểm. Ngoài ra, nó còn hiển thị số lượng giao dịch STP đã được xử lý trong ngày đến thời điểm hiện tại.

Giải pháp:

Hàng này sẽ phản ánh số lượng giao dịch chưa được xử lý tại mỗi hàng chờ điện đến tại mỗi thời điểm theo mẫu dưới đây:

Queue	Message Type	No. of Transactions
Non-Financial Messages Queue	MT191	X
	MT195	X
	MT295	X
	MT196	X
	MT296	X
	MT199	X
	MT299	X
	MT199	X
	MT199	X
Duplicate Queue	MT103	X
	MT202	X

Future Value Dated Payment Queue	MT103	X
	MT202	X
Third Party Payment Queue	MT103	X
	MT202	X
Special Instructions Queue	MT103	X
	MT202	X
High Value Payments Queue	MT103	X
	MT202	X
Cross Currency Payments Queue	MT103	X
	MT202	X
Repair Queue	MT103	X
	MT202	X
Cancellation Queue	MT192	X
	MT292	X
Unprocessed STP Messages Queue	MT103	X
	MT202	X

2.6.4. MANUAL ROUTING TO POS

Hiện nay các chi nhánh thực hiện nghiệp vụ Thanh Toán Quốc Tế trong hệ thống sẽ được cấp BIC11 (Swift Code 11 ký tự). Nếu Ngân hàng nước ngoài gửi điện đến dưới BIC11 thì điện sẽ về thẳng chi nhánh tương ứng. Nếu Ngân hàng nước ngoài gửi điện đến dưới BIC8 (MHBBVNVX) thì điện sẽ vào hàng này, Chi nhánh cấp 1 sẽ mở giao dịch và căn cứ vào nội dung của điện và chọn POS CODE (mã chi nhánh) thích hợp để chuyển điện về chi nhánh đó.

2.7 REPORT – FT ONLINE INQUIRY

Chức năng này dùng để xem lại các điện đã chuyển đi theo từng ngày hoặc trong một khoảng thời gian. Người sử dụng vào chức năng này như sau:

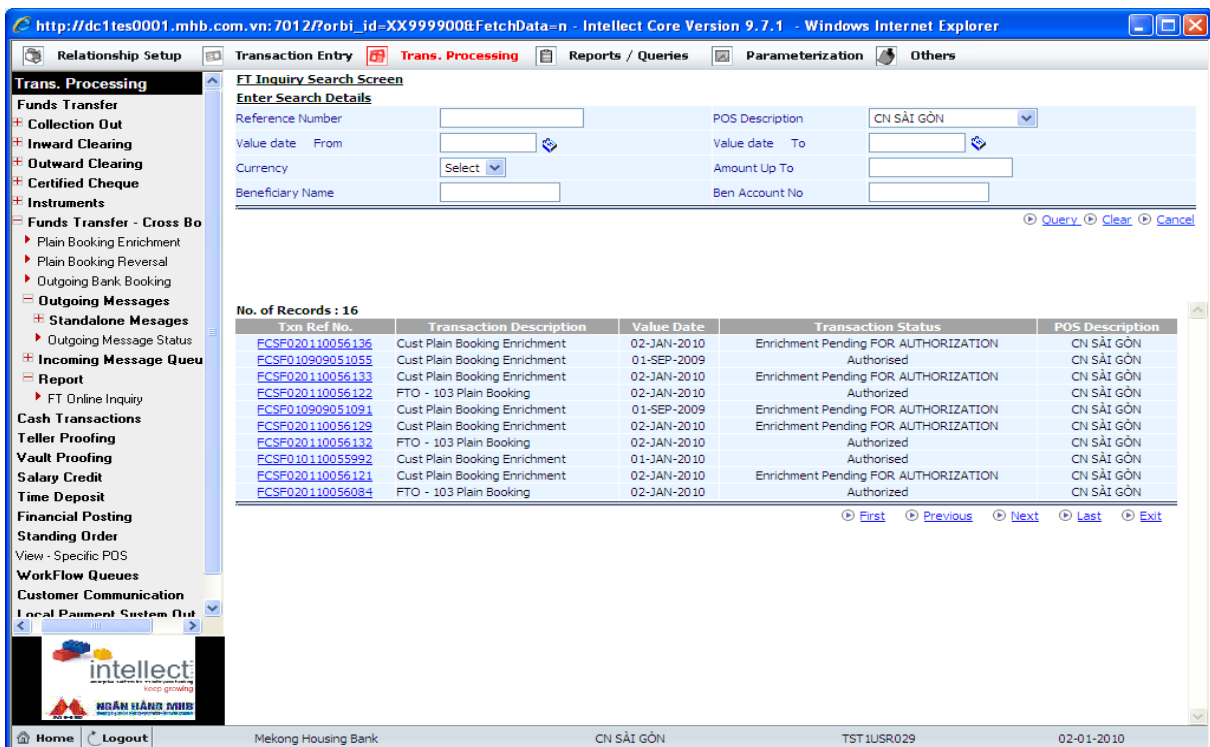
Transaction Processing → Funds Transfer – Cross Border → Report → FT Online Inquiry

- **Reference Number:** Nhập số tham chiếu của giao dịch cần xử lý
- **POS Description:** Tên chi nhánh/ phòng giao dịch thực hiện giao dịch. Người sử dụng có thể chọn tên chi nhánh hoặc phòng giao dịch từ danh sách
- **Value date From:** (ngày giá trị) từ ngày. Người sử dụng có thể chọn ngày từ biểu tượng , hoặc nhập ngày theo định dạng DD/MM/YYYY
- **Value date To:** (ngày giá trị) đến ngày. Người sử dụng có thể chọn ngày từ biểu tượng , hoặc nhập ngày theo định dạng DD/MM/YYYY
- **Currency:** Loại tiền tệ của giao dịch được chọn từ danh sách các loại tiền tệ
- **Amount Up to:** Số tiền tối đa
- **Beneficiary Name:** nhập tên của người thụ hưởng
- **Ben. Account Number:** nhập số tài khoản của người thụ hưởng

Các nút chức năng:

-  **Query** : Tìm các giao dịch có các thông tin vừa nhập ở trên
-  **Clear** : Xóa tất cả các thông tin vừa nhập vào
-  **Cancel** : Thoát khỏi màn hình tìm giao dịch để hoàn trả.

Sau khi nhập thông cho một trong các tiêu chí trên, nhấn chọn  **Query** , màn hình sau xuất hiện:



FT Inquiry Search Screen

Enter Search Details

Reference Number: POS Description: CN SÀI GÒN

Value date From: To:

Currency: Amount Up To:

Beneficiary Name: Ben Account No:

[Query](#) [Clear](#) [Cancel](#)

No. of Records : 16

Txn Ref No.	Transaction Description	Value Date	Transaction Status	POS Description
FCSF020110056136	Cust Plain Booking Enrichment	02-JAN-2010	Enrichment Pending FOR AUTHORIZATION	CN SÀI GÒN
FCSF010909051055	Cust Plain Booking Enrichment	01-SEP-2009	Authorised	CN SÀI GÒN
FCSF020110056133	Cust Plain Booking Enrichment	02-JAN-2010	Enrichment Pending FOR AUTHORIZATION	CN SÀI GÒN
FCSF020110056122	FTO - 103 Plain Booking	02-JAN-2010	Authorized	CN SÀI GÒN
FCSF010909051091	Cust Plain Booking Enrichment	01-SEP-2009	Enrichment Pending FOR AUTHORIZATION	CN SÀI GÒN
FCSF020110056129	Cust Plain Booking Enrichment	02-JAN-2010	Enrichment Pending FOR AUTHORIZATION	CN SÀI GÒN
FCSF020110056132	FTO - 103 Plain Booking	02-JAN-2010	Authorized	CN SÀI GÒN
FCSF010110055992	Cust Plain Booking Enrichment	01-JAN-2010	Authorised	CN SÀI GÒN
FCSF020110056121	Cust Plain Booking Enrichment	02-JAN-2010	Enrichment Pending FOR AUTHORIZATION	CN SÀI GÒN
FCSF020110056084	FTO - 103 Plain Booking	02-JAN-2010	Authorized	CN SÀI GÒN

[First](#) [Previous](#) [Next](#) [Last](#) [Exit](#)

Nếu có nhiều điện, người sử dụng có thể tìm điện theo các trang khác nhau theo các nút chức năng sau:

- First: Trang đầu tiên
- Previous: Trang trước đó

- Next: Trang tiếp theo
- Last: Trang cuối cùng

Tất cả các giao dịch theo tiêu chí đã chọn xuất hiện trong màn hình.

Chọn giao dịch cần xem bằng cách nhấn vào Số tham chiếu của giao dịch (Txn. Ref. No.), màn hình bao gồm các chi tiết của giao dịch đó xuất hiện như sau:

FCY - Outgoing Customer View Screen Reference Number FCSF010909051055

Debit Account Details			
Customer Account	000004514	Category	Doanh nghiệp
Name	TGKQH-CTY TNHH TMXD DA LOC		
Type	Cư trú	Status	Khách hàng bình thường
Credit Account Details			
Transfer Currency	USD	Nostro A/c No	9112148408
Beneficiary Customer Details			
Ben Details	99999	Account Bank	CITIUS33XXX
	DUNG TEST		CITIBANK N.A.
			111 WALL STREET
			NEW YORK,NY 10043
			UNITED STATES
Purpose Type			
Ordering Customer Details			
Account Number & Name	000004514 CTY TNHH TMXD DA LOC	Address	281228 BINH LOI P13 QBINH THANH ,OT WARD NO -OTHERS , BLOCK NO -14 , PO TP.HO CHI MINH ,VIET NAM
Transaction Details			
Debit Amount	VND 178,250	Value Date	01-09-2009
Transfer Amount	USD 10,00		
Charges Details			
Charge type	Exclusive	Charges Amount	VND 99,393
Charge Account	000004514		
Swift Charge	SHA		
Other Details			
Internal Remarks	Customer Remarks		
Maker Id	TST1USR026	Maker Date	01-09-2009
Auth Id	TST1USR029	Auth Date	01-09-2009

[▶ Conversion Details](#)
 [▶ Transaction Details](#)
 [▶ Show Message](#)
 [▶ Charge Details](#)
 [▶ Route Details](#)
 [▶ Instruction Codes](#)
 [▶ Remittance Information](#)
 [▶ Sender to Receiver Information](#)
 [▶ Cancel](#)

Xem thêm phần giải thích các nút chức năng dưới màn hình tại phần Outgoing Customer Plain Booking (MT103).

Đóng màn hình: Nhấn chọn [▶ Cancel](#)